

# diễn đàn

Số 70 / 1.1.1998

ISSN 1164-2378

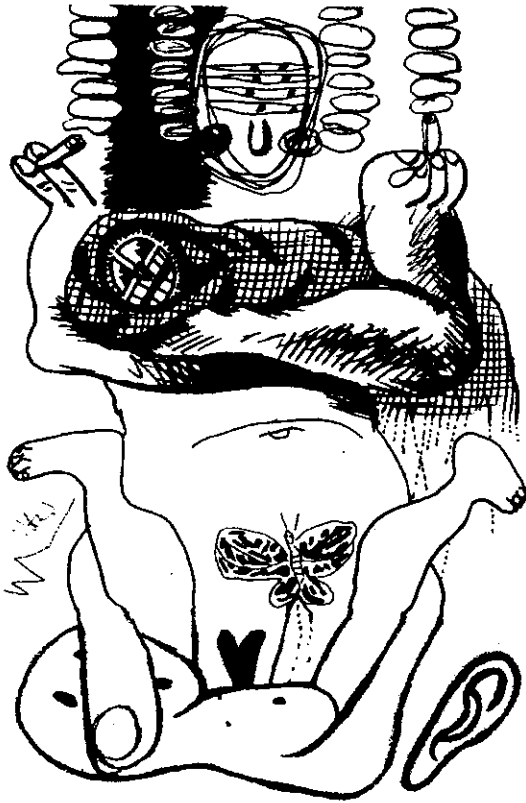
F O R U M

Trần Lương

Hans van Bellen

Viet Hai

Renke Enghardt



Cadavre exquis

## mục lục

1 Tìm thù trên trang sách báo... Hoà Vân

2 Bạn đọc và *Diễn Đàn*

### Thời sự & những vấn đề

4 Tin tức

9 Khủng hoảng kinh tế? Faith Keenan

11 Làm gì để tránh khủng hoảng? Vũ Quang Việt

15 Khí hậu nổi nóng Bùi Mộng Hùng

18 Luật Guigou, luật Chevènement Nguyễn Quang

### Văn hoá & khoa học & nghệ thuật

21 Tri thức bọm (tiếp theo) Hàn Thuỷ

23 *Nghiên cứu chữ huy*  
*Việt Nam* (đọc sách) Nguyễn Trọng Nghĩa

25 Xem phim *Ai xuôi vạn lý* Kiến Văn

27 Phỏng vấn Nguyễn Thị Minh Ngọc *Diễn Đàn*

28 Sổ tay hội họa Văn Ngọc

30 Tầng trật thiên đường (*truyện ngắn*) Bùi Hoàng Vị

## Tìm thù trên trang sách báo...

Hoà Vân

Những khó khăn đang đe dọa Việt Nam (khủng hoảng tín dụng, ngân hàng; khủng hoảng kinh tế nói chung lan từ các nước láng giềng; nông thôn âm ỉ hoặc sôi sục phản kháng...) lại một lần nữa lại là dịp cho đảng cộng sản Việt Nam ca bài ca "diễn biến hoà bình của các thế lực thù địch", và các nhà báo được lệnh "tăng cường cảnh giác" hơn. Nếu không...Sau vụ tổng biên tập tuần báo **Doanh Nghiệp**, ông Nguyễn Hoàng Linh, bị bắt gần hai tháng nay (ĐĐ số 68), sau "Chỉ thị về công tác báo chí và xuất bản" của bộ chính trị ngày 17.10 (ĐĐ số 69), người ta tiếp tục ghi nhận những biện pháp cứng rắn và lời "lên lớp" của nhiều nhân vật lãnh đạo đảng về yêu cầu "cảnh giác" đó.

Theo báo **Quân đội Nhân Dân** ngày 9.12, bộ nội vụ đã có quyết định thành lập một "trung tâm thông tin, báo chí", nhằm "quản lý và chỉ đạo công tác cung cấp thông tin cho các hãng thông tấn và báo chí". Trung tâm cũng có nhiệm vụ "theo dõi tin tức báo chí và phát hiện những nội dung liên quan tới an ninh, bảo vệ trị an và việc xây dựng lực lượng công an, để báo cáo với lãnh đạo bộ". Ngoài ra, trung tâm sẽ hợp tác với ban tư tưởng - văn hoá trung ương và bộ văn hoá - thông tin để giúp báo chí "định hướng nội dung các thông tin". Ngày 12.12, tờ **Công an nhân dân** trích lại lời của Hữu Thọ, trưởng ban tư tưởng - văn hoá trung ương trong một buổi họp báo của bộ nội vụ, cảnh báo các nhà báo phải vô cùng thận trọng khi sử dụng tin tức của báo chí nước ngoài! "*Chúng ta đã mở cửa ra thế giới bên ngoài, nhưng phải cảnh giác*", ngài trưởng ban nhắc nhở. Và như để chứng minh rằng vì mở cửa nên rủi ro nặng bên ngoài mới bay vào được (nếu không mở, chắc rằng phân, rác trong nước cũng thom?), chính quyền thành phố HCM và bộ văn hoá - thông tin đã tổ chức ngày 11.12 một cuộc đốt sách và các "văn hoá phẩm độc hại" khác, nối lại các cuộc "truy quét" hắc ám của đầu năm 1996 (xem ĐĐ số 50, tháng 3.1996). Theo báo **Lao Động** ngày hôm sau, hơn 13 300 băng video, gần 7 000 đĩa CD, và khoảng 7 400 sách, tạp chí đã làm mồi oan cho lửa. Ngày 15.12, tới lượt bộ trưởng quốc phòng Phạm Văn Trà lên tiếng về yêu cầu cảnh giác

(xem tiếp trang 8)

đón đọc

# thờidại

tạp chí nghiên cứu & thảo luận

số 1 (đang in) sẽ ra tháng 1-1998 với các bài :

Trương Đình Hoè, *Văn hệ Kim Vân Kiều truyện*.  
Vĩnh Sinh, *Về mối liên hệ giữa Phan Bội Châu và Nguyễn Ái Quốc ở Trung Quốc 1924-1925*.

Vũ Quang Việt, Đặng Thọ Xương, Nguyễn Văn Chính và Nguyễn Sinh Cúc, *Kinh tế nông thôn Việt Nam sau đổi mới và viễn tượng tương lai*.

Lê Văn Cường, *Một vài vấn đề kinh tế trong thời kỳ chuyển đổi*.

Nguyễn Huệ Chi, *Đọc "Việt Nam Phật giáo sử luận"*.

Bùi Mộng Hùng, *Hệ y tế Việt nam trước thử thách của thực tại : liên tục và gián đoạn*.

Trần Văn Khê : *Nét nhạc dân tộc trong những sáng tác của Lưu Hữu Phước*.

Bùi Trọng Liễu : *Làng xưa*.

**Ban chủ biên lâm thời :**

Lê Thành Khôi, Lê Văn Cường, Trần Hải Hạc

**Địa chỉ liên lạc :** Lê Văn Cường, Editeur Revue THỜIDẠI, CEPREMAP, 142 rue Chevaleret, 75013 Paris, FRANCE.

Fax : Lê Văn Cường, Revue THỜIDẠI, 33 1 44 24 38 57

E-mail : levan@cepremap.msh-paris.fr

Mua dài hạn : 180 FF (4 số) / giá bán mỗi số : 50 FF (ngân phiếu đề tên LE VAN, gửi về địa chỉ trên).

## MAISON DES ARTS EUROPE ASIE

20 rue Greneta 75002 PARIS Tel/fax 01 42 33 40 30  
ouvert du mardi au samedi de 10h30 à 19h30

le dimanche et le lundi de 15h30 à 19h00

Métro : Réaumur-Sébastopol

### Programme de Janvier 1998

EXPOSITIONS

#### *Images d'Indochine au début du siècle*

exposition des vieilles cartes postales (120x80cm)  
avec des commentaires, organisée avec l'association

des anciens élèves du Lycée Albert Sarraut

du 10 au 31 janvier 1998

vernissage le 31 janvier à partir de 18h

#### ARTS ARTISANAUX : Objets d'art du Vietnam

Objets du quotidien de céramique, de laque, de corne...

#### TÊT, NOUVEL AN VIETNAMIEN

Samedi 24 janvier, à partir de 19h30

une soirée exceptionnelle : concert consacré à la  
musique traditionnelle (chants populaires, dans de  
la Cour et théâtre Chèo...); rencontre avec un grand  
maître en astrologie ; buffet vietnamien

COURS

Cours de langues et de civilisation : chinois, vietnamien,  
japonais, indonésien et thaïlandais, plusieurs niveaux, en  
permanence (Frais de scolarité : 500 F/trimestre)

Cours de dessin, de peinture et de musique traditionnelle

## Bạn đọc và Diễn Đàn

### Con người không chỉ sống bằng thành kiến

Tôi đọc thích thú bài *Việt Kiều : Nhịp cầu nối hai thế giới* (D.Đ. số 69, 12.97, tr. 15-17). Xin cảm ơn anh bạn Nguyễn Hoàng đã cất công dịch bài này.

Trong các cộng đồng người Việt ở nước ngoài giới trẻ thường đông và năng động. Những loại ký họa ghi nhanh *Diễn Đàn* hay đăng về người Việt ở khắp nơi trên thế giới rất bổ ích để nhận diện kịp thời những nét mới vừa phát sinh, các thành kiến đang tan rã...

Mà thành kiến thường dai dẳng đến không ngờ. Tôi xin lấy làm ví dụ một câu ở ngay trong bài của David Lamb này : " Số bác sĩ y khoa hành nghề ở nước ngoài đông hơn trong nước " !

Một thành kiến từ những năm 75-80. Vào thời ấy có khoảng trên 2 000 bác sĩ bỏ ra nước ngoài. Không có gì làm kiểm chứng, nhưng cho rằng hơn một nửa bác sĩ của miền Nam bỏ ra đi thì có thể tin được. Đúng cho miền Nam, nhưng nếu nói rộng ra cả nước thì lại chắc chắn đã sai rồi : số bác sĩ miền Bắc khi ấy đông hơn miền Nam.

Từ ấy tới nay biết bao nước chảy qua cầu, mỗi năm có hàng ngàn bác sĩ ra trường, 1993 Việt Nam đã có 28 500 bác sĩ. Thành kiến ấy vẫn tro tro như đá.

Số liệu về Việt Nam ngày nay không còn khó kiếm như xưa, có trong các sách tổng kết tình hình thế giới hàng năm cho người đọc bình thường. Không bị thành kiến che mắt thì thấy ngay.

Con số nói trên tôi thấy trong mục Việt Nam, quyển *Chiffres du Monde 1996*, Encyclopedia Universalis của thư viện làng tôi.

Thường thì Người đánh máy *Diễn Đàn* rất tinh mắt và hay dí dỏm chú thích những hạt sạn kiểu này. Tôi đồ rằng bài từ Cali chạy sang Paris qua mạng lưới internet, quá nhanh mắt người đánh máy nhìn không kịp, có đúng thế chăng ?

Hai Gà đá (Antony)

Xin ghi nhận lời nói kháy của anh Hai. Và nhân tiện cũng xin thông báo là theo những nguồn tin của chúng tôi,

## N.Q.T. OPTIQUE

Melle NGUYEN QUANG

opticien diplômé

### SPECIALISTE VARILUX

Remise 20 % : verres Essilor, lentilles jetables, montures & solaires de grandes marques, loupes jumelles thermomètres  
Montures en promotion jusqu'à 50 % et autres remises non cumulables.

Heures d'ouverture : matin 9 h 30 à 13 h

après-midi 14 h 30 à 19 h 00

(fermé samedi après-midi & lundi matin)

137 Boulevard de Grenelle, 75015 PARIS, Tél : 01 45 66 93 27

Métro : Cambronne ou La Motte Picquet Grenelle ; Bus : 49, 80.

đồng bào ngồi buồn chống Cộng ở Quận Cam đang phát động một cao trào phản đối tên nhà báo David Lam vì gây thơ nên ăn phải bả Việt cộng, Việt cộng móm gì thì viết nấy. Ngoài ra, cũng xin đính chính một điểm nhỏ trong bản dịch (trang 16, cột 1) : thay vì “ con bà sứt 15 cân ”, xin đọc là “ 15 cân... ta (hay cân Mỹ cũng thế) ”, hay “ hơn 7 kí ”.

### Bao giờ ĐĐ mới chịu bàn về tác phẩm Đỗ Kh. ?

Tôi muốn đề nghị ai đó trong (hay ngoài) êkíp Diễn Đàn viết một bài (nghiêm chỉnh) về cách sử dụng ngôn ngữ (không mấy nghiêm chỉnh) của Đỗ Kh. Sự sáng tạo ngôn ngữ tài tình của Đỗ, theo ý tôi, thể hiện một nghệ thuật bút chiến xuất chúng (xem *Làm thơ không được bỏ giá sống*), và xuất phát từ một ý thức sâu sắc về khả năng chơi nghịch gần như vô biên nhờ sự *chung chạ ngôn ngữ*, một cảm quan sắc sảo về tiết tấu (*sens du rythme*, về điểm này, trên một số Diễn Đàn trước đây, Đặng Tiến đã viết, rất sớm và rất tinh tế, là mỗi câu văn của Đỗ Kh. là một câu thơ). Tôi cho rằng đến nay chúng ta vẫn coi nhẹ đặc điểm và sự phong phú trong tiếng Việt của cộng đồng những người mà Đỗ Kh. gọi là “ sống ngoài nước ” trong hoàn cảnh song ngữ (bilinguisme). Tôi nghĩ tới vai trò của những tạp chí như *Diễn Đàn*, *Thế kỷ 21* (không kể tới những tờ báo *đa khoa*) trong sự *sáng tạo* những *hình ảnh mới* (thông qua dịch thuật), những *từ đoạn* mới (syntagmes), những *từ ngữ mới*, làm giàu thêm ngôn ngữ trong chiều hướng đa dạng, mang lại những chất thơ mới, sống động hơn (người ta nhìn vấn đề bằng con mắt khác khi người ta rọi sáng nó bằng những hình tượng mới).

Trở lại Đỗ Kh., tôi cứ phân vân không biết Đỗ chỉ là một nhà văn *bricoleur* tài tình, đùa với ngôn ngữ và các nền văn hoá, các huyền thoại, hay hơn thế, Đỗ là một nhà văn chân chính, nói những điều chỉ có mình anh có mà nói, và nói với cách của riêng anh ? Rất mong đợi một (hay nhiều) bài báo Diễn Đàn giúp tôi trả lời câu hỏi đó.

T.T. Bích Uyển (Paris, Pháp)

☞ *Rất cảm ơn chị đã chọn mặt gửi vàng, đặt quá nhiều kỳ vọng vào tờ báo. Xin ghi nhận yêu cầu đó, song cũng đề nghị trở lại : tại sao chị không tiếp tục những suy nghĩ và nhận xét tinh tế ấy ? Diễn Đàn sẵn sàng đăng như bài đầu tiên trong loạt bài về Đỗ Kh. và văn học, ngôn ngữ hải ngoại.*

## DIỄN ĐÀN FORUM

*Chủ nhiệm* : Nguyễn Quang Đỗ

*Tổng biên tập* : Hà Dương Tường

*Ban chủ biên* : Hà Dương Tường, Nguyễn Ngọc Giao,

Bùi Mộng Hùng, Văn Ngọc.

*Ban biên tập, kỹ thuật, quản lý* :

Vũ An, Trần Đạo, Nguyễn Lộc, Hoàng Lê,

Tuấn Linh, Nguyễn Trọng Nghĩa,

Thoại Phong, Nguyễn Quang, Phong Quang, Bảo Tâm,

Thanh Thanh, Vũ Thanh, Nguyễn Thắng, Hàn Thủy,

Đặng Tiến, Nam Trân, Hoài Văn, Kiến Văn,

Hải Vân, Hoà Vân

## Giá biểu quảng cáo và rao vặt

**Rao vặt** : từ 1 đến 3 dòng : 50 F, từ dòng thứ 4 trở đi, mỗi dòng thêm 10 F (mỗi dòng chiều ngang 5,9 cm, khoảng 15 ký hiệu).

**Quảng cáo** : 1/8 trang : 180 F, 1/4 trang : 300 F, 1/2 trang : 550 F, 1 trang : 1000 F (*giá này chưa tính thuế TVA 20,6 %*)

**Đăng liên tiếp nhiều số báo** : lần thứ hai : bớt 10 %, từ lần thứ ba trở đi : bớt 20 %

**Chứng từ đăng tải** : sau khi báo ra, toà soạn sẽ gửi hoá đơn và bản sao chụp trang có đăng quảng cáo hay rao vặt. Nếu muốn nhận nguyên số báo, xin thêm 25 F (tiền số báo + cước phí bưu điện).

## Phiếu mua báo Diễn Đàn

Họ và tên .....

Địa chỉ .....

.....Điện thoại : .....

mua một năm báo Diễn Đàn kể từ số.....

Kèm theo đây là ngân phiếu .....FF

đề tên DIEN DAN gồm :

.....FF là tiền mua báo (Pháp, kể cả các tỉnh và lãnh thổ DOM-TOM : 250 FF ; châu Âu ngoài Pháp : 280 FF ; và các nước ngoài châu Âu : 330 FF)

.....FF là tiền ủng hộ.

Xin gửi phiếu này và séc (hoặc *money order*) về địa chỉ : DIEN DAN, B.P. 50, 92340 BOURG-LA-REINE (FRANCE).

Bạn đọc ở **Châu Âu** thuộc khối Liên hiệp kinh tế UE có thể ra bưu điện chuyển thẳng số tiền tương đương với 280 FF vào trương mục (CCP) số 30041 00001 0441614W020 76 của Diễn Đàn. Như vậy tránh được cho chúng tôi hơn 80 FF lệ phí các loại mỗi lần nhận được Eurocheque hoặc Money Order.

Bạn đọc ở **Hoa Kỳ** xin ký séc 65 USD đề tên ông HOANG NGUYEN và gửi về toà soạn (*xem trên*).

Bạn đọc ở **Canada** xin gửi *money order* 65 USD đề tên ông HOANG NGUYEN và gửi về toà soạn (*xem trên*).

Bạn đọc ở **Úc** : *money order* 65 USD đề tên ông HOANG NGUYEN và gửi về toà soạn (*xem trên*).

Bạn đọc ở **Ba Lan**, giá đặc biệt : số tiền zloti tương đương với 15 USD / năm, séc đề tên Anna Le Duc, tài khoản XO/PBP Warszawa,

1603-179360-170-4 Warszawa (for Forum), hoặc chuyển tiền qua bưu điện đến địa chỉ : Anna Le Duc, 03-914 WARSZAWA, ul. Saska 44/19.

Bạn đọc ở **Thụy Sĩ** có thể thanh toán (70 FS/năm) vào trương mục Journal DIENDAN, CCP 12-83273-3, 1211 GENEVE 1 : xin viết thư về toà soạn để chúng tôi gửi phiếu chuyển ngân (*bull. de versement virement*).

Bạn đọc ở **Đức** có thể gửi séc 80 DM cho ông TRAN, Am Stadtpark 6, 92237 SULZBACH-ROSENBERG hoặc chuyển khoản vào trương mục (Überweisung)

DIEN DAN - FORUM (Bank : SPARKASSE AMBERG-SULZBACH, Konto : N° 380 48 94 76 : BLZ 752 500 00)

# Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức

## Nông thôn chia yêu...

Theo nhiều nguồn tin các hãng thông tấn, tới cuối tháng 11 các tỉnh Thái Bình và Đồng Nai vẫn tiếp tục bị xáo trộn vì những vụ phản kháng của nông dân (Thái Bình) và giáo dân (Đồng Nai). Nhà cầm quyền đã phải gửi nhiều nhân vật cao cấp về trấn an tại chỗ, đồng thời phong toả tin tức, không cho phóng viên nước ngoài tới các tỉnh này.

Ở Đồng Nai, một uỷ viên thường vụ Mặt trận Tổ Quốc, ông Nguyễn Túc đã xuống hợp với chính quyền và đại diện giáo hội địa phương trong khi giáo dân vẫn kiên quyết đòi địa phương trả lại đất cho nhà xứ Trà Cổ. Tình hình chỉ có vẻ tạm lắng sau lời kêu gọi của giám mục phụ trách địa phận.

Cuộc phản kháng của nông dân Thái Bình rõ ràng trầm trọng hơn và chứa đựng nhiều mối lo hơn cho chính quyền, vì đựng tới những vấn đề kinh tế-xã hội không phải chỉ riêng có ở tỉnh. Hai nhân vật của bộ chính trị, các ông Phạm Thế Duyệt (người Thái Bình) và Lê Minh Hương (bộ trưởng nội vụ) đã đi tận nơi xem xét tình hình và hai nhân vật lãnh đạo tỉnh đã bị cách chức (xem ĐĐ số trước). Theo báo Nhân Dân ngày 2.12, chính phủ đã tổ chức tại tỉnh một hội nghị về kinh tế do phó thủ tướng Nguyễn Công Tạn chủ trì. Sau hội nghị, một số biện pháp đã được đề ra nhằm khuyến khích xuất khẩu gạo và thịt lợn, và tạo thêm công ăn việc làm trong công nghiệp nhẹ và hạ tầng cơ sở tỉnh. Tuy nhiên, tờ báo không nêu rõ những biện pháp nào và chính phủ định đầu tư bao nhiêu cho tỉnh. Câu hỏi hiển nhiên không chỉ liên quan tới Thái Bình, khi 80 % dân cả nước còn sinh sống ở nông thôn và cuộc sống của người nông dân nói chung vẫn đang xuống thấp so với thành thị... (Tin AFP, Reuters 25, 27.11; 2.12.1997)

## Kinh tế 1998 : những chủ trương và giải pháp lớn

Theo nhận định mới nhất của chính phủ, tình hình kinh tế năm 1997 có những dấu hiệu chững lại đáng lo ngại, mặc dù tổng sản phẩm quốc nội GDP tăng tưởng 9 % (1996 : 9,5 % ; 1996 : 9,3 %) là tốc độ cao nhất của khu vực Đông Nam Á. Báo cáo trước quốc hội tháng mười một vừa qua của thủ tướng Phan Văn Khải xác nhận : “ Bước chuyển sang thời kỳ phát triển mới làm bộc lộ rõ những chỗ yếu cơ bản của nền kinh tế và của bộ máy nhà nước đang tác động bất lợi đến sự phát triển kinh tế”. Ông cho rằng : “ Cần nhìn vào sự thật để có những giải pháp thiết thực nhằm tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới ”.

Trong số những chỗ yếu cơ bản, ông Khải nói đến : hiệu quả và khả năng cạnh tranh thấp của nền kinh tế ; tích lũy trong nước thấp, tỷ số tiết kiệm kém ; khu vực doanh nghiệp nhà nước hoạt động kém hiệu quả, thua lỗ kéo dài ; khu vực

doanh nghiệp tư nhân phát triển chậm, số công ty giảm, phần ảnh tâm lý e ngại đầu tư trong nhân dân ; quan hệ phân phối làm tăng nhanh khoảng cách chênh lệch giữa các tầng lớp và giữa các vùng ... Bản báo cáo của ông Khải nêu ra nhiều chủ trương lớn : Nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế ; Phát triển nông nghiệp và nông thôn ; Cải tạo khu vực doanh nghiệp nhà nước ; Lành mạnh hóa hệ thống tài chính - tiền tệ ; Kết hợp tăng trưởng kinh tế với công bằng xã hội...

Chính phủ đề xuất tám giải pháp lớn trong đó có những biện pháp như :

- Cho phép kinh tế hộ nông dân phát triển sản xuất với quy mô không hạn chế.
- Cho đấu thầu quản lý và bán đấu giá một số doanh nghiệp nhà nước
- Bỏ điều kiện tự nguyện của giám đốc khi tiến hành cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước.
- Thiết lập một chế độ khuyến khích ưu đãi chung cho tất cả thành phần kinh tế.
- Cấm việc thanh tra, kiểm tra tùy tiện các doanh nghiệp, gây bất ổn cho người kinh doanh.
- Thực hiện đấu thầu hạn ngạch xuất nhập khẩu đối với các thị trường có yêu cầu hạn ngạch.
- Thí điểm xây dựng một số khu mậu dịch tự do.
- Đơn giản hóa các thủ tục hành chính trong tất cả các cơ quan nhà nước.
- Qui định chế độ trách nhiệm cá nhân trong việc bảo đảm tính trung thực trong báo cáo, thông tin.
- Chuyển hoạt động công vụ từ ban phát, xin - cho thành hoạt động dịch vụ hành chính cho dân.

(Tuổi Trẻ 20 và 22.11 ; Thời báo kinh tế Sài Gòn 27.11.97)

### Kết quả 1997 và mục tiêu 1998

	1997	1998
Tăng trưởng GDP	9 %	9 %
Tăng trưởng công nghiệp	13,2 %	13,5 %
Tăng trưởng xuất khẩu	24 %	25-26 % (11 tỉ đô la)
Tăng trưởng nhập khẩu	3 %	18-20 % (13 tỉ đô la)
Bội chi ngân sách/GDP	4,8 %	3,5-4 %
Chỉ số giá cả	4-5 %	6-7 %

## Viện trợ 1998 : cam kết 2,4 tỷ đô la nhưng giải ngân bao nhiêu ?

Hội nghị lần thứ 5 của các nhà tài trợ cho Việt Nam, họp tại Tokyo (Nhật Bản) trong hai ngày 11 và 12 tháng chạp vừa qua, đã đưa đến cam kết viện trợ 2,4 tỉ đô la cho Hà Nội trong năm 1998. Một mức tương đương với năm 1997, mặc dù nguồn vốn ưu đãi trên thế giới hiện nay đang khan hiếm từ khi cuộc khủng hoảng tài chính ở Đông Á và Đông Nam Á. làm cho các nhu cầu tăng vọt. Tham gia hội nghị Tokyo có đại diện của 21 chính phủ và 6 tổ chức quốc tế. Nhà tài trợ lớn nhất cho Việt Nam vẫn là Nhật Bản (750 triệu đô la.) kể

đến là Ngân hàng Thế giới (WB) và Ngân hàng phát triển châu Á (ADB).

Phía chính phủ Việt Nam có cam kết ngược lại là thực hiện một chương trình cải cách kinh tế 6 điểm nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh và hiệu quả của nền kinh tế, cải tổ khu vực quốc doanh và phát triển khu vực tư doanh. Hà Nội còn nhấn mạnh đến trọng tâm giảm nghèo đói và chênh lệch giữa nông thôn và thành thị. Bản báo cáo của hội nghị do WB soạn dưới tựa đề “**Việt Nam : thúc đẩy cải cách**” cho rằng Hà Nội cần có những chính sách mới trong ba lĩnh vực : doanh nghiệp nhà nước, mậu dịch xuất nhập khẩu, tài chính ngân hàng. Đại diện của WB nhấn mạnh : “*Các nhà tài trợ mong muốn bày tỏ việc ủng hộ chính phủ mới trong một hướng đi mới*”. Từ các nhà tài trợ, không phải không có lo ngại rằng công cuộc cải cách kinh tế của Việt Nam tiếp tục giẫm chân tại chỗ như trong các năm vừa qua. Đại diện của chính phủ Nhật đã không ngần ngại tuyên bố : “*Chúng tôi mong muốn khuyến khích những người cải cách trong cuộc đối đầu với người chống lại những cải cách và sự phát triển của nền kinh tế thị trường*”.

Các nhà tài trợ cũng nghi ngờ khả năng hấp thụ viện trợ của Việt Nam. Qua bốn lần hội nghị trước đây, tổng số tài trợ song phương và đa phương lên tới 8,3 tỉ đô la (1993 : 1,8 tỉ đô la ; 1994 : 2 tỉ ; 1995 : 2,1 tỉ ; 1996 : 1,4 tỉ), song chỉ mới 30 % được giải ngân, mặc dù tỉ lệ này có cải thiện mỗi năm (1996 : 612 triệu đô la ; 1997 : 985 triệu). Trong năm 1998, theo một dự báo của Chương trình phát triển Liên hiệp quốc (UNDP), Hà Nội có thể giải ngân 1,1 tỉ đô la. Dù sao thì mức độ đó vẫn là chậm chạp và WB cho rằng đã đến lúc phía Việt Nam và phía các nhà tài trợ phải thảo luận tìm ra một hệ thống mới cho các hình thức giải ngân. (AFP 12 và 13.12 ; Thời báo kinh tế Sài Gòn 27.11 ; Tuổi Trẻ 22 và 29.11.97)

### **Xoá - hoãn 850 triệu \$ nợ thương mại**

Ngày 16.12, Việt Nam đã ký với Ủy ban tư vấn ngân hàng về Việt Nam (Bank Advisory Committee of Vietnam, BACN), thường được gọi dưới tên chung là Câu lạc bộ Luân Đôn, tự hợp những chủ nợ thương mại của một nước, một thoả ước về cơ cấu lại món nợ 851 triệu USD của Việt Nam đối với các ngân hàng tư nhân quốc tế. Phía BACN do các đại diện của Ngân hàng Tokyo - Mitsubishi và Ngân hàng đầu tư ANZ đứng chủ trì lễ ký. Thoả ước không bao gồm món nợ 10 tỷ rúp mà Việt Nam vay của Liên Xô cũ.

Theo thoả ước, khoảng một nửa món nợ 851 triệu USD (kể cả vốn - 341 triệu - và lãi) sẽ được xoá đi, phần còn lại Việt Nam sẽ trả bằng “*cổ phiếu Brady*” giá trị 30 năm. Như vậy, gánh nặng nợ của Việt Nam sẽ được giảm đi đáng kể. Thoả ước đã được thương lượng với sự trợ giúp của các định chế tài chính quốc tế IMF, WB, ADB, và mở lại đường cho Việt Nam vay khoảng 100 đến 150 triệu đôla của các ngân hàng tư trong năm tới. (AFP 4.12, AP 16.12.1997)

### **Nga - Việt : chia giải quyết xong vấn đề nợ**

Thủ tướng Nga Victor Chernomyrdyne đã rời thành phố HCM thứ tư 26.11.1997 sau khi dự lễ mừng tấn đầu thứ 50

triệu của VietsovPetro, một công ty liên doanh Nga-Việt, kết thúc ba ngày thăm chính thức và làm việc với Việt Nam. Tại Hà Nội hai ngày trước, ông đã có những cuộc hội đàm với thủ tướng Phan Văn Khải, chủ tịch Trần Đức Lương và tổng bí thư Đỗ Mười. Hai bên đã ký kết 4 hiệp định hợp tác về các lĩnh vực khai thác dầu khí, du lịch, thương mại và công nghệ, và sau cùng ,về lĩnh vực thú y. Hai bên cũng đã thảo luận về vấn đề hợp tác quân sự, đặc biệt về việc Việt Nam có thể mua của Nga 10 chiếc máy bay chiến đấu Sukhoi SU-27, và việc Nga vẫn muốn tiếp tục được quyền sử dụng cảng Cam Ranh, song chi tiết về những cuộc thảo luận này không được công bố.

Vấn đề mắc mứu chính trong quan hệ giữa hai nước là món nợ 10 tỷ rúp của Việt Nam đối với Liên Xô cũ, nay do Nga hưởng 80 % và là chủ nợ thay mặt các nước khác của Liên Xô cũ. Mạc Tư Khoa đòi Việt Nam trả theo tỷ giá hối vay nợ (một rúp = một đôla), với lãi và lạm phát thành 17 tỷ đôla hiện tại. Hà Nội ngược lại không chịu tỷ giá hối trước vì đó chỉ là một tỷ giá do Liên Xô đơn phương xác định, và đòi áp dụng tỷ giá hiện tại, nghĩa là món nợ chỉ bằng 1,6 triệu đôla. Với sự cách biệt quá xa đó, dĩ nhiên thoả thuận đã không đạt được. (AFP 24-27.11.1997)

### **Bài học Lý Quang Diệu**

Cựu thủ tướng Singapore Lý Quang Diệu đã sang thăm Việt Nam lần thứ tư trong 4 ngày cuối tháng 11.97. Ngoài những lời ngoại giao đối với các nhà lãnh đạo Việt Nam (ông Diệu đã có nhã ý gọi ra rằng tổng bí thư Đỗ Mười có thể trở nên một Đặng Tiểu Bình của Việt Nam), ông Diệu đã nói thẳng ra một số điều ông cho rằng không ổn trong khi quan sát tình hình Việt Nam gần đây.

Về tình hình tài chính và những yếu kém bộc lộ trong khu vực ngân hàng, ông Diệu không ngần ngại cho rằng Việt Nam phải giải quyết hệ tư tưởng cộng sản của mình trước khi có thể giải quyết các vấn đề tài chính ! Cựu thủ tướng Singapore, nước đầu tư nhiều nhất vào Việt Nam (5,2 tỷ đôla cho tới nay), đã chia sẻ những cảnh báo của các định chế tài chính quốc tế như IMF, WB về việc Việt Nam cần nhiều cải tổ cấp bách nếu không muốn dứt nguồn đầu tư từ ngoài vào. Theo ông, cần thay đổi những luật lệ hiện nay đang ngăn cản nhà đầu tư nước ngoài mang tiền lãi trở về. Trả lời một nhà báo Việt Nam, ông nói : “*Nhà đầu tư không đến đây để xây dựng Việt Nam, mà để làm ăn có lãi. Nếu họ không được mang tiền vào và ra thì sẽ chẳng còn ai mang vào nữa*”. Theo ông, có một khuynh hướng trong chính quyền Hà Nội cho rằng những nhà đầu tư nước ngoài đã vào Việt Nam thì thế nào họ cũng phải chịu đựng, như thể Việt Nam “*coi họ là những con tin*”, “*đó là một sai lầm lớn, vì những con chim trên bầu trời sẽ không chịu đậu vào dây nếu chúng thấy một con khác đã bị bẫy vào lồng*”.

Được hỏi về phản ứng của những nhà cầm quyền Việt Nam trước các quan điểm của ông, ông Diệu nói rằng “*Theo tôi, họ đồng tình với logic, nhưng tôi không chắc đã thuyết phục được họ rằng logic ấy cũng áp dụng cho Việt Nam*”. (AFP, Reuter 27, 29.11, Singapore Straits Times 30.11.1997)

## Trung Quốc - Việt Nam

Theo một thông báo của phủ tổng thống Philipin, trong những cuộc gặp gỡ giữa tổng thống Fidel Ramos với các nhà lãnh đạo Trung Quốc Giang Trạch Dân và Việt Nam Phan Văn Khải ngày 16.12, bên lề hội nghị ASEAN - Đông Á ở Kuala Lumpur, các bên đều chấp nhận giữ nguyên trạng về quần đảo Trường Sa và tỏ ý không muốn làm tình hình thêm căng thẳng. Tuy nhiên, tin từ phía Trung Quốc và Việt Nam về cuộc gặp tay đôi giữa các ông Dân và Khải ngày 14.12 không nói đến đề tài này. Mặc dù hai bên mỗi khi có dịp đều nhắc lại ý muốn giải quyết các tranh chấp qua đường thương lượng hoà bình, Trung Quốc vẫn tiếp tục hành động như toàn vùng biển Đông Nam Á như ao nhà của mình, không đếm xỉa gì đến các nước khác. Như những cơ sở mà hải quân Trung Quốc dựng trên đảo san hô Mischief Reef của Philippin hai năm trước. Như việc ký kết hợp đồng khai thác khí đốt trên vùng tranh chấp với Việt Nam trong vịnh Bắc Việt, phía tây nam đảo Hải Nam, giữa Công ty quốc gia dầu khí ngoài khơi của Trung Quốc với công ty Mỹ Arco, cuối tháng 11.1997. Việt Nam dĩ nhiên đã phản đối, coi hợp đồng là không có giá trị.

Ngoài các vấn đề tranh chấp biên giới, quan hệ Việt Nam - Trung Quốc vẫn được hai bên đẩy mạnh về kinh tế, và chứa đựng nhiều lập lờ về chính trị. Mới đây, một cuộc gặp ngày 8.12 giữa phó thủ tướng Trung Quốc Lý Thuỵ Hoàn (Li Ruihuan) và tướng Lê Khả Phiêu đã được một số quan sát

viên coi như một dấu hiệu khích lệ đối với tướng Phiêu, ứng cử viên thay thế ông Đỗ Mười trong chức vụ tổng bí thư đảng cộng sản Việt Nam. Ông Hoàn được coi là có đầu óc cải tổ, như vậy sẽ bớt tiếng “bảo thủ” cho ông Phiêu. Ngược lại, rong buổi gặp đã nói trên giữa thủ tướng Phan Văn Khải và chủ tịch Giang Trạch Dân, ông Khải đã nhấn mạnh ông rất hưng phấn với lời kêu gọi cải tổ của ông Dân ở đại hội 15 của đảng Trung Quốc ! (AFP 8, 15, 16.12.1997)

### Khí đốt ngoài khơi

Đại công ty dầu khí Mỹ Unocal đã xác nhận ngày 15.12.1997 là tổ hợp khai thác khí đốt ngoài khơi Việt Nam do Unocal dẫn đầu đã tìm ra một mỏ khí có dự trữ đáng kể. Thông tin này dĩ nhiên đem lại chút hưng phấn cho giới phụ trách dầu-khí Việt Nam, khi nhiều công ty khác tỏ ý thất vọng về trữ lượng dầu mỏ tìm được ở Việt Nam. Tổ hợp Unocal Vietnam Exploration Ltd bao gồm Unocal (45 %), Mitsui Oil Exploration Co. (Moeco, Nhật, 25 %) và Repsol (Tây Ban Nha, 30 %).

Theo người phụ trách công tác của Uneco ở lô B, cách Vũng Tàu 480 km về phía tây nam, cả chất lượng khí và lưu lượng đạt được (1,3 triệu mét khối/ngày) đều đáng phần khối. Theo công ty, còn cần thêm dữ liệu mới xác tín được khả năng khai thác của mỏ.

Mặt khác, một liên doanh giữa British Petroleum, một công ty Na Uy, một công ty Ấn Độ và PetroVietnam đã xác nhận tìm được khí ở lô số 6, cách Vũng Tàu 400 km về phía đông nam, với trữ lượng được tính lên tới 50 triệu mét khối. (AFP 15.12.97)

### Lương giáo viên : tăng hay giảm ?

Vào đầu năm học, chính phủ có thông báo một tin đáng mừng : lương giáo viên sẽ được tăng lên 50 %. Đợi đến tháng 11 vừa qua, nhân “Ngày nhà giáo”, chính phủ mới công bố quyết định số 973 “phụ cấp ưu đãi” giáo viên trực tiếp giảng dạy ở các trường công lập và không áp dụng cho những cán bộ quản lý giáo dục. Theo quyết định này, phụ cấp lương được qui định có nhiều mức độ, từ 30 % lương đối với giáo viên đại học đến 70 % lương đối với giáo viên tiểu học những trường ở vùng xa xôi. Đồng thời quyết định 973 bãi bỏ chế độ phụ cấp 20 % lương áp dụng trước đây cũng như chế độ nhà trường sử dụng học phí để hỗ trợ đời sống giáo viên. Theo con tính của bộ giáo dục-đào tạo, có khoảng 750 000 giáo viên sẽ được tăng lương và gánh nặng đối với ngân sách nhà nước được ước tính là 1 200 tỉ đồng.

Song niềm vui của giới nhà giáo chỉ trong phút chốc, bởi vì khi tính toán lại cụ thể mức lương thật ra hoặc không tăng hoặc giảm, và trong nhiều trường hợp lại giảm nghiêm trọng. Tại Hà Nội, lương bình quân trước đây của giáo viên trung học là 400 000 đồng + 20 % phụ cấp (80 000 đ) + phần hỗ trợ từ học phí (50 000 đ) = 530 000 đ/tháng. Sau quyết định 973, lương mới : 400 000 đ + 35 % phụ cấp = 540 000 đ/tháng. Mức tăng lương chỉ là 10 000đ/tháng. Tại tỉnh Quảng Nam, nếu áp dụng những qui định mới, lương của giáo viên trung học ở những trường cấp huyện sẽ giảm đi 3200 đ mỗi tháng.

### Độc báo trong nước

## Kinh tế cát cứ

Ngày 23.9.97, ông Phan Lâm Phương, phó chủ tịch uỷ ban nhân dân tỉnh Quảng Bình, ký công văn số 705/CV-UB giao trách nhiệm cho sở thương mại-du lịch Quảng Bình “không cấp giấy phép kinh doanh cho các hộ đại lý kinh doanh mặt hàng bia hơi, bia tươi đưa từ ngoài tỉnh vào tiêu thụ trên địa bàn tỉnh”. Tuân thủ sự chỉ đạo trên, sở thương mại-du lịch Quảng Bình phát văn bản 244/TM-QLTT ra lệnh : từ ngày 1.10.97, các huyện, thị xã phải thông báo cho các hộ kinh doanh bia hơi, bia tươi đưa từ ngoài tỉnh vào chấm dứt kinh doanh ; nếu muốn kinh doanh thì hãy đăng ký làm đại lý bia hơi, bia tươi của tỉnh Quảng Bình. Công văn này đã được fax cho Nhà máy bia Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

Không cần bình luận gì nhiều, rõ ràng đây là hai “vấn bản nhà nước” thể hiện đậm nét nhất, điển hình nhất của cái gọi là nền kinh tế cát cứ. Và đây là một dự báo xấu cho một tương lai không xa nếu bức tranh quy hoạch kinh tế không kịp thời có những điều chỉnh ở tầm vĩ mô cho toàn quốc, toàn vùng. Xin đơn cử, hiện nay gần 100 % các tỉnh khu vực miền Trung đều có cảng biển và nhà máy đường (quy hoạch). Rồi đây liệu có phải có những công văn chỉ đạo cát cứ kiểu trên : tàu của địa phương không được cập cảng của tỉnh bạn, nông dân không được bán mía cho nhà máy đường ngoài tỉnh ...

Lâm Chí Công (Lao Động 15.11.97)

Còn tại Thành phố Hồ Chí Minh, lương bình quân giáo viên trung học giảm từ 192 000 đ/tháng ở những trường nội thành đến hơn 353 000 đ/tháng ở những trường ngoại thành ; lương bình quân giáo viên tiểu học tăng 13 000 đ/tháng ở những trường nội thành và giảm 147 000 ở những trường ngoại thành. Trưởng phòng giáo dục quận 1 TPHCM bình luận : “ Thoạt nghe chế độ phụ cấp mới thì cảm động lắm, nhưng suy tính lại, hóa ra được tiếng mà không được miếng. Tôi có cảm giác như bộ giáo dục - đào tạo tham mưu với chính phủ rất ... cảm tính và không sát với thực tế ”. (Lao Động 19.11 ; Tuổi Trẻ 27.11.97)

## **TPHCM : chợ hoa Tết Nguyễn Huệ không còn ?**

Tháng 11 vừa qua, ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ra quyết định không cho phép mở chợ hoa Tết Mậu Dần 1998 trên đường Nguyễn Huệ như những năm trước đây, với lý do là “ giữ gìn cảnh quan thành phố ”. Bốn địa điểm khác được đề nghị để họp chợ hoa Tết là Cầu Mống, công trường Mê Linh, công viên Bạch Đằng hay công viên 23-9. Quyết định dẹp một tụ điểm truyền thống của những ngày Tết đã gây ngay phản ứng không chỉ của giới buôn bán hoa mà của một số đông người dân thành phố “ cảm thấy mất đi một cái gì đó ”.

Trước sức ép của dư luận, ủy ban nhân dân quận 1 và sở thương mại thành phố đã lên tiếng kiến nghị ủy ban nhân dân TPHCM duy trì chợ hoa Tết ở địa điểm cũ. Còn sở giao thông công chánh, là cơ quan đề xuất sáng kiến nói trên, thì cho rằng chợ hoa Tết sẽ gây hư hại vườn hoa mới được xây dựng dọc theo hai bên đường Nguyễn Huệ, đặc biệt là những thảm cỏ xanh, “ làm mất đi vẻ đẹp phía trước trụ sở ủy ban nhân dân Thành phố, và nhà nước sẽ phải tốn thêm chi phí để sửa chữa ”. Song giám đốc sở Nguyễn Đình Vũ cho biết, nếu ủy ban nhân dân thành phố quyết định ngược lại thì ông sẽ “ chấp hành ”.

Đồng thời, ủy ban nhân dân TPHCM cũng thông báo quyết định chấp thuận đề án “ khu thương mại Bến Thành ” đã gây nhiều xôn xao, phản đối trong dư luận chính vì không giữ gìn cảnh quan thành phố. Đề án của kiến trúc sư Lưu Trọng Hải nhằm cải tạo ngôi chợ trung tâm của thành phố thành một khu thương mại “ hiện đại ” nhưng cam kết giữ lại một số cụm di tích kiến trúc “ bồi ấn tượng sâu sắc, gần gũi của chúng đối với người dân Thành phố ”, đặc biệt nhất là tháp chuông đồng hồ. Ngôi chợ cũ sẽ được xây dựng lại với ba tầng, tầng 1 và 2 dành cho cửa hàng siêu thị cao cấp, còn tầng trệt – theo tuyên bố của ông Hải – vẫn làm chợ hàng nhật dụng và duy trì phương thức mua bán truyền thống. Điều này người ta có thể nghi ngờ một cách chính đáng : bởi vì, khi ngôi chợ và cả các khu phố chung quanh được “ hiện đại hóa ”, giá cả thuê nhà đất sẽ tăng vọt, bao nhiêu trong số 2000 tiểu thương đang hoạt động hiện nay sẽ còn khả năng tiếp tục hành nghề ? Ủy ban nhân dân cho biết đã bắt đầu gọi vốn cho đề án khu thương mại Bến Thành mà đầu tư được ước tính lên đến 200 triệu đô la. (Lao Động 10, 17.11 ; Tuổi Trẻ 25.11.97)

## **TIN NGẮN**

- Xây dựng cách Hà Nội 8 km về phía bắc, Bảo tàng dân tộc học Việt Nam (vừa khánh thành trong tháng 11 nhân hội nghị francophonie - xem ĐĐ số 69) là một công trình hợp tác Pháp - Việt. Nhà bảo tàng do kiến trúc sư Tày Hà Đức Linh thiết kế và kiến trúc sư Pháp Véronique Dollfus thực hiện phần nội thất.

- Một nhóm các quan chức cao cấp Đài Loan đã bí mật tới thăm Việt Nam và gặp thủ tướng Phan Văn Khải vào đầu tháng 12. Đài Loan là nước có nhiều đầu tư thứ hai vào Việt Nam sau Singapore, với 263 dự án trị giá khoảng 4 tỷ đôla.

- Theo VN Thông tấn xã, bộ Lao động, thương binh và xã hội đã xuất bản một thống kê tổng kết những thiệt hại của Việt Nam trong chiến tranh vừa qua ở 5 tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Ngãi, Quảng Nam và Bến Tre. Đây là nghiên cứu có tính tổng hợp đầu tiên về đề tài này, và sẽ được mở rộng ra cả nước.

- Ba nước Việt Nam, Peru và Nga đã được nhận làm thành viên chính thức của Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC). Quyết định nhận 3 thành viên mới đã được thông qua tại hội nghị thượng đỉnh APEC họp tại Vancouver, Canada, ngày 24-25.11.1997. Các thành viên mới sẽ chính thức tham gia Diễn đàn từ hội nghị lần tới tại Kuala Lumpur (Malaysia) vào năm 1998.

- Bộ trưởng y tế Hoa Kỳ, bà Donna Shalala, đã ký với bộ trưởng y tế Việt Nam Đỗ Nguyên Phương một thỏa ước hợp tác về lĩnh vực nghiên cứu y học, theo đó Hoa Kỳ sẽ giúp Việt Nam xây dựng những đường thử nghiệm các vaccin đang được thử trên thế giới, kể cả những vaccin chống bệnh Sida. Tuy nhiên, thỏa ước không bao gồm những điều khoản riêng về hậu quả của Chấn Da cam. Bà Shalala cho biết, phía Việt Nam không đưa ra đề nghị nào liên quan tới vấn đề này.

- Sau hội nghị giám mục Việt Nam họp tại Hà Nội đầu tháng 10, các giám mục đã đề nghị với chính phủ rút các tu sĩ khỏi Ủy ban đoàn kết công giáo, là nơi hoạt động thích hợp hơn với các cư sĩ (laics).

## **Bảo Linda**

Một tháng sau khi cơn bão Linda đổ bộ lên miền nam Nam bộ, số nạn nhân của trận bão vẫn chưa được thống kê đích xác. Ủy ban cứu trợ bão lụt, như thường lệ, chỉ có thể cho biết số người chết đã tìm được xác, cho tới đầu tháng 12, đã lên trên con số 600. Số người mất tích chính thức là 2051 người, hơn 1100 người khác bị thương tật ở nhiều mức độ. Nhiều xác chết trôi giạt vào bờ biển Việt Nam nhưng không còn có thể được nhận diện, và được chôn cất như thủy vô danh. Thiệt hại vật chất được ước tính lên tới 580 triệu đôla.

Sau lời kêu gọi cứu trợ của Diễn Đàn, chúng tôi đã nhận được 4500 FF và 100 FS. Bạn đọc muốn đóng góp còn có thể gửi cheque, mandat, money order vào tài khoản của báo (xin đề rõ : Linda) trước ngày 15.1.1998. Sau đó, chúng tôi sẽ chuyển về cho kịp tới các gia đình bị nạn trước Tết.

## **Tìm thù...** (tiếp theo trang 1)

mới trong một bài trả lời phỏng vấn của báo **Quân đội Nhân Dân**. Sau khi nói bóng gió về các “điểm nóng” hiện nay – nhưng không kể ra điểm nào –, tướng Trà đòi hỏi quân đội tăng cường công tác chính trị và tư tưởng để chống lại những “**hoạt động phá hoại**” của các thế lực thù địch...(AFP, Reuters 9, 12, 15, 17.12.1997)

Dĩ nhiên, cũng như trong quá khứ, các cuộc điều võ dương oai ấy không tách rời những trận đấu đá chí tử đang diễn trong hậu trường của đảng chung quanh chiếc ghế tổng bí thư mà hình như ông Đỗ Mười mặc dù đã hơn 80 tuổi vẫn chưa chịu nhượng hần. Nhưng, nếu nạn nhân hiện tại và tương lai của chúng cũng chỉ thuộc vòng “**nội bộ**” thì bất quá người ta có thể cười khà, rồi bỏ qua. Truyện xưa chép trong sách có người đẹp, nay có kẻ tìm thù trên trang sách báo, có sao đâu !

Những bài học của quá khứ không cho phép dễ dãi như thế. Không có những cuộc đàn áp trí thức, những cuộc đốt sách nào là không góp phần đẩy lùi xã hội vào những góc tối đen nhất, đánh thức dậy các bản năng dã man mà nhân loại đã phải trải qua nhiều thế kỷ mới vượt qua được. Các chính sách ngu dân để di hại không phải qua thời chúng không còn được áp dụng nữa là có thể xoá hết ngay đi.

Những người lãnh đạo đảng hiện nay sẽ lằm nếu họ nghĩ rằng với quyền bính trong tay người ta có thể muốn làm gì thì làm mà không đếm xỉa đến hậu quả của việc làm đó. Về mặt kinh tế, người bạn thân, người cố vấn tin cậy của đảng, cựu thủ tướng Singapore Lý Quang Diệu vừa không ngần ngại nói thẳng rằng mọi bước lùi, tách khỏi kinh tế thế giới, đều dẫn trở lại một nước Việt Nam cổ xưa, “*như thể Singapore trở lại thành một làng đánh cá*”. Về mặt chính trị, liệu cái tư duy cũ kỹ chỉ biết cai trị bằng những biện pháp bạo lực, bằng nỗi sợ của người khác và của bản thân mình, có đủ bảo đảm được sự “**ổn định**” thềm muốn, nhắc đi nhắc lại ấy ? Do quá nhiều yếu tố, đảng không thể ngăn cấm ngày càng nhiều đảng viên có chức, quyền, con cái của họ và nhiều người khác đi ra thế giới, tiếp xúc với nhiều nguồn thông tin và tư tưởng khác nhau. Những thông tin mắt thấy tai nghe ấy lại rất hay đối chọi với các nguồn tin “**có định hướng**” của đảng ở trong nước. Vụ Thái Bình chẳng hạn, khi đảng chỉ đưa tin vài tháng sau, sau khi đã tìm cách giấu giếm, đổ cho các nhà báo nước ngoài là đưa tin thất thiệt. Những đảng viên và người ngoài đảng từng có dịp tiếp xúc với thế giới bên ngoài liệu có chịu mãi, khi trở về nước, phải dứt khỏi những nguồn tin phong phú và trung thực hơn gấp nhiều lần các tin xám ngắt, một chiều mà đảng nắm độc quyền đưa trên báo, đài trong nước ? Làm sao không đặt ra những câu hỏi mà sự quan sát bình thường sẽ gợi cho họ. Chẳng hạn như : tại sao hàng trăm cuộc biểu tình, mỗi lần hàng chục hoặc trăm ngàn người xuống đường, thường xuyên xảy ra ở một nước tư bản, không làm lung lay chế độ của nước đó, mà ta lại quá sợ hãi cứ thấy dân chúng phản kháng ở đâu là cấm không cho báo chí tới đó ? Sự ổn định có mâu thuẫn với quyền hành tuyệt đối mà đảng (hay nói đúng hơn, một số người nắm quyền lực trong đảng) cứ khẳng khẳng muốn giữ mãi cho riêng mình ?

Phần kết bài “**Diễn biến... Thái Bình**” trên Diễn Đàn số 66, Phong Quang cho rằng bài học Thái Bình có thể “*là một cơ may mới để tìm ra lộ trình dân chủ hoá trong hoà bình, ổn định, một điều kiện cần thiết cho những cải tổ về kinh tế, hành chính mà tình hình quốc nội cũng như quốc tế đang đòi hỏi*”. Những thay đổi trong chính đảng viên và gia đình họ cũng là một yếu tố tích cực về phương diện này. Có phải chính vì thế, và vì cái phản xạ cố hữu rút súng ra mỗi khi nghe nói tới dân chủ, mà bộ máy công an, tư tưởng của đảng đã phản kích qua những biện pháp tăng cường kiểm soát thông tin nêu trên ? Bất chấp thực tế trên địa hạt thông tin của cuối thế kỷ này : sự kiểm soát không còn dễ dãi và chẳng thể chặt chẽ như trước nữa ! Và bất chấp những sự thực hiển nhiên chung quanh các “**vụ việc phức tạp**” đang diễn ra ở Thái Bình và nhiều nơi khác : chẳng có ai khác xúi bẩy gì những người nông dân khốn khổ kia xuống đường, ngoài nhân phẩm và cuộc sống của chính họ.

Nhân dịp đầu năm mới, người ta chỉ có thể cầu chúc rằng những người chủ trì và đang thực hiện các biện pháp đốt sách, đàn áp trí thức hiện nay sớm nhận ra sự vô vọng và nhất là ý nghĩa phản động, phản dân tộc của chúng. Và trả lại quyền ăn nói tự do của người dân, bước đầu không thể thiếu để đưa đất nước vào một kỷ nguyên hoà bình, thịnh vượng mà ai ai cũng từ lâu mong mỏi.

Hoà Văn

## **nhắn tin**

**Lê Minh Hà & Đỗ Quang Nghĩa** (Limburg, Đức) : Đã nhận được lá thư rất cảm động của các bạn và bài vở. Truyện ngắn *Nơi ấy, trăng sẽ đăng số sau* (số Tết Mậu Dần). Lời nhắn *Thời Đại* sẽ chuyển cho bạn chủ biên tạp chí. Sẽ có thư riêng (hoặc thư chung trên số sau) để trả lời những điểm cụ thể. Chúc hai bạn sang năm mới nhiều may mắn.

**Thiên Nam** (Warszawa, Ba Lan) : Thất lạc địa chỉ của anh, nên nhận được thư và thơ, mừng hóm. Sẽ liên lạc sau.

**Nguyễn Nam-Giao** (Trois-Rivières, Canada) : Đã nhận được bài *Đạo và Đời* và chuyển sang bộ chữ PDT để đăng số sau. Xin thành thực cảm ơn ông.

Tìm đọc

## **Hộp Lưu**

**Tạp san Văn học - Nghệ thuật - Biên khảo**

\* Nơi quy tụ những cây bút nổi tiếng của trong và ngoài nước.

\* Nơi gặp gỡ những tấm lòng tha thiết với văn học Việt Nam.

**Hộp Lưu Magazine**, P.O. Box 277,

Garden Grove CA 92642, USA

Tel. và Fax : (714) 537-2468

**Đại diện tại Âu châu :**

M&Mme Lê Tất Luyện,

15 Place Souham, F- 75013 Paris.

Tel. 01 45 83 19 12



Faith KEENAN

## Khủng hoảng kinh tế ?

**Cuộc cải tổ ở Việt Nam đang cần đẩy nhanh  
thì lại bị hãm phanh**

*Theo những nguồn tin đáng tin cậy, Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam sẽ họp hội nghị toàn thể ngày 22.12, nhằm giải quyết những vấn đề kinh tế và những vấn đề nhân sự như bầu lại Ban thường vụ Bộ chính trị, thay thế (hay không) ông Đỗ Mười ở chức vụ tổng bí thư. Chúng tôi đăng toàn văn dưới đây bài viết của nhà báo Faith Keenan, phân xã trưởng của tuần báo Far Eastern & Economic Review (Tạp chí Kinh tế Viễn Đông) tại Hà Nội (số đề ngày 18.12.1997). Cũng xin bạn đọc xem thêm bài của Vũ Quang Việt, từ trang 11.*

To giọng, chắc nịch, đáng đứng cứng cỏi. Nhưng bàn tay run run khi ông già với mái tóc bạc, đường ngôi kẻ giữa, chỉ ngón tay vào những nhà báo đứng chung quanh. “*Cái gì cũng có giới hạn*”, tổng bí thư Đảng cộng sản Đỗ Mười nói như vậy để trả lời câu hỏi của họ về việc Việt Nam có tiếp tục cải tổ kinh tế sâu sắc hơn nữa không, “*bụng no thì chẳng ai ăn được nữa*”.

Đối với ông Mười và những đảng viên bảo thủ mà ông là người tiêu biểu, thì như vậy là “*đủ*” lắm rồi. Có lẽ nhà lãnh đạo 80 tuổi cho rằng Việt Nam cải tổ thị trường như vậy là quá đủ và muốn có một thời gian ngưng nghỉ. Còn các quan chức chính quyền và các nhà kinh tế có tinh thần cải tổ lại nhấn mạnh rằng lúc này mà ngừng cải tổ, thậm chí chỉ cải tổ chậm đi thôi là sự tăng trưởng của Việt Nam sẽ bị ngưng trệ, Việt Nam sẽ bị cô lập thêm, sự ổn định có thể bị đe dọa.

Rõ ràng là sau một thập niên cải cách kinh tế, Việt Nam đang đứng ở ngã ba đường. Hoàn cảnh buộc phải chọn giữa con đường cải tổ nhanh và con đường chậm, và sự chọn lựa này sẽ để lại những hậu quả sâu sắc trong tương lai. Việt Nam sẽ chọn hướng nào? Cuộc hội nghị then chốt dự trù cuối tháng 12 của Trung ương Đảng sẽ cho thấy rõ.

Nhiều nhà kinh tế cho rằng cách duy nhất để duy trì vận tốc tăng trưởng cao là cải tổ xa và nhanh hơn nữa. Họ nói, hơn bao giờ hết, Việt Nam cần từ bỏ khẩu hiệu ưu tiên phát triển công nghiệp nặng, và thay vào đó, tập trung nỗ lực vào công nghiệp nhẹ dùng nhiều nhân công, tổ chức lại khu vực xí nghiệp quốc doanh, tự do hoá thương mại, khuyến khích đầu tư nước ngoài. Và Việt Nam sẽ còn phải tranh đua mạnh hơn nữa vì sau cuộc phá giá tiền tệ ở Đông Nam Á, các nước láng giềng sẽ hấp dẫn đầu tư hơn, hàng hoá xuất khẩu của họ cũng sẽ rẻ hơn.

William Turley, chuyên gia về Việt Nam của Trường đại học South Illinois (Hoa Kỳ), cho rằng: “*Việt Nam gần như đã cạn kiệt tiềm năng giữ tăng trưởng ở mức cao như hiện nay (gần 9 % /năm). Nếu muốn tránh tình trạng tụt hậu và mãi mãi bị các nước láng giềng bỏ xa, điều mà các nhà lãnh*

*đạo Việt Nam lo sợ nhất, thì bây giờ nhất thiết phải cải tổ, và cải tổ mạnh mẽ hơn nữa*”.

Song có một điều mà dường như ông Đỗ Mười và những người ủng hộ ông sợ hơn cả nguy cơ tụt hậu: đó là sự phẫn nộ của nông dân, tức là của 80 % dân số. Các cuộc biểu tình chống tham nhũng ở tỉnh Thái Bình (cách Hà Nội 100 km về phía đông nam), liên tiếp và đôi khi có bạo động, trong mấy tháng qua đã củng cố thể lực của giới bảo thủ và giới quân nhân.

Người của phe này đề cử để thay thế ông Mười ở cương vị tổng bí thư đang chiếm thế thượng phong. Đó là tướng Lê Khả Phiêu, chính uỷ quân đội, phụ trách khối tư tưởng, đồng thời đứng đầu Ban nội chính, phụ trách các vấn đề an ninh.

Năm nay 65 tuổi, tướng Phiêu được xem là đại diện cho phe truyền thống: đối với phe này, độc quyền của đảng quan trọng hơn là vận tốc tăng trưởng kinh tế, và xí nghiệp quốc doanh là thành lữ của chủ nghĩa xã hội. Người ta không biết gì mấy về tướng Phiêu ngoại trừ tài diễn thuyết của ông đã được trưng bày trên Nhân Dân, tờ báo của Đảng. Đây là một câu phát biểu đầu năm 1996: “*Chủ nghĩa tư bản dút khoát sẽ bị thay thế vì nó không đáp ứng được khao khát hạnh phúc của nhân dân*”.

Dấu hiệu gần đây về sự thắng thế của tướng Phiêu là ảnh ông đăng trên trang nhất các nhật báo ra ngày 6.12, rồi ngày 8.12. Có ý nghĩa hơn cả là lần thứ nhì: ông đón tiếp đồng sự Trung Quốc là Lý Thụy Hoàn, ủy viên thường vụ Bộ chính trị ĐCSTQ.

Nếu tướng Phiêu được chỉ định thay thế ông Mười tại hội nghị Trung ương tới đây, thì một lần nữa Hà Nội sẽ tỏ ra lạc điệu so với đa phần châu Á. Ở Trung Hoa, Thái Lan, thậm chí ở cả Pakistan, giới quân nhân đã phải rút khỏi chính trường. Cách đây vài tháng thôi, Hà Nội dường như cũng đi theo xu thế đó: bộ trưởng quốc phòng Đoàn Khuê đã mất chức và những nguồn tin trong đảng cho biết tướng Phiêu cũng không đủ hậu thuẫn trong nội bộ.

Hồi đó, những đảng viên “*thoáng*” dường như đã có cơ hội làm nghiêng được cán cân tư tưởng trong bộ chính trị. Người ta nêu tên ông Nguyễn Văn An — 60 tuổi, trưởng ban tổ chức trung ương — là người ôn hoà, có khả năng thay thế ông Mười. Cả một thế hệ mới, cởi mở hơn, như đang xuất hiện trong hàng ngũ đảng. Thế rồi xảy ra vụ lộn xộn ở Thái Bình và những tính khác, người ta lo sợ ổn định bị đe dọa, vận hội chính trị lại chuyển về tay giới quân nhân. Đó cũng là nguyên nhân thúc đẩy Đỗ Mười và những người ủng hộ ông hãm phanh cuộc cải tổ kinh tế, bất chấp sự cảnh giới của phe cải cách hiện nay nắm giữ những vị trí chủ chốt bên chính phủ.

“*Đưa một quân nhân vào vị trí tổng bí thư có lẽ là cách của Việt Nam, hàm ý họ muốn nắm chặt, thật chặt, và sẽ đi từng bước thận trọng*” đó là ý kiến của Carl Thayer, chuyên gia về Việt Nam ở Học viện Quốc phòng Úc (Canberra). “*Đó cũng là một đặc tính Việt Nam: họ không bao giờ muốn chấp nhận rủi ro*”.

Song những nhà kinh tế Việt Nam và ngoại quốc lại cho rằng Việt Nam cần phải biết chấp nhận rủi ro, nhất là vào lúc này, để đương đầu với cuộc chấn động kinh tế hiện nay

trong khu vực. Mặc dầu lúc đầu các quan chức Việt Nam cho rằng họ sẽ không bị cuộc khủng hoảng lây lan, song bây giờ họ đã nhận thức rằng việc Việt Nam chưa có thị trường chứng khoán và đồng bạc Việt Nam chưa chuyển đổi tự do trên thị trường không phải là điều kiện đủ để cách ly Việt Nam với cuộc khủng hoảng. Đáng quan ngại nhất là tình hình này sẽ tác động xấu tới triển vọng đầu tư của nước ngoài trong khi mức đầu tư năm 1996 đã giảm đi 18 % rồi. Trong số gần 30 tỷ đô la, trị giá các dự án đầu tư đã được chấp nhận, thì một phần ba là vốn của Nam Hàn, Đài Loan và Nhật Bản, ba nước đang bận đương đầu với những khó khăn kinh tế của chính họ.

Nếu mức đầu tư giảm hẳn đi, thì kế hoạch tăng trưởng của Việt Nam sẽ bị ảnh hưởng trong những năm tới. Kế hoạch năm năm (1996-2000) của Việt Nam dự trù 13 tỷ đô la đầu tư trực tiếp của nước ngoài, 14 tỷ đầu tư quốc nội, và 7,5 tỷ do viện trợ quốc tế.

Hiện nay, Việt Nam không có triển vọng đạt chỉ tiêu nào trong 3 chỉ tiêu đó cả. Và, theo một báo cáo của Ngân hàng Thế giới, Việt Nam không thể nào đạt được mục tiêu ấy trừ phi “ có những cuộc cải tổ thực chất nhằm cải thiện môi trường cho đầu tư trực tiếp của nước ngoài ”. Nói cách khác, Hà Nội phải tháo gỡ những hàng rào chướng ngại trong quy trình đầu tư đang làm cho những công ty nước ngoài phải điên đầu và khiến cho những người có ý muốn đầu tư ở Việt Nam phải tìm nơi khác. Các nhà phân tích cảnh báo : nếu Việt Nam không làm như vậy, thì không những sẽ gây ra tai hoạ kinh tế, mà tai hoạ kinh tế tất sẽ dẫn tới những hậu quả chính trị. “ Một cuộc khủng hoảng kinh tế sẽ báo hiệu chấm dứt thời kỳ ổn định chính trị ”, đó là lời phát biểu của Erik Offerdal, đại diện Quỹ tiền tệ quốc tế, trong một cuộc hội thảo mới đây ở Hà Nội. “ Sẽ là một sai lầm cơ bản nếu tưởng rằng muốn giữ ổn định, phải đi từng bước ngắn. Ngược lại. Càng đi chậm, càng dễ mất ổn định ”.

Tuy nhiên, theo một số nhà phân tích chính trị thì ông Đỗ Mười và những người khác lại cho rằng cuộc khủng hoảng tài chính trong khu vực là một bài học để cải tổ chậm bớt và ngăn ngừa giới tư bản quốc tế nắm thêm nền kinh tế Việt Nam và phá hoại sự ổn định.

Những cố vấn kinh tế của đảng đưa ra nhiều bằng chứng cho thấy ông tổng bí thư muốn làm chậm nhịp độ cải cách. Họ cho biết ông đã đòi sửa lại dự thảo kế hoạch kinh tế mà hội nghị Trung ương sẽ đem ra thảo luận. Một quan chức nói dự thảo đầu “ rất thoáng. Nó nhấn mạnh vấn đề toàn cầu hoá và nêu rõ Việt Nam phải làm thế nào để có tăng sức cạnh tranh trong thị trường thế giới. Nó đặt nặng các vấn đề kinh tế hơn là ổn định chính trị ”. Dự thảo cũng nói tới Đại hội thứ 15 của Đảng cộng sản Trung Quốc và lời chủ tịch Giang Trạch Dân kêu gọi thúc đẩy việc cải tổ các xí nghiệp quốc doanh.

Nay không còn nữa. Ông Mười đòi bỏ tất cả những đoạn phê phán thực trạng kinh tế Việt Nam, cũng như những đoạn nói về Trung Quốc. Ông chủ trương một tiến trình dè dặt hơn, không đá động gì nữa tới việc hội nhập kinh tế nhanh hơn, hay việc tư nhân hoá khâu xuất khẩu lúa gạo, hoặc việc xác định lãnh vực hoạt động cho các xí nghiệp tư nhân.

Các nhà phân tích chính trị cũng để ý tới việc ông Mười vắng mặt trong buổi lễ nhậm chức chủ tịch của ông Trần Đức

Lương hồi tháng 9, có thể đây là một dấu hiệu chứng tỏ ông không mấy phấn khởi vì xu hướng cải cách của ông Lương. Cũng như việc ông Mười ủng hộ tướng Phiêu mặc dầu có sự chống đối tướng Phiêu trong nội bộ đảng, kể cả trong giới quân nhân.

Tại sao ông Mười lại từ bỏ chủ trương cải tổ từng bước trước đây ? Các nhà phân tích cho rằng thuỷ chung ông tin tưởng con đường xã hội chủ nghĩa là đúng và cần phải bảo vệ các xí nghiệp quốc doanh. Và lại ông tuổi cao, thuộc thế hệ những người lãnh đạo không muốn từ bỏ cách mạng. Một số cố vấn còn nói ông Mười rất bực dọc khi thấy báo chí Việt Nam có những bài tán dương chủ tịch Lương và thủ tướng Phan Văn Khải là trẻ hơn và có học so với những người tiền nhiệm. Như vậy là hàm ý rằng một người lão thành như ông là già và vô học.

Vào tuổi bát tuần, ông Mười thừa nhận rằng thể xác ông già rồi, rồi cười cười nói thêm, tinh thần còn trẻ lắm “ *như tinh thần một thanh niên 25 tuổi* ”. Nhưng lực bất tòng tâm : ông đi từng bước ngắn, căng cứng do như không gập được khớp xương nữa, mặc dầu tỏ ra cương quyết đi về hướng mình muốn.

Song song với thái độ gân gà của ông Mười đối với cuộc cải tổ, phải nói là con đường cải tổ gắn liền với những quyền lợi to lớn. Trong giai đoạn cải tổ vừa qua, phần lợi chủ yếu rơi vào tay các xí nghiệp quốc doanh và các bộ. Nhưng cũng có cả những người ngoại quốc liên hệ chặt chẽ với các xí nghiệp quốc doanh đó, và họ muốn duy trì sự độc quyền liên hệ ấy.

Trong một báo cáo viết cho sứ quán Thụy Điển, nhà kinh tế học Ray Mallon viết : “ *Chính phủ ngày càng bị nhiều sức ép đòi thi hành những biện pháp bảo hộ nhằm che chở những nhóm quyền lợi riêng tư, đi ngược lại quyền lợi của nền kinh tế quốc dân. Trong một số trường hợp, sự liên minh giữa những xí nghiệp quốc doanh và tư bản nước ngoài trở thành mối đe dọa cản trở việc triển khai những chính sách kinh tế lành mạnh* ”.

Đối với những người có tinh thần cải cách trong chính phủ, thì chính sách kinh tế lành mạnh có nghĩa là cải tổ cơ cấu xí nghiệp quốc doanh và cải thiện không khí đầu tư. Đó là những biện pháp mà ông Khải đề nghị ra trong bài diễn văn đầu tiên khi nhậm chức thủ tướng hồi tháng 9.

Họ cũng huy động cả người ngoài để củng cố luận điểm. Trong đó có ông Lý Quang Diệu, nguyên thủ tướng Singapore, sang thăm Việt Nam hồi tháng 11 theo lời mời của ông Khải. Với cương vị một nhà lãnh đạo cực quyền ở châu Á đã có công biến một làng đánh cá thành một thế lực kinh tế, uy tín của họ Lý ở Hà Nội có lẽ còn lớn hơn uy tín của Quỹ tiền tệ quốc tế và Ngân hàng thế giới đầu sao cũng bị coi là những tổ chức của Tây phương. Trong 4 ngày viếng thăm, ông Lý đã thẳng thừng thúc giục Việt Nam từ bỏ chủ nghĩa biệt lập, mạnh dạn hoà nhập kinh tế thế giới, và cũng phản ánh những lời than phiền của giới đầu tư ngoại quốc.

Hai ngày sau chuyến đi thăm của ông Lý, các nhà kinh tế học, quan chức và học giả đã họp mặt tại Hà Nội để chia sẻ kinh nghiệm với những người có trách nhiệm hoạch định chính sách của Việt Nam trong một cuộc hội thảo do Ngân

(*tiếp trang 14*)

# Làm gì để kinh tế Việt Nam không khủng hoảng trong bối cảnh kinh tế Đông Nam Á ?

Vũ Quang Việt

Các nước trong khu vực coi tốc độ phát triển cao là chỉ tiêu quan trọng nhất trong thời gian qua. Việt Nam đã nhiều năm cũng đặt mục tiêu cho mình như vậy, mà lại ở mức cao hơn, ít nhất 9-10 % một năm. Khủng hoảng ở Thái Lan và Mã Lai, đặc biệt là Thái Lan là tất yếu khi thiếu hụt cán cân thanh toán thường xuyên, ngày càng lớn.

trung khuyến khích xuất khẩu. Nói chung khi tăng tích lũy, khuyến khích đầu tư nước ngoài để phát triển đạt tốc độ cao, cán cân thương mại trong ngắn hạn sẽ dễ thiếu hụt vì nhập khẩu máy móc, vật tư, v.v... cần cho sản xuất tăng ngay trong khi sản xuất để xuất khẩu cần thời gian dài hơn. Tuy vậy, tình hình thiếu hụt không thể để kéo dài, không thể để mức thiếu hụt quá cao so với GDP và với tốc độ tăng mạnh như ở nước ta.

Đầu tư trực tiếp của nước ngoài sẽ không phải là vấn đề nếu như nhà nước đặt trọng tâm vào khuyến khích đầu tư nhằm xuất khẩu, thay vì chỉ phục vụ thị trường nội địa. Điều này đã không xảy ra. Theo Saigon Times (15.11.97), xuất khẩu của các công ty có vốn đầu tư nước ngoài năm 1997 là 1,1 tỷ USD, nhưng nhập khẩu là 2,7 tỷ USD. Tốc độ tăng xuất khẩu của họ chỉ là 20%, thấp hơn nhiều so với tốc độ tăng của các công ty trong nước là 31 %. Tuy vậy mức tăng sản xuất công nghiệp của họ là 20,4 %, so với mức tăng của công ty trong nước là 10 % trong 9 tháng đầu năm 97 (SGT, số 314, 11.10.97). Mặc dù tôi không có đầy đủ số liệu để kiểm chứng chính xác, những con số trên cho thấy khá rõ là

Bảng 1

Cán cân thường xuyên và thương mại ở một số nước

	1990	1991	1992	1993	1994	1995	1996
<b>Mã Lai</b>							
Cán cân thường xuyên / GDP (%)	- 2,0	- 8,9	- 3,7	- 4,7	- 6,4	- 8,6	
Cán cân thương mại (tỷ USD)	0,1	- 2,3	0,8	1,5	- 0,8	- 3,7	- 0,6
<b>Thái Lan</b>							
Cán cân thường xuyên / GDP (%)	- 8,5	- 7,7	- 5,7	- 5,1	- 5,6	- 8,1	
Cán cân thương mại (tỷ USD)	- 10,3	- 9,2	- 8,0	- 9,2	- 9,3	- 14,3	- 17,8
<b>Indonesia</b>							
Cán cân thường xuyên / GDP (%)	- 2,8	- 3,6	- 2,2	- 1,3	- 1,6	- 3,5	
Cán cân thương mại (tỷ USD)	0,4	- 0,2	6,7	8,5	8,1	4,8	6,1
<b>Việt Nam</b>							
Cán cân thường xuyên / GDP (%)		- 2,6	0	- 7,0	- 6,9	- 7,3	- 11,4
Cán cân thương mại (tỷ USD)	- 0,3	- 0,2	0	- 0,9	- 1,7	- 2,3	- 3,9

**Chú thích :** IMF, International Financial Statistics, Oct. 97. Cán cân thương mại (balance of merchandise trade) chỉ bao gồm hàng hoá, xuất giá fob, nhập giá cif, nên có thể thu nhập sớm. Giá cif gồm cả phí lưu thông và bảo hiểm do nước sở tại cung cấp. Cán cân buôn bán (balance of trade) là cán cân thương mại có điều chỉnh giá cif thành giá fob và thêm xuất nhập dịch vụ. Cán cân thường xuyên là cán cân buôn bán có thêm phần chuyển nhượng. Những con số về Việt Nam là do ước lượng của tác giả.

Như vậy tỷ lệ thiếu hụt cán cân thường xuyên ở Việt Nam đáng lo ngại không kém so với nền kinh tế yếu kém như Thái Lan. Đó là kết quả của chính sách giữ đồng tiền Việt Nam cao giá quá lâu, do đó khuyến khích nhập khẩu và tiêu dùng hàng nước ngoài đồng thời hạn chế xuất khẩu (chưa kể đến việc làm đời sống nông dân ngày càng khó khăn, dù lượng sản xuất và xuất khẩu nhiều hơn trước rất nhiều). Tỷ giá hối đoái đáng lẽ phải điều chỉnh từ hai năm trước.

Hối suất cao còn là lý do chính đưa đến cán cân thường xuyên thiếu hụt. Tuy vậy cũng cần để ý đến hai yếu tố quan trọng khác là tốc độ phát triển kinh tế quá cao và thiếu tập

đầu tư nước ngoài chủ yếu là để khai thác thị trường trong nước. Nhập khẩu để tăng sản xuất đã không nhằm chính vào xuất khẩu.

Kết quả bộ mặt kinh tế đất nước năm 1966 cho thấy rõ là thiếu hụt cán cân thương mại quá lớn, bằng 13,8 % GDP (số chính thức), tiêu dùng (cuối cùng) tăng mạnh so với 1995, cao hơn cả tốc độ phát triển kinh tế và tích lũy. Tốc độ tăng GDP theo giá hiện hành là 16 %, thì tiêu dùng tăng hơn 20 %, tích lũy 19 %, trong khi tỷ lệ để dành giảm đáng kể (coi bảng 2). Có thể nói đây là lần đầu tiên tỷ lệ để dành giảm sau khi đổi mới. (Coi phương pháp tính ở bảng 3, dòng 4). Điều cần tìm

**Bảng 2**  
**Vài số liệu về kinh tế Việt Nam**  
(Ngàn tỷ đồng giá hiện hành)

	1995	1996	tốc độ tăng (%)
GDP	222,8	258,6	16,1
Tiêu dùng	180,5	217,3	20,4
Tích lũy	60,5	72,1	19,2
Để dành	41,5	43,9	5,8
Để dành/GDP	18,6 %	17,0 %	-8,6

Nguồn : Niên giám Thống kê 1996

hiểu thêm là lý do tiêu dùng tăng quá cao. Đó là tiêu dùng của nhà nước hay là của dân ?

Ở đây cần mở ngoặc để nói thêm về một ý niệm kinh tế khá quan trọng. Mỗi đây sau khi cán cân thương mại thiếu hụt lớn xảy ra, đã có những cuộc tranh luận là cần hạn chế nhập hàng tiêu dùng, nhưng lại có người phản bác lại cho rằng hàng tiêu dùng nhập về không đáng kể. Cuộc tranh luận kiểu này vô bổ vì trên quan điểm kinh tế, gần như không thể nào phân biệt rõ ràng được trong nhập khẩu đầu là hàng tiêu dùng, đầu là hàng dùng trong sản xuất. Chúng ta gọi chiếc máy TV nhập thẳng vào là hàng tiêu dùng, thế thì tại sao lại gọi bộ phận làm ra máy TV là hàng sản xuất, vì thực chất là để làm TV cho tiêu dùng ? Chỉ có ý nghĩa nếu ta tính ra được trong khối hàng nhập, bao nhiêu là cần để sản xuất ra rở hàng tiêu dùng, bao nhiêu là để làm ra hàng tích lũy, và bao nhiêu là để đạt được rở hàng xuất khẩu. Từ đó ta mới có thể đánh giá hiện nay nhập khẩu nhằm mục đích phục vụ cuối cùng như thế nào. Hy vọng có nhà kinh tế Việt Nam sẽ đứng ra thực hiện việc này để đáp ứng cho nghiên cứu chính sách kinh tế hiện nay và tương lai (cách tính đơn giản nhất là dùng phương pháp phân tích vào ra).

Tình hình các nước Đông Nam Á rơi vào khủng hoảng cho ta thêm một bài học nữa là kinh tế phát triển vượt khả năng nội tại của nền kinh tế và phải dựa vào đầu tư nước ngoài đòi hỏi chính sách tập trung khuyến khích phát triển xuất khẩu. Nếu không, thiếu hụt cán cân thương xuyên tất dẫn đến khủng hoảng.

Ở Đông Á, ngoại trừ Nam Triều Tiên và Đài Loan là dựa chính vào vay mượn nước ngoài mua công nghệ để phát triển, các nước khác dựa vào đầu tư nước ngoài. Trong đầu tư nước ngoài có đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp thông qua thị trường tài chính. Thị trường tài chính dễ bị khủng hoảng khi các nhà đầu tư gián tiếp bán tháo cổ phiếu, trái phiếu như trường hợp đã xảy ra ở Mê-hi-cô. Người ta thường lầm lẫn là các nước Đông Nam Á chỉ dựa vào đầu tư trực tiếp. Nhưng thống kê cho thấy là từ năm 1993, các nước Đông Nam Á bắt đầu thu hút đáng kể đầu tư gián tiếp qua cổ phiếu, trái phiếu. Đầu tư trực tiếp chỉ bằng 1/2 đầu tư gián tiếp ở Thái Lan. Ở Phi, Indonesia đầu tư gián tiếp cũng đã cao hơn đầu tư trực tiếp. Chính vậy khủng hoảng hối suất dẫn ngay đến khủng hoảng thị trường chứng khoán.

Các nước Đông Nam Á, thay vì chấp nhận thị trường tự do về ngoại tệ, lại gấn hối suất đồng tiền mình vào Mỹ kim hay một rở ngoại tệ của những nước họ thường buôn bán. Nói

chung, chính sách của họ là nhà nước quyết định hối suất thông qua ngân hàng trung ương. Cách thức này có lợi thế là giữ được thị trường ngoại tệ ổn định nếu như cán cân thường xuyên, đặc biệt là cán cân thương mại lành mạnh, và có dự trữ đủ ngoại tệ để ảnh hưởng được thị trường, cân bằng được cung cầu ngoại tệ. Khi cán cân thương xuyên không lành mạnh, những người đầu tư ngoại tệ nhảy vào thị trường mua ngoại tệ vì tin chắc rằng đồng nội tệ sẽ phải phá giá để quân bình lại cán cân thương mại và cán cân thường xuyên thì hầu như không nước nào sẽ có đủ dự trữ ngoại tệ, kể cả Mỹ, để đối phó lại. Dưới áp lực của tâm lý lo sợ, đồng nội tệ sẽ mất giá nhiều hơn là giá thực của nó, tạo nên khủng hoảng toàn diện, đặc biệt qua việc bán tháo cổ phiếu, đẩy giá thị trường chứng khoán xuống thấp. Nói chung nó sẽ đưa đến tình trạng nợ khó trả (do giá trị nợ phải trả bằng nội tệ lớn lên), lãi suất tăng và kinh tế đình đốn. Đó là tình trạng xảy ra ở Thái Lan, rồi lan sang Phi Luật Tân, Mã Lai, Indonesia, Hồng Kông, Nam Hàn. Ở Nam Hàn, cán cân thanh toán đã thiếu hụt từ lâu nhưng khủng hoảng chỉ trở nên nghiêm trọng khi nợ ngắn hạn của công ty tư nhân đã đến mức quá cao, vượt khả năng tiếp tục tài trợ của hệ thống ngân hàng. Hệ thống này trong một thời gian dài đã trở thành kho tín dụng an toàn cho doanh nghiệp phát triển, theo lệnh nhà nước, bất chấp hiệu quả bằng cách vay mượn nước ngoài và cho doanh nghiệp trong nước mượn lại. Khi tiếp tế tín dụng không thể tiếp tục được nữa do dự trữ ngoại tệ cạn kiệt, nó đưa đến phá sản của một số công ty lớn và lập tức thị trường tiền tệ thế giới thấy rõ tình hình dự trữ ngoại tệ thật ra rất thấp so với báo cáo của ngân hàng trung ương.

Đầu tư trực tiếp của nước ngoài ò ai vào trong nước không phải là không có vấn đề, đặc biệt là khi đầu tư này tập trung lớn vào thị trường địa ốc như ở Thái Lan. Chính cung vượt quá cầu làm thị trường địa ốc xuống giá, đã mở đầu cho khủng hoảng ở Thái Lan. Quan trọng hơn cả là khi vốn nước ngoài đổ vào nhiều, cân bằng được cung cầu ngoại tệ trong nước, tạo ổn định giả trên thị trường ngoại tệ, khiến cho người làm chính sách tưởng rằng thiếu hụt cán cân thanh toán không đáng lo ngại và có thể tiếp tục mãi. Khi thấy là cần thay đổi hối suất để khuyến khích xuất khẩu, hạn chế nhập khẩu thì thay đổi lại không đủ độ, thị trường đòi hỏi nhiều hơn, tâm lý đầu cơ, hoang mang, làm giá trị đồng nội tệ bị mất giá, lớn hơn cả giá thực. Ngược lại, thay đổi đơn cục một lúc quá lớn sẽ gây khó khăn trả nợ cho người vay vốn nước ngoài vì họ không được sửa soạn trước để đối phó với tình hình thay đổi quá lớn một lúc.

Tình trạng của nước ta cũng không khác gì Thái Lan. Từ năm 1990 đến nay, đồng Việt Nam đã lên giá ít nhất là 35 % so với đồng Mỹ có tính cả điều chỉnh mới đây và hơn 60 % so với đồng Mã Lai, Thái Lan, Indonesia. Hiện nay điều chỉnh như thế nào là đủ còn tùy thuộc vào giá thật và cung cầu ngoại tệ trên thị trường, nhưng rõ ràng là khi cán cân thương mại tiếp tục tăng mạnh, nếu nhà nước tiếp tục kèm giá, thì cần có các biện pháp hành chính ngăn chặn. Mà bài học quá khứ đã chỉ ra rằng biện pháp hành chính thường lại tạo ra tiêu cực và không giải quyết được vấn đề cơ bản.

Hiện nay, đồng bạc các nước chung quanh lại phá giá mạnh, đồng tiền Việt Nam càng thiếu lành mạnh, làm giảm

sức cạnh tranh của hàng hoá Việt Nam, có nguy cơ làm đình đốn nền kinh tế. Thay đổi hối suất dĩ nhiên không phải là không phải trả giá đắt, nhưng tiếp tục, giá phải trả còn đắt hơn. Khi thay đổi, tâm lý đầu cơ sẽ tăng, nợ phải trả bằng nội tệ sẽ lớn hơn, lạm phát sẽ tăng. Theo tôi, tâm lý đầu cơ có thể kiểm soát được trong tình hình nước ta. Thay đổi cầm chừng, nhỏ giọt chỉ làm tăng thêm tâm lý đầu cơ. Lạm phát không phải là mối lo khi tốc độ lạm phát rất thấp như hiện nay. Nợ tăng có thể làm suy sụp một số doanh nghiệp nhà nước. Điều này thì khó tránh khỏi. Và đây lại là vấn đề khổ lăm nói mãi.

Hiện nay xuất gạo và cà phê, hai mặt hàng chủ lực chưa gặp vấn đề vì mất mùa lúa ở Thái Lan và cà phê ở Indonesia, nhưng năm tới việc xuất những mặt hàng chính này sẽ khó khăn và điều này có thể sẽ đưa tới khủng hoảng nông thôn khó lường được. Nông dân sản xuất ngày càng nhiều, thế nhưng giá lúa gạo lại xuống vì dư thừa. Từ năm 1990 đến 1997, giá lúa tăng 13 % thì giá hàng hoá nói chung tăng 75 %. Giá lúa bình quân cả nước giảm đều trong hai năm qua. Tháng 9 năm 1995, giá lúa là 1900 đ/kg thì tháng 9 năm 1997 chỉ còn 1500 đ/kg. Phá giá đồng bạc trong thời gian này lại là yếu tố làm nâng thu nhập của nông dân. Phá giá sẽ tăng lạm phát, nhưng điều này không cần lo lắng lắm như đã nói trên. Tuy vậy để giảm áp lực lạm phát, ngân sách nhà nước cần giữ cân bằng, tức là giảm chi tiêu.

Một trong những bài học kinh tế quan trọng là nên để hối suất cho thị trường quyết định, dĩ nhiên là với sự can thiệp nhất định của nhà nước bằng cách sử dụng dự trữ ngoại tệ, kể cả giúp đỡ của IMF, và hạn chế việc mua bán ngoại tệ với mục đích đầu cơ. Bài học quan trọng nữa là cần đánh giá cho đúng : tốc độ phát triển nào là tốc độ nền kinh tế có thể chịu đựng ? Cán cân thanh toán chính là dấu hiệu tốt nhất về giá trị khả thi của nền kinh tế. Thiếu hụt trên 3 % GDP phải được coi là dấu hiệu của đèn đỏ. Cần tập trung khuyến khích đầu tư nước ngoài vào sản xuất xuất khẩu thay vì chủ yếu khai thác thị trường nội địa.

Tạo thị trường ngoại hối tự do có kiểm soát là cần thiết để giảm nhập khẩu, khuyến khích xuất khẩu, nhưng đồng thời cũng cần xét lại, ít nhất là trong giai đoạn hiện nay, các dự án đầu tư đòi hỏi nhiều ngoại tệ mà mục đích chính có tính chất xã hội nhiều hơn là lợi ích kinh tế. Dự án xây nhà máy lọc dầu ở Dung Quất là một ví dụ. Nó không tạo nên nhiều công ăn việc làm cho khu vực miền Trung vì kỹ thuật lọc dầu dựa vào máy móc tự động hoá là chính, ít cần công nhân, gây ô nhiễm môi trường. Thay vì giúp miền Trung, nó lại có thể tàn phá tiềm năng phát triển du lịch. Hơn nữa hiện nay năng lực lọc dầu ở châu á có thừa và do Dung Quất xa mỏ, giá thành vì vậy cao hơn giá nhập về.

Nói tóm lại, như đã trình bày ở trên, thiếu hụt cán cân thường xuyên ở Việt Nam là do những yếu tố chính sau :

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế quá mức.
- Hối suất giữ không đổi quá lâu, trong khi đó lạm phát tiếp tục làm đồng Việt Nam tăng giá đưa đến khuyến khích nhập khẩu, hạn chế xuất khẩu.
- Khuyến khích đầu tư nước ngoài nhưng chủ yếu để khai thác thị trường nội địa thay vì làm hàng xuất khẩu.

- Tiêu dùng tăng nhanh do giá trị đồng USD thấp và người dân không có cơ hội đầu tư.

Để đối phó với tình hình, cần :

- Tạo thị trường ngoại tệ tự do, hạn chế vào những doanh nghiệp đang tham gia sản xuất ở Việt Nam.

- Tạo cạnh tranh trong xuất nhập khẩu, chấm dứt tình trạng độc quyền của doanh nghiệp nhà nước.

- Tạo cùng một mặt bằng cạnh tranh về thuế suất và ưu đãi khuyến khích đầu tư giữa doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp nước ngoài và tư nhân trong nước (đây chính là trọng điểm để đẩy các doanh nghiệp quốc doanh đổi mới và tăng năng suất).

- Ưu đãi khuyến khích doanh nghiệp tư nhân vừa và nhỏ tại các vùng phát triển kém.

- Đẩy mạnh cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước (nhưng chắc sẽ không phải là một yếu tố cơ bản làm tăng năng suất).

Để phát triển vững chắc không thể quên sức sản xuất của thị trường nội địa với hơn 70 triệu dân. Và phát triển không thể chỉ dựa vào công ty nhà nước và nước ngoài. Do đó việc chỉ tập trung tạo các khu công nghiệp cho nước ngoài hiện nay cũng là thiếu toàn diện. Nhà nước, đặc biệt là nhà nước địa phương, cần phát triển khu công nghiệp cho doanh nghiệp tư nhân trong nước thuê, vì tư nhân không đủ khả năng tài chính mua đất đai và xây dựng nhà xưởng. Trong giai đoạn hiện nay, để khuyến khích đầu tư của tư nhân trong nước, giảm tiêu dùng, nhà nước cần giảm tiền thuê đất, kể cả thuê nhà xưởng nhằm khuyến khích sản xuất, giảm đóng thuế lợi tức trong thời gian từ 5 đến 10 năm, đặc biệt là trong sản xuất công nghiệp thực phẩm, nhằm làm tăng giá trị của nông sản.

Có một điều tôi cho rằng quan trọng nhất trong phát triển là môi trường xã hội và đầu tư. Phát triển kinh tế dài lâu hay không tùy thuộc vào hệ thống luật pháp có nghiêm minh và công bằng không, tham nhũng có phải là chất nhờn cần thiết hay con bệnh xã hội đưa đến mất niềm tin của dân chúng và người làm ăn. Những vụ việc không lành mạnh trong làm ăn như Minh Phụng và Epcoc, với tiếp tay của cán bộ cao cấp trong hệ thống ngân hàng và chính quyền đã làm xoay chuyển con mắt lạc quan của giới làm ăn trên thế giới về Việt Nam. Bảo vệ kỷ cương nhà nước dường như chưa được quan tâm đúng mức. Rất khó hiểu là tại sao từ trước đến nay rất nhiều uỷ viên cấp lãnh đạo cao nhất đảng (bộ chính trị) là thành viên của chính phủ (hành pháp) và quốc hội (lập pháp) – *nhiều khi của cả hai*, Người đánh máy – nhưng chưa bao giờ có một uỷ viên nào nằm trong ngành toà án (tư pháp) hay ban kiểm tra trung ương của nhà nước. Sự mất cân bằng ấy phải chăng nói lên rằng việc bảo đảm một xã hội công bằng, liêm chính không quan trọng bằng các trách nhiệm khác ?

Điều quan trọng nữa là tính chất thiếu minh bạch, thiếu thông tin về nền kinh tế Việt Nam đặc biệt là về hệ thống ngân hàng. Ngân hàng là khu vực yếu kém. Yếu kém như thế nào thì khó ai biết được chính xác, kể cả các nhà lãnh đạo cao cấp có nhiệm vụ lãnh đạo nó vì hệ thống thông tin thiếu minh bạch và không áp dụng các thông lệ tài chính thế

giới. Ở Mã Lai, tình hình thông tin cởi mở và đầy đủ hơn Việt Nam rất xa, thế nhưng thị trường tài chính quốc tế vẫn không tin lắm. Qua báo cáo mới nhất của Ngân hàng trung ương, nợ xấu khó đòi ở Mã Lai so với tổng nợ giảm từ 5-6 % năm 1996 xuống 3,5 % năm 1997. Trên thị trường họ cho rằng số nợ này lên tới 23 % GDP, cũng tương đương với khoảng 23 % tổng số nợ (xem Asia Week, 19.11.97, hoặc Trần Quốc Hùng, KTSG 20.11.97), cao hơn cả Thái Lan. Thực chất như thế nào chưa biết. Nhưng rõ ràng là giới tài chính thế giới thiếu tin tưởng vào số liệu của nhà nước Mã Lai. Đánh giá của họ theo tôi có phần quá đáng, nhưng đó là lý do họ tiếp tục tránh xa đầu tư vào thị trường Mã Lai và vì vậy khủng hoảng tài chính vẫn tiếp tục. Tình hình Thái Lan và Nam Hàn cho thấy việc dấu thông tin và số dự trữ ngoại tệ làm cho phản ứng của thị trường tài chính thế giới đối với các nước này trở nên rất tiêu cực. Số người đầu tư hoặc cho vay ở những nước này đã mất mát rất nhiều và như vậy việc trở lại của họ tất nhiên sẽ chậm hơn và do đó làm cho cuộc khủng hoảng kéo dài hơn. Với thông tin chính xác, việc điều chỉnh chính sách sẽ diễn ra sớm hơn, tránh tạo kẽ hở lớn cho tư bản đầu cơ tài chính tấn công và do đó khủng hoảng sẽ không trầm trọng như ở mức hiện nay. Hy vọng đây là bài học cho chính sách phong tỏa thông tin về ngân hàng của ta.

(Phát triển thêm bài viết đã đăng trên  
**Thời báo Kinh tế Việt Nam**, cuối tháng 11.97)  
 New York 15.12.97  
**Vũ Quang Việt**

### Bảng 3

#### Những cân đối quan trọng trong tài khoản quốc gia

1. Cân đối hàng hoá và dịch vụ :  
 GDP = Tiêu dùng cuối cùng + tích lũy  
 + xuất khẩu - nhập khẩu
2. Cân đối thu nhập và chi tiêu :  
 Thu nhập để chi = tiêu dùng + để dành
3. Cân đối thu nhập, vay nước ngoài và chi tiêu, tích lũy :  
 Thu nhập để chi + vay  
 thuần nước ngoài = GDP + thu nhập nhân tố thuần  
 + chuyển nhượng hiện hành thuần  
 + vay thuần nước ngoài  
 = Tiêu dùng + tích lũy
4. Cân đối tích lũy, để dành (rút ra từ cân đối 2 và 3) :  
 Tích lũy = để dành + vay thuần nước ngoài

Từ cân đối 4, tính để dành với vay thuần nước ngoài năm 1995 là 1,719 tỷ USD và năm 1996 là 2,555 tỷ USD. Tỷ giá 11 050 đ/USD. Thuần có nghĩa là nhận vào trừ đi trả ra.

#### Đính chính :

Trong bài “*Thử tìm hiểu về việc phản kháng của nông dân Thái Bình*” (Diễn Đàn số 67), tác giả có sai sót về số liệu thống kê và viết như sau : “*Tỉnh có 1,8 triệu dân, bằng 5 % dân số cả nước nhưng sản xuất ra 11 % sản lượng lúa gạo*”. Xin đính chính lại : đây là so với miền Bắc chứ không phải so với cả nước. So với cả nước, dân số Thái Bình bằng 2,4 % và sản lượng lúa gạo bằng 3,7 %.

### Khủng hoảng Kinh tế ? (tiếp theo trang 10)

hàng phát triển châu Á bảo trợ. Đa số hội thảo viên đều khuyến cáo Hà Nội chớ nên chủ trương đóng cửa, dù rằng các nước láng giềng đang gặp khó khăn. Ông Offerdal (thuộc Quỹ tiền tệ quốc tế) nói : “*Điều quan yếu mà ta cần để tâm là trong khu vực này, hòn đá tảng của thành công là những cuộc cải tổ hướng ra thị trường, tự do hoá ngoại thương và tiếp nhận vốn đầu tư ngoại quốc*”.

Chính phủ dường như cố gắng giảm nhẹ các điều kiện đối với các nhà đầu tư nước ngoài. Khởi đầu, Bộ kế hoạch và đầu tư tìm cách thuyết phục các xí nghiệp quốc doanh và viên chức rằng doanh nhân ngoại quốc là một nhân tố quan trọng của nền kinh tế, chứ không phải là một điều “*xấu xa cần thiết*”. Một nhà báo Việt Nam nói : mỗi khi các nhà đầu tư ngoại quốc than phiền chuyện này chuyện kia “*cán bộ trung cấp và các cơ quan hành chính coi đó là chuyện của bọn giàu, có bị làm khó để cũng đáng đời. Phải chỉ thị cho họ hiểu là họ có nhiệm vụ giúp đỡ các doanh nghiệp nước ngoài*”.

Trong các biện pháp khuyến khích đầu tư được đề nghị, có thể kể : giảm tiền thuê đất đai, giảm thuế và đơn giản luật lệ xuất khẩu, cấp chiếu khán có hiệu lực dài hơn 6 tháng. Tuy các nhà đầu tư nói đó là những đề nghị đầy hứa hẹn, đại sứ Nhật Bản Katsunari Suzuki nói : “*Vấn đề là trên thực tế người ta sẽ thi hành ra sao. Chỉ những lời nói văn hoá mỹ miều thôi thì không đi tới đâu*”. Ông Suzuki và nhiều người khác tỏ ý hoài nghi về hiệu lực của những biện pháp tụt mủn như là phong trào vừa được phát động nhằm chống nạn nhập hàng lậu : hải quan dán tem vào tất cả các món hàng được nhập khẩu hợp pháp, kể cả xe đạp, rượu mạnh và quạt điện. Các nhà quan sát cho rằng chỉ có cách giảm thuế nhập khẩu mới giải quyết vấn đề tận cội rễ và hiệu quả lâu bền (Thuế quan cao có nghĩa là nhiều nhà đầu tư ở Việt Nam cũng không lợi dụng được việc phá giá tiền tệ của các nước láng giềng : một công ti chất dẻo Singapore ở miền nam Việt Nam nói rằng đồng baht của Thái Lan mất giá 60 % nhưng quan thuế vẫn đánh ở mức 45 % thì không ăn thua gì).

Có những vấn đề quan trọng hơn nữa, ví dụ sự rạn vỡ của khu vực ngân hàng bị đè nặng dưới món nợ của các xí nghiệp quốc doanh. Mặc dầu đã có những quy định về cổ phần hoá từ năm 1992, chính phủ xem chừng vẫn chưa chịu để cho các xí nghiệp quốc doanh đi vào quá trình này. Ngân hàng Thế giới cho biết chính phủ Việt Nam đã liệt kê một danh sách 150 công ti (trong tổng số 6 000 xí nghiệp quốc doanh) sẽ được cổ phần hoá hoặc tư nhân hoá một phần trong năm tới. Giám đốc phụ trách Việt Nam của ngân hàng nói : “*Con số (150) chẳng lớn lao gì. Song đâu sao cũng là bước đầu, có phải vậy không ?*”. Song cho đến nay, Ngân hàng Thế giới vẫn chưa nhận được danh sách chính thức.

Sẽ phải kiên trì hơn nữa nếu cuộc hội nghị trung ương dẫn tới một lãnh đạo với đường lối cứng rắn mới. Trừ phi có sự thay đổi phút chót, lãnh tụ đó sẽ là tướng Phiêu. Nếu đúng như vậy, thì tương quan lực lượng về tư tưởng kéo dài từ lâu ở cấp chóp bu đảng cộng sản sẽ tiếp tục được duy trì. Đây có phải là điều hay cho Việt Nam và có cải thiện được mức sống của người dân hay không, chuyện đó còn phải bàn.

**Faith Keenan**

# Khí hậu nổi nóng, hội nghị Kyoto và chúng ta

bùì mông hùng

*Quai đất nóng dần lên  
làng ô-zôn có vấn đề gì đó  
(Nguyễn Duy)*

**H**ội nghị Kyoto về biến chuyển khí hậu địa cầu, với 159 quốc gia tham dự đã họp suốt 10 ngày đầu tháng 12.97 vừa qua.

Lại một hội nghị quốc tế, lại chuyện ô nhiễm môi trường ! Rùm beng lên rồi đến đâu, được gì là cụ thể ? Có thể đó là những cảm nghĩ ban đầu của bạn.

Tuy nhiên, chúng ta nên cùng nhau nhìn lại. Vì rằng vấn đề khí hậu địa cầu nóng dần lên do lượng khí sinh hoạt của loài người thải ra tới mức quá tải là một ô nhiễm hóc búa, xưa nay chưa từng thấy. Và, Việt Nam lại lọt vào khu vực phải gánh chịu tai ương nặng nề nếu không kịp thời ngăn chặn ô nhiễm này.

## Vì sao trọng hệ khác thường ?

Trước hết là vì các loại khí loài người thải ra làm cho trái đất nóng dần lên – khí cacbon dioxit CO<sub>2</sub> là thành phần chủ yếu – tác động kéo dài cả thế kỷ. Để giải quyết cần một tầm nhìn vượt xa thói thường trong dự tính kinh tế và chính trị.

Chúng ta lại không có sẵn trong tay phương cách loại trừ khí CO<sub>2</sub>, muốn giảm nồng độ lượng khí nguy hại chỉ có cách là chuyển hướng hoàn toàn chính sách và kỹ thuật năng lượng hiện hành. Nghĩa là từ bỏ sử dụng than đá, dầu khí hay khí đốt, thay vào đó bằng các loại năng lượng tái sinh được.

Tức là phải loại bỏ toàn thể cấu trúc đang làm cơ sở cho cả nền công nghiệp và kinh tế thế giới hiện nay.

Dĩ nhiên là các giới công nghiệp nước giàu e ngại gánh vác việc chuyển hướng nặng nề phí tổn này. Các nước nghèo đang lặn lội trên đường phát triển cũng lo lắng chẳng kém, vì lý do khác : phát triển phải có năng lượng, không dùng năng lượng rẻ tiền và sẵn có thì lấy gì mà phát triển lên ?

Ta thấy đó, vấn đề đặt ra rộng lớn, phạm đến toàn bộ cơ cấu công nghiệp và kinh tế của mọi quốc gia, giàu cũng như nghèo. Không như nhiều loại ô nhiễm môi trường khác, chỉ đòi hỏi một số giới hạn công nghiệp phải thích nghi, chuyển đổi kỹ thuật. Chẳng hạn trong vụ lỗ hổng ozon đó là các công nghiệp sản xuất, sử dụng loại khí chlorofluorocarbon.

## Thiên hạ chia ba

Vì thế mà trong hai năm rưỡi nay, cả tám cuộc thương thuyết chuẩn bị cho hội nghị Kyoto đều căng thẳng, gay gắt. Mỗi quốc gia, mỗi tình huống, ai ai cũng dẫn đo lợi hại.

Nhìn chung có ba loại lập trường.

Các nước Tây Âu chủ trương các quốc gia công nghiệp hoá rút giảm đáng kể lượng CO<sub>2</sub>, chỉ tiêu 15 %. Hoãn cho

các nước đang phát triển, khoan buộc họ phải có ngay kế hoạch giảm lượng khí nguy hại.

Thật ra thì đã từ khá lâu các nước trong Liên hiệp Âu châu đã loại bỏ dần công nghiệp thải CO<sub>2</sub> : 70 % năng lượng điện của Pháp là do nguyên tử lực ; các mỏ than đá đã ngưng dần hoạt động từ nhiều năm ở Pháp cũng như ở Anh. Đức đã dẹp các công nghiệp ô nhiễm môi trường từ 1990 khi thống nhất Đông với Tây Đức. Đối với Anh, Đức, Pháp, tiêu chuẩn giảm 15 % lượng CO<sub>2</sub> không phải là quá khó khăn.

Đối với Hoa Kỳ, quốc gia thải khí CO<sub>2</sub> nhiều bậc nhất trên thế giới, thì còn phải nặng tởn kém mới giảm được lượng khí này. Chủ trương là làm từ từ. Bản thân nước Mỹ sẽ ổn định thải CO<sub>2</sub> ở mức năm 1990. Kể như là không tăng nhưng cũng chẳng giảm. Nhưng đòi các nước đang phát triển phải giảm lượng CO<sub>2</sub> đáng kể. Thêm đề nghị quốc gia hay xí nghiệp thải CO<sub>2</sub> dưới mức quy định có quyền bán lại phần dùng không hết cho một nước khác, một xí nghiệp khác. Một loại thị trường mua bán quyền ô nhiễm.

Các nước đang phát triển trong Nhóm 77 quốc gia (G77), trong đó có Ấn Độ, các nước ở châu Phi, ở Nam Mỹ, Trung Quốc, các nước Đông Nam Á thì cho rằng trách nhiệm lớn trong vụ ô nhiễm này về phần các nước giàu, vậy thì các quốc gia này phải gánh vác phần chính trong công cuộc phòng chống. Các nước nghèo sẽ không chấp nhận giải pháp kìm hãm sức phát triển của họ.

Lập trường chính thức là vậy, nhưng đây là những lập trường trong thế quân bình không ổn định giữa ba thế lực : công luận, lobby nghiệp chủ, nghiên cứu khoa học.

Công luận ở đây dùng theo nghĩa ý kiến của công dân, ý thức vấn đề và tác động vào đường hướng giải quyết nó. Đa số dân các nước phát triển đòi hỏi làm sạch môi trường, sớm chừng nào triệt để chừng nào tốt chừng nấy. Nhưng cũng có những công dân khác không muốn, vì làm thế chạm đến quyền lợi của họ. Từ đó mà có những nhóm áp lực chính trị, những lobby. Lobby nghiệp chủ muốn rằng xưa nay làm như thế nào thì cứ thế mà làm, ít ra cũng là vài năm, lâu chừng nào hay chừng nấy.

Tuy nhiên, đòi hỏi làm mạnh, làm ngay hay bảo rằng cứ khoan khoan đừng làm gì là hay hơn cả, lập trường nào cũng phải có cơ sở lập luận. Mà cơ sở ấy muốn cho vững chắc phải dựa vào nghiên cứu khoa học.

Hội nghị Kyoto càng gần, ngày phải quyết định đã kề, các phe đồn sức lực cho lập luận của mình. Riêng lobby nghiệp chủ ở Hoa Kỳ chỉ trong vòng 2 tháng đã chẳng ngại tung ra 13 triệu đôla để thuyết phục dư luận rằng giảm khí CO<sub>2</sub> là tốn kém mà chẳng có gì là cần thiết (Kilaparti Ramakrishna, *Nature*, vol 390, 20.11.97, tr. 227). Hạ tuần tháng 11, nghĩa là giờ chót trước ngày khai mạc hội nghị Kyoto, các “cao thủ võ lâm” tung ra trong *Nature*, tạp chí khoa học thuộc loại có uy tín nhất trên thế giới, những tài liệu “bầu bối” khá đĩ dùng làm lập luận búa tạ trong các cuộc thảo luận.

Nhưng muốn hiểu đầu đuôi xuôi ngược chúng ta phải biết rõ hơn thế nào là hiện tượng nhà kính, trọng tâm vấn đề đặt vào đâu, diễn biến của cuộc thảo luận ra sao ?

## Hiệu ứng nhà kính, sinh hoạt của con người và hiện tượng tự nhiên này

Chắc thế nào cũng đã có lần, mùa hè, xe bạn đậu một thời gian dài, kính đóng kín giữa con nắng chang chang. Mở cửa ra, bên trong nóng chảnh khác lò lửa, nệm ghế nóng bỏng. Nhiệt độ cao hơn ngoài trời, cao hơn nhiều.

Ấy đấy, bản thân bạn đã thử nghiệm thế nào là “hiệu ứng nhà kính”, tiếng Pháp gọi là effet de serre.

Địa cầu, cũng như chiếc xe hơi của bạn, hấp thụ năng lượng mặt trời rồi phản chiếu lên không một phần năng lượng ấy dưới các dạng bức xạ, đối lưu và bốc hơi. Một lớp hơi nước và khí ở trên trời, tương tự như kính của chiếc xe, chặn một phần năng lượng phản chiếu lại, không cho nó tan biến mất ngay vào hư không. Ấy cũng là tác dụng nhà kính, nhưng ở mức độ cả trái đất. Và nó sưởi ấm địa cầu.

Không có hiệu ứng nhà kính tự nhiên này thì trái đất đã là một hành tinh lạnh, nhiệt độ trung bình dưới không độ, khoảng  $-18^{\circ}\text{C}$ .

Khí  $\text{CO}_2$  và mêthan  $\text{CH}_4$  là những thành phần đáng kể trong lớp khí đóng vai trò nhà kính bao quanh trái đất. Bấy lâu nay lớp khí này ở trong một trạng thái khá ổn định.

Thời đại sản xuất công nghiệp, ngay cả nông nghiệp và chăn nuôi sử dụng phương tiện sản xuất đại trà cũng đã tăng lượng mêthan thải vào không trung. Và, nhất là một thế kỷ phát triển công nghiệp, con người không ngừng đốt than đá, đốt dầu khí tạo ra năng lượng để sản xuất công nghiệp, cho xe cộ chạy, để sưởi ấm mùa đông. Và phun  $\text{CO}_2$  ra mù mịt. Mỗi ngày mỗi tăng. So so hiện nay tính ra khoảng gần 7 tỷ tấn cacbon một năm.

Số lượng lớn quá chừng, ngang tầm những con số ta quen thấy trong thiên văn học. Nhưng, ít ra là trong suy tư của những kẻ lạc quan, thiên nhiên cũng chẳng là vô cùng hay sao! Bấy tỷ tấn cacbon thải ra thì sẵn có rừng đó, có biển đó, vốn là những “giếng hút cacbon” dường như không đáy, vẫn điều hoà nồng độ cacbon trong khí quyển từ xưa tới nay.

Tính kỹ lại, thì trong số 7 tỷ tấn cacbon con người thải ra mỗi năm, ước lượng các đại dương hút tiêu đi được ít nhất là 2 tỷ, rừng hút thêm 1 tỷ...

Vì vậy, những kẻ thực tiễn thì đặt câu hỏi thiên nhiên có chịu nổi mãi không? Những tỷ tấn không tiêu đi được ấy, cứ chõng chất hết năm này đến năm khác, lớp khí bao quanh địa cầu dày hơn lên. Hiệu ứng nhà kính có vì vậy mà tăng thêm, quả đất có theo đó mà nóng lên không?

### Từ nửa tin nửa ngờ đến phải xem như là có thật

Câu hỏi hóc búa. Khí hậu toàn địa cầu, xưa nay vốn là chuyện của trời đất. Mà trái đất nóng hay lạnh nào phải chỉ là chuyện của lớp mây, lớp khí. Vấn đề vượt ra ngoài cả bầu trời nói riêng. Vì khí hậu tùy thuộc vào các tác động phức tạp qua lại giữa bầu trời với đại dương mênh mông.

Tuy khoa dự đoán khí hậu còn non trẻ, nhưng có thể nói rằng ngày nay khoa khí hậu học đã nắm bắt được các quy luật vật lý của khí hậu địa cầu, phương thức chúng vận hành trong hệ đại dương – khí quyển. Đủ để mô hình hoá. Dĩ kiện

và thông số cũng được thu thập thường xuyên khắp nơi trên trái đất nhờ các vệ tinh, nhờ mạng lưới trạm khí tượng, nhờ các chiến dịch đo lường trên toàn thế giới như cuộc *Thực nghiệm tuần hoàn đại dương toàn cầu* (World Ocean Circulation Experiment). Cũng phải nói thêm rằng với tất cả những bước tiến ấy, mô hình dự đoán hiệu ứng nhà kính trên khí hậu chỉ đạt xác suất khoảng 50 %.

Mà khí hậu thì năm nay thế này, năm sau lại là thế khác, nóng, lạnh không chừng, biên độ thời tiết dao động rất lớn. Trong tình huống đó, vấn đề đặt ra là phải xác định được trái đất có đang nóng dần lên hay không? Và, cái nóng này là do sinh hoạt loài người gây nên thật, chớ chẳng phải là biến chuyển theo những chu kỳ thiên nhiên địa cầu đã trải mấy phen, hết thời kỳ băng giá lại chuyển sang nóng ẩm hơn.

Giải đáp nằm trong tiến trình biến chuyển nhiệt độ trung bình địa cầu hàng năm. Cần biết rằng về nhiệt độ trung bình, thời kỳ băng giá so với ngày nay chỉ thấp hơn  $5^{\circ}\text{C}$ . Khốn một nỗi, cái nhiệt độ trung bình này con người mới đo chính xác được hơn một trăm năm nay. Chưa đủ dài lâu, chẳng dễ dứt khoát xác nhận địa cầu đang nóng lên với gia tốc cao hơn là xu hướng thiên nhiên.

Vấn đề đặt ra cho cả thế giới, Liên hiệp quốc thành lập *Tập đoàn liên chính phủ về chuyển biến khí hậu*, *TĐLCPVCBKH* (Groupement intergouvernemental sur l'évolution du climat) một tổ chức tự hội trôm trôm bốn ngàn chuyên gia khắp thế giới, thuộc nhiều ngành khoa học.

Báo cáo đầu tiên của TĐLCPVCBKH năm 1990 dè dặt ghi nhận khí hậu nóng lên, “*tương tự với khả năng biến chuyển tự nhiên*”.

Nhưng, dấu hiệu ngày càng nhiều. Kể từ một trăm năm nay những năm nóng nhất dồn cả vào trong thập kỷ vừa qua, lượng tuyết bao phủ bắc bán cầu giảm đáng kể, hạn hán tăng ở các vùng á nhiệt đới, nhiều địa phương bị sa mạc hoá, v.v... Chưa đủ để xác minh dứt khoát, nhưng không thể xem nhẹ sự hội tụ của các dấu hiệu này. Trong báo cáo năm 1995 TĐLCHVCBKH “*gợi ý con người có tác động nhận thấy được vào khí hậu*”.

Vấn đề khí hậu nóng lên đã chuyển một bước trong thảo luận. Không còn luận điệu cho rằng đặt vấn đề khí hậu nóng lên do hiệu ứng nhà kính là chuyện viển vông của một số nhà khoa học “*trông gà hoá quố*” nữa.

Dù chưa đủ bằng chứng để dứt khoát kết luận, có đồng thuận cho rằng phải thận trọng, mà thận trọng là phải xem như rằng hiện tượng có thật, gần bên.

Trọng tâm thảo luận từ bàn cãi “*có thật hay không*” chuyển qua vấn đề phải làm gì đây, chừng nào bắt tay vào việc, cụ thể là những gì?

Đây chẳng phải lần đầu tiên khí hậu đổi thay trong lịch sử địa cầu. Nhưng lần đầu tiên có khả năng là con người gây ra, do khí thải vào không trung từ các hoạt động công nghiệp, giao thông, nông nghiệp. Với một nhịp độ biến đổi nhanh, thay vì thời gian dài hàng ngàn năm như đã thấy trong các chu kỳ tự nhiên, trong vòng một trăm năm nay nhiệt độ trung bình trên địa cầu tăng lên hơn  $0,5^{\circ}\text{C}$ .



## Những tác động trọng hệ

Các mô hình khí hậu – ngày càng thêm chính xác và đáng tin cậy như đã nói ở đoạn trên – dự đoán cứ nhịp độ này thì trong vòng một thế kỷ nữa nhiệt độ địa cầu sẽ tăng thêm từ 1° đến 5°C. Ở mức độ thấp, tăng khoảng 1°C, tác động của thay đổi khí hậu còn ở trong tầm khả năng con người chế ngự được. Nhưng nếu lên tới mức cao của dự đoán, khi ấy chưa biết là sẽ như thế nào.

Chỉ biết rằng khí hậu nóng lên sẽ tác động hệ trọng vào các hệ sinh thái. Các vùng, các chủng thực vật chuyển di về phía bắc cực và nam cực từ 150 đến 500 km, có vùng ngày nay cây cối tốt tươi biến thành sa mạc, có vùng hiện khí hậu khắc nghiệt lại trở nên thuận lợi cho nghề nông. Chế độ mưa nắng bị xáo trộn ở các khu vực á nhiệt đới; bão tố, ngập lụt thất thường, kiểu như trận bão Linda tháng vừa qua ở Việt Nam; hạn hán và thiếu nước, vụ cháy rừng quy mô chưa từng thấy ở Indônêxia mùa hè vừa qua là một triệu chứng báo hiệu. Khí hậu nóng lên, các bệnh nhiệt đới, sốt rét, sốt xuất huyết, dịch tả có cơ lan tràn. Mực nước biển dâng cao lên đến một thước, nước mặn tràn vào vùng ven biển; sẽ ra sao đồng bằng sông Cửu Long của Việt Nam?

Loài người phải đương đầu với những áp lực, những nguy cơ mới. Càng nghèo càng đông dân cư bao nhiêu, càng chịu áp lực nặng nề bấy nhiêu.

## Quần hùng đại chiến

Không mấy ai còn cho viễn tượng ấy là chuyện không tưởng nữa. Có sự đồng thuận phải giảm lượng khí CO<sub>2</sub>.

Nhưng hành động là chậm vào kinh tế, vào xã hội. Và ô nhiễm, như đã nói ở đoạn trên, kéo dài hàng thế kỷ, phải tính đến yếu tố thời gian.

Tức tốc làm ngay hay hãy cứ chờ đây? Đó là câu hỏi trọng tâm của hôm nay.

Có lập luận cho rằng bắt tay từ bây giờ vào công cuộc chuyển đổi kỹ thuật năng lượng sẽ phải trả giá đắt về kinh tế và xã hội: kinh tế yếu đi, thất nghiệp tăng lên. Trái lại, hãy cứ hoãn chờ cho kỹ thuật sử dụng năng lượng tăng hiệu năng, tiến thêm một bậc nữa; đợi đến khi ấy mới đổi thay thì nhẹ hơn được mọi giá phải trả về kinh tế, xã hội, mà kết quả lại khả quan hơn... Và, một “bữa bổi” thuận lợi cho lập luận này được tung ra giờ chót trước hội nghị Kyoto (xem Wigley T M L, *Nature*, vol 390, 267-270, 1997 và lời bàn của Kilaparti Ramakrishna, đ.d.)

Kinh tế là kích thước không thể tránh né trong giải quyết vấn đề. Thay vì chỉ giới hạn trong khí hậu, có một mô hình kết hợp các lĩnh vực kinh tế và môi trường (năng lượng-công nghiệp, môi trường mặt đất, khí quyển-đại dương), các tác giả mô hình này vạch ra rằng đến năm 2010, nếu mà CO<sub>2</sub> thải ra quá cao, thì còn rất ít khả năng cứu vãn (xem Kilaparti Ramakrishna đ.d.).

Trong bối cảnh ấy, công trình của Hà Dương Minh thuộc *Trung tâm quốc tế nghiên cứu về môi trường và phát triển* (Centre International de Recherche sur l'Environnement et le Développement) đem dữ kiện mới vào cuộc thảo luận (*Nature*, vol 390, 20.11.97, tr. 270-273). Cái mới là tính đến

sức ì của các hệ kinh tế gây ra tác dụng nhà kính. Có ý chí quyết định đổi thay đó, nhưng chẳng phải một ngày một buổi mà đổi ngay được. Phải mất thời gian mới chuyển được cấu trúc hạ tầng, đổi được thói quen người sử dụng.

Đem yếu tố “sức ì” vào mô hình tính toán, Hà Dương Minh và cộng tác viên đi đến kết luận là trì hoãn giảm lượng thải CO<sub>2</sub> sẽ phải trả giá đắt về kinh tế. Cách tối ưu hoá chi phí là chia sẻ gánh nặng giữa các thế hệ. Phải tức tốc tác động ngay để giảm lượng CO<sub>2</sub> thải vào khí quyển.

## Và thoả hiệp tại hội nghị

Đưa lý luận đến điểm tột cùng của nó là tinh thần của nhà khoa học, thoả hiệp những quan điểm, quyền lợi trái ngược nhau là nghệ thuật của nhà ngoại giao.

Hội nghị Kyoto kết thúc với một nghị định thư. Trong đó có điều kiện bắt buộc các nước công nghiệp hoá giảm lượng khí có hiệu ứng nhà kính. Trung bình là 5,2%. Phải đạt vào thời điểm từ năm 2008 đến năm 2012.

Mười lăm nước trong Liên hiệp Âu châu cam kết giảm phần họ 8%, Hoa kỳ giảm 7% và Nhật Bản 6%. Các nước đang phát triển được miễn không buộc phải theo.

**N**hững chỉ tiêu giảm 6%, 8% thật quá khiêm tốn, so với 50% con số theo giám định khoa học phải đạt mới tránh khỏi cơ nguy.

Tuy nhiên, chẳng nên vì đó chúng ta xem nhẹ kết quả khiêm tốn của hội nghị Kyoto. Đó là một bước chuyển đổi. Từ phung phí năng lượng sang tiết kiệm, hợp lý hoá, tối ưu hoá sử dụng năng lượng.

Kyoto cũng đánh dấu một bước khác: con người tác động và khí hậu, nhìn nhận rằng mình có trách nhiệm với khí hậu địa cầu. Trách nhiệm ấy có giá của nó. Là một giá trị tinh thần, nhưng cũng là cái giá phải trả cho thị trường kinh tế.

Nó cũng nhắc nhở mỗi người trong chúng ta rằng ý nghĩa công dân chỉ được đầy đủ khi nó trọn vẹn ở cả hai mức độ. Mức độ quốc gia và mức độ thế giới.

Với tất cả quyền lực và nghĩa vụ của người công dân.

**bùimộng hùng (12. 1997)**

Lượng CO <sub>2</sub> do chất đốt hoá thạch (tỷ tấn cacbon)		
	1996	Tỷ số thay đổi (%) 1990 - 1996
Bắc Mỹ	1,75	+8,2
Nam Mỹ	0,33	+13,2
Liên hiệp Âu châu	0,96	+0,8
Cộng đồng các quốc gia độc lập và Đông Âu	0,90	-31,0
Trung Đông	0,25	+41,0
Phi châu	0,22	+19,0
Á châu/ Thái Bình Dương	2,00	+31,0
Thế giới	6,51	+6,4

Số liệu theo Hội đồng năng lượng thế giới (World Energy Council)

Quốc tịch và nhập cư

## Luật Guigou, luật Chevènement : thỏa hiệp để đồng thuận ?

Nguyễn Quang

Lại một cuộc cải tổ ! Từ 50 năm nay, đây là lần thứ 25, người ta cải tổ sắc lệnh 1945 về qui chế người ngoại quốc ở Pháp. Lần này, vì chính phủ Jospin ít nhiều (ít thì đúng hơn nhiều) muốn giữ lời hứa trong khi vận động tranh cử quốc hội là sẽ “ huỷ bỏ các đạo luật Méhaignerie, Pasqua, Debré ” về quốc tịch và qui chế người nhập cư. Sau hơn 3 tuần lễ chạy marathon — phải gọi là *du kích chiến* mới đúng : thay vì thảo luận về thực chất, người ta cù cưa nhau về nội qui, thủ tục (1) — chúng ta hãy thử sơ kết về hai đạo luật Guigou và Chevènement mà Quốc hội Pháp vừa thông qua.

### Luật Guigou về quốc tịch

Ngoại trừ thời kỳ 4 năm dưới chế độ Vichy của thống chế Pétain (1940-44), qui chế nhập tịch để trở thành công dân Pháp, từ năm 1889 đến nay, dựa trên nền tảng *quyền thổ địa* (*droit du sol / jus soli*) : theo nguyên tắc bình đẳng và phổ quát của lý tưởng cộng hoà, trẻ em sinh ra trên lãnh thổ nước Pháp, bất luận cha mẹ có quốc tịch gì, đương nhiên là người Pháp, ngay từ lúc ra đời (nếu cha mẹ là người Pháp, hoặc cha mẹ là người ngoại quốc nhưng sinh đẻ tại Pháp) hoặc kể từ tuổi thành niên (trong các trường hợp khác). Dựa theo nguyên tắc nền tảng của sắc lệnh 1945, các nhà lập pháp từ đó đến nay đã sửa đi sửa lại, khi cởi khi siết tùy lúc tùy thời. Trước năm 1993, cha mẹ (người ngoại quốc) có quyền (trong một số điều kiện cư trú) xin cho con cái (sinh đẻ tại Pháp) vào quốc tịch Pháp trước tuổi 18. Đạo luật *thoáng* nhất là đạo luật thông qua năm 1973, do phe hữu đề xướng, và được cả hai phe tả hữu bỏ phiếu thông qua : luật này thích ứng sắc lệnh năm 1945 vào hoàn cảnh nước Pháp sau cuộc giải thực (*décolonisation*), cho phép nhập tịch ngay từ ngày khai sinh các trẻ em ra đời tại Pháp, có cha mẹ là người các nước thuộc địa cũ (coi là lãnh thổ Pháp). Tóm lại, có thể nói chính sách *hoà nhập* (*intégration*) kiểu Pháp dựa trên nền tảng *quyền thổ địa*, theo đó con cái của những người nhập cư *đương nhiên* có thể trở thành công dân Pháp ngay từ thế hệ thứ hai.

Sang tới thập niên 80, thời tiết thay đổi : lợi dụng cuộc khủng hoảng kinh tế và nạn thất nghiệp, phe cực hữu

giương cao ngọn cờ chống lại “ *bọn người nhập cư vô tình trở thành người Pháp* ”. Do Le Pen (2) sáng chế ra, đó là một lối ăn nói cực kỳ ngu xuẩn (thử hỏi, một đứa trẻ sơ sinh, người Pháp hay người gì đi nữa, làm sao ý thức được nó thuộc quốc tịch nào !), song lại rất ăn khách. Nó đã được chính phủ Chirac năm 1986 (thời ở chung lần thứ nhất với tổng thống Mitterrand) vay mượn khi lập ra uỷ ban Marceau Long để cải tổ Bộ luật quốc tịch. Một trong những khuyến nghị của uỷ ban này là bày ra việc “ biểu lộ ý chí ” (muốn có quốc tịch Pháp). Đó là điểm gặp sự phản bác mạnh mẽ nhất trong đạo luật Méhaignerie (3) năm 1993 về quốc tịch, đánh dấu một sự đoạn tuyệt đối với tinh thần 1889 : một em bé ra đời tại Pháp mà cha mẹ là ngoại nhân thì không đương nhiên là người Pháp nữa ; muốn trở thành người Pháp, thì đến tuổi từ 16 đến 21, nó phải “ biểu lộ minh bạch ý muốn là người Pháp ”. Khó khẳng định dứt khoát là luật Méhaignerie đã phủ nhận *quyền thổ địa*, song điều chắc chắn là nó đã tạo ra một loại *phó thường dân, công dân hạng nhì* dưới tuổi 16, với nguy cơ đưa đẩy những người xin nhập tịch trở thành nạn nhân của sự lạm quyền, độc đoán của những cơ quan hành chính. Còn bây giờ luật Guigou vừa được thông qua chủ trương như thế nào ? Từ nay :

– Bất luận trẻ em sinh đẻ tại Pháp, cha mẹ là ngoại nhân, đến tuổi thành niên (18), đương nhiên có quyền là người Pháp miễn là chứng minh được rằng mình đã cư trú tại Pháp (một cách liên tục hay gián đoạn) một thời gian ít nhất 5 năm kể từ tuổi 11. Ngay từ tuổi 16, cũng có thể “ tuyên bố ” nhập tịch.

– Vị thành niên sinh đẻ tại Pháp, cha mẹ là ngoại nhân, có thể xin vào quốc tịch Pháp ngay từ tuổi 13, với điều kiện đơn xin được sự đồng ý của cha mẹ, và nếu đương sự đã thường trú ở Pháp ít nhất 5 năm từ tuổi lên 8.

– Mỗi thanh niên gốc ngoại nhân có quyền từ chối quốc tịch Pháp trong thời gian 6 tháng trước hoặc 12 tháng sau ngày thành niên (sinh nhật 18 tuổi).

– Mỗi vị thành niên sinh đẻ tại Pháp, cha mẹ là ngoại nhân, được cấp “ căn cước cộng hoà ” (*carte d'identité républicaine*).

– Người ngoại quốc lập gia đình với người Pháp có quyền nhập tịch một năm sau ngày kết hôn.

Phải nói ngay : đây là một văn bản nhứt nhát và vụng về, ngay tình trạng trước năm 1993 cũng không dám khôi phục. Vụng về vì những mốc hạn chế được đặt ra (13, 16, 18 tuổi) gây nên cảm tưởng là người làm luật có tâm địa *cò kê bớt một thêm hai*. Tại sao lại bắt buộc một thiếu niên gốc nhập cư phải tiến hành những thủ tục mà đồng bạn người Pháp không phải bận tâm, những thủ tục mà trong suốt hơn một thế kỷ nước Pháp không hề đòi hỏi ? Sự khập khiễng này rõ ràng là kết quả một sự thỏa hiệp hai mặt : thỏa hiệp giữa bà bộ trưởng với phe đa số trong

đó có một bộ phận đòi khẳng định lại *quyền thổ địa* một cách dứt khoát (các đại biểu cộng sản và môi trường, thuộc phe đa số, cuối cùng đã bỏ phiếu trắng) ; thoả hiệp (ngầm ?) giữa chính phủ với những ý tưởng của phái hữu, bởi vì chính bà Guigou cũng lại ca mấy câu vọng cổ của những người liên nhiệm (2) : “ *Chúng ta không thể nào quay trở lại một chế độ tạo sinh ra những người Pháp mà không biết mình là Pháp* ”. Hai bên đều thủ đúng vai trong kịch bản : phe đối lập thì hô hoán là chính quyền làm “ mất ổn định xã hội Pháp ”, phe đa số thì làm như đã khôi phục hoàn toàn trong khi thật ra đạo luật Guigou chỉ tái lập một phần những pháp qui trước 1993. Và một lần nữa, người ta đã tránh né một cuộc thảo luận dân chủ quan trọng. Nếu đúng như lời bà Guigou quả quyết, “ *nước Pháp từ lâu là một quốc gia của sự hội nhập, xây dựng qua những tầng lớp trầm tích, hùng mạnh chính nhờ ở sự đa dạng của nhiều thành phần cấu tạo* ” thì lẽ ra, bất luận thương thảo và mưu mẹo chính trị ra sao, không nên bỏ lỡ dịp này để chứng tỏ rằng cuộc luận bàn này liên quan tới cả hình ảnh của dân tộc Pháp. “ *Mở rộng bộ luật quốc tịch ít hay nhiều (...) phản ánh mức độ tự tin của dân tộc ta. Chọn lựa quyền thổ địa theo ngữ nghĩa rộng rãi nhất — cho dù không toàn bộ — là tin tưởng vào khả năng hoà nhập của xã hội [trong đó nền văn hoá], nhờ những sự nghiệp và nguyên tắc của nó, có một cái gì đủ mạnh, đủ hấp dẫn, khiến cho một con người gốc ngoại quốc trở thành người Pháp, không hơn không kém gì những người Pháp khác (...). Còn cứ muốn duy trì những điều kiện hạn chế hiện nay, cò kè đòi có một “ hành động tự nguyện ”, là không mấy tin tưởng vào khả năng của xã hội* ” (Laurent Joffrin, báo *Libération*). Nói như vậy là đủ.

## Luật Chevènement về quy chế người nhập cư

Sang đến đạo luật về quy chế người nhập cư do ông Chevènement, bộ trưởng nội vụ, đề nghị, thì cuộc tranh luận còn gay gắt hơn. Phái hữu đã nã pháo đại bác, đôi lúc từ chiến hào của phe cực hữu. Còn phái tả thì xâu xé lẫn nhau : nhóm cộng sản bỏ phiếu trắng (một lần nữa), nhóm môi trường không chịu tham gia bỏ phiếu, cánh tả của Đảng xã hội thì thắc mắc, biểu tình, kiến nghị, bút chiến tùm lùm. Để đi tới đâu ? Đây là những quy định chủ yếu của đạo luật mới :

– **Quyền tị nạn** : nguyên tắc nêu ra trong Phần mở đầu của Hiến pháp 1946 về việc đón nhận những người ngoại quốc bị nhà nước (và không nhất thiết nhà nước) của họ bức hại “ *do hoạt động vì tự do* ” được thể hiện bằng pháp quy. Chính thức hoá quy chế “ tị nạn lãnh thổ ”, căn cứ vào đó bộ trưởng nội vụ được quyền cấp thẻ cư trú cho bất cứ một ngoại nhân nào bị đe dọa.

– **Chiếu khán** : đối với 10 loại người nước ngoài, mỗi

khi lãnh sự quán từ chối không cấp chiếu khán nhập cảnh, thì phải nói rõ lý do.

– **Chứng chỉ tá túc** : quốc hội đã bãi bỏ giấy chứng chỉ này (trước đây muốn sang Pháp thăm gia đình phải xin giấy này ở toà thị chính). Bây giờ, chỉ cần người đón khách viết giấy “ tiếp nhận ”.

– **Thẻ cư trú** : sẽ có nhiều loại riêng biệt. Người về hưu sẽ được cấp thẻ cư trú 10 năm không kèm theo quyền lao động. Giới đại học và nghiên cứu được cấp thẻ “ khoa học ” giá trị một năm, cũng như các nghệ sĩ đã ký kết hợp đồng với một cơ sở văn hoá. Còn những người có “ *liên hệ cá nhân và gia đình* ” mật thiết với người ở Pháp sẽ được quyền xin thẻ “ *đời sống riêng, đời sống gia đình* ” có hiệu lực một năm và có quyền lao động. Sau 5 năm, thẻ cư trú tạm thời này sẽ được chuyển thành thẻ thường trú 10 năm. Quốc hội cũng đã tái lập “ *ủy ban phụ trách cư trú* ” mà đạo luật Debré đã bãi bỏ. Ủy ban này gồm đại diện công quyền và những thẩm phán, có nhiệm vụ cho ý kiến về những trường hợp từ chối cấp thẻ cư trú.

– **Hôn nhân hợp chủng** : ngoại nhân lập gia đình với một công dân Pháp có quyền được cấp thẻ cư trú ngay sau ngày cưới (thay vì phải đợi một năm), ngay cả trong trường hợp lúc kết hôn, đương sự đang cư trú không hợp lệ, với điều kiện đã nhập cảnh hợp pháp.

– **Đoàn tụ gia đình** : điều kiện ăn ở và thu nhập của người nhập cư muốn đưa gia đình sang Pháp ít nhiều được giảm nhẹ. Vẫn phải có mức lương tối thiểu (SMIC), song tỉnh trưởng không có quyền từ chối sự đoàn tụ gia đình chỉ vì lý do “ *thu nhập không đủ* ”. Người đứng đơn có quyền tiến hành thủ tục xin đoàn tụ gia đình ngay khi chúng tỏ mình có chỗ ở cần thiết để tiếp đón gia đình.

– **Quyền lợi xã hội** : ngoại nhân cư trú hợp lệ cũng được hưởng các khoản trợ cấp dành cho người cao tuổi, người thành niên tàn tật, cũng như trợ cấp xã hội về chỗ ở. Người về hưu được quyền lĩnh trợ cấp “ *tuổi già* ” ngay trong trường hợp không còn cư trú tại Pháp. Người ngoại quốc hưu trí đã đóng bảo hiểm xã hội trong ít nhất 15 năm khi làm việc ở Pháp, nay sống ở nước khác, khi trở lại Pháp cư trú tạm thời, có quyền hưởng bảo hiểm bệnh tật trong trường hợp tình trạng sức khoẻ của đương sự “ *cần được chăm sóc tức khắc* ”.

– **Tạm giữ** : thời hạn tạm giữ hành chính tối đa, từ 10 ngày tăng lên thành 12 ngày. Bù lại, trong trường hợp chính quyền ký nghị định dẫn độ, đương sự có quyền đưa đơn khiếu nại trong thời hạn 48 giờ (thay vì 24 giờ), và nếu thẩm phán quyết định trả tự do thì viện công tố không có quyền chống lại nữa.

– **Cấm cư trú** : từ nay, toà án muốn tuyên án cấm cư trú đối với một ngoại nhân (thuộc loại trên nguyên tắc được bảo hộ), thì không những “ *phải viện rõ lý do* ” liên quan tới “ *mức độ nghiêm trọng của tội trạng* ” mà còn

phải xét tới “ *hoàn cảnh riêng và gia cảnh* ” của đương sự. Trong danh mục người cư trú liên quan, quốc hội đã ghi thêm cả những người ốm đau mà “ *nếu bị trục xuất có thể gây hậu quả nguy hại đến sức khoẻ* ”.

Dựa trên bản báo cáo của nhà xã hội học Patrick Weil (cũng bị phản đối khá mạnh), Bộ nội vụ muốn đệ trình một dự luật “ vừa cương quyết vừa mực thước ” để tạo ra sự cân bằng và đồng thuận. Bằng chứng của sự cân bằng là nó bị công kích từ cả hai phía. Phe hữu thì hô hoán như vậy là *thả lỏng*, là phá hoại, là vô trách nhiệm, thậm chí họ đã dùng những lời nói tởm lợm : “ *phát chẩn bảo hiểm xã hội* ”, “ *phát hành sách du lịch rẻ tiền cho dân nhập cư chui* ”, “ *những nhà khoa học bất hảo, những nghệ sĩ khả nghi, bọn khủng bố* ”... Còn phe tả thì tập trung chỉ trích một điểm cốt lõi : việc chính phủ không chịu đơn thuần bãi bỏ các đạo luật Pasqua-Debré. Mọi người còn nhớ, chính phong trào kiến nghị và biểu tình chống đạo luật Debré đã mang lại yên cương cho phe tả và gián tiếp giúp phe tả thắng cử. Do đó, mà “ nhân dân phải tả ” có quyền chờ đợi chính phủ mới huỷ bỏ đạo luật “ khốn kiếp ”. Và họ đã bị thất vọng. Không những không huỷ bỏ, mà đọc kỹ các quy định của luật Chevènement, người ta gặp lại cái lôgic của hai đạo luật cũ : ý muốn điều chỉnh dòng người nhập cư bằng những biện pháp hành chính và công an. Tất nhiên, trong dự luật Chevènement đã có những bước tiến (như về quy chế tị nạn, về quy chế cư trú), song cái lôgic của sự đa nghi vẫn còn nguyên vẹn : đối với nước Pháp, tổ quốc của nhân quyền, người ngoại quốc không (còn) được thụ hưởng thường luật (*droit commun*). Bằng chứng là các biện pháp cưỡng bức vẫn được duy trì, nếu không nói là siết lại : kéo dài thời gian tạm giam để chuẩn bị trục xuất, duy trì án kép ( tù giam + trục xuất)... Không rơi vào chủ nghĩa ngây thơ (đòi mở toang biên giới) hay huyền thoại (coi người nhập cư như “ *đấng cứu thế* ” như người vô sản trước đây), thiết nghĩ có thể nêu ra một nhận xét : vấn đề nhập cư không phải chỉ đơn thuần là vấn đề công an biên phòng hay vấn đề nội trị ; trước tiên đó là một hiện tượng quốc tế bắt nguồn từ sự chênh lệch giữa nước giàu và nước nghèo. Không thể nào nghĩ tới việc “ *chế ngự luồng nhập cư* ” mà không xét tới kích thước cơ bản của vấn đề : sự phát triển kinh tế (4).

Còn lại một vấn đề chính trị : tại sao thủ tướng Jospin (vì trong quá trình soạn thảo dự luật, ông là người có tiếng nói cuối cùng, vì quyết định của ông nghiêng về phía cứng rắn) đã chọn hướng đó, nghĩa là không giữ đúng lời cam kết khi tranh cử (là huỷ bỏ hai đạo luật Pasqua-Debré), bóp méo hình ảnh một con người “ *nói gì làm nấy, làm gì nói nấy* ” ? Nếu xét về động cơ chính khách ngắn hạn, thì có thể là ông muốn nhân nhượng với phe trung tâm và chuẩn bị những cuộc bầu cử sắp tới, trước tiên là cuộc bầu cử các vùng vào mùa xuân 1998. Có thể có một

động cơ không chính khách mà chính trị (theo nghĩa cao thượng của nó), và dài hạn, mà ta có thể tìm ra trong một phát biểu của chính ông Chevènement. Bình luận về bản dự luật, ông bộ trưởng nội vụ tuyên bố : « *Mục tiêu của chính phủ là ổn định cuộc sống của những người ngoại quốc định cư ở nước ta, và tạo điều kiện cho những người muốn hội nhập vào nền cộng hoà. Mục tiêu chiến lược của chúng tôi là muốn đạt được sự đồng thuận trên một vấn đề từ lâu đã tiêm nọc độc vào đời sống chính trị quốc gia. Chẳng có một cường quốc nào mà vấn đề này lại chiếm một chỗ đứng lớn như vậy trong cuộc thảo luận chung. Một cuộc thảo luận không đi tới đâu. Nhất thiết chúng ta cần đi ra khỏi cái vòng lẩn quẩn ấy* » (tuần báo *Nouvel Observateur*, 4-10.9.97). Nói khác đi : những người có xu hướng “  *tinh thần trách nhiệm* ” và “  *óc thực tế* ” trong phái tả hi vọng là khi họ hi sinh một vài nguyên tắc, sẽ đi tới một sự thoả thuận tối thiểu trên một đạo luật tất nhiên là không hoàn mỹ, nhưng ít nhất cũng tạm được, để đến khi có thay đổi chính quyền, cũng không bị sửa đổi trở lại, có như vậy thì vấn đề người nhập cư mới thoát ra khỏi khuôn khổ cái đên cù chính trị của nước Pháp.

Nguyễn Quang

(1) Các nghị sĩ đã tung ra 663 đề nghị sửa đổi dự luật Guigou, và hơn 1200 đề nghị sửa đổi dự luật Chevènement. Cuộc chạy marathon này đã có hai nạn nhân : bà Tasca, chủ nhiệm Ban pháp luật của Quốc hội, bị khan tiếng, còn bà Guigou, Bộ trưởng tư pháp, lên cơn đau tim.

(2) Một công thức tương tự : Trong cuộc thảo luận ở quốc hội, một cựu bộ trưởng giáo dục, sau khi triết lý tràng giang đại hải về quốc gia, quốc tịch, đã phán một câu : “ *Muốn làm người Pháp, thì cũng phải xứng đáng chú !* ”. Cố nhiên một Charpak hay một Cohen-Tanudji, hai tên ngụ cư nguồn gốc nếu không *rệp*, *mọi* thì cũng ngoại lai có hạng, đã tỏ *raxúng* đáng nhờ cái giải Nobel vật lý. Nhưng đo đạc sự *xúng* đáng theo kiểu đó, thì không hiểu 99 % người Pháp còn lại, trong đó phải kể cả ngài bộ trưởng nọ, có mấy ai *xúng* đáng ?

(3) Người ta thường gọi đạo luật này bằng tên họ của ông Pasqua. Người Pháp vốn có câu tục ngữ “ *chọn nhà giàu mà cho vay* ” (đồng nghĩa với tục ngữ Việt Nam “ *nước chảy chỗ trũng* ”)

(4) Đó là nhiệm vụ mà thủ tướng Jospin đặt ra cho uỷ ban liên bộ do ông Sami Nair (giáo chức đại học, cố vấn của bộ trưởng nội vụ). Nhóm này phải nghiên cứu và đưa ra những đề nghị “ *đồng phát triển* ” với các nước phía nam địa cầu.

## Tri thức bọm (2) Hàn Thuỷ

### 2. Chủ nghĩa duy khoa học và chủ nghĩa tương đối trong tri thức luận

Sokal và Bricmont (S&B), khi vạch trần những thủ thuật “ bọm bọm tri thức ” của một số trí thức Pháp, lạm dụng những danh từ và khái niệm khoa học hiện đại, đã gây sóng gió. Tiếc rằng những phản ứng được loan truyền trên các phương tiện truyền thông lớn của Pháp (*xem kỳ trước*) lại mang theo quá nhiều nhiễu loạn của tự ái dân tộc hẹp hòi, che lấp đi phần nào những vấn đề cơ bản đáng bàn tới hơn. Để phản công, người ta gán cho S&B cái tội duy khoa học của thế kỷ 18, 19 ; điều ấy không che giấu được những luận cứ bảo vệ rất yếu ớt và làm cho có lẽ, có thể nói mục đích tối thiểu của S&B đã đạt, nghĩa là từ nay người ta sẽ không thể “ múa gậy vườn hoang ” như trước. Thế đã là một đóng góp không nhỏ cho nền học thuật thế giới, mặc dù rằng để làm việc đó S&B đã không theo các thủ tục mô phạm cổ điển, vì vậy nếu vài trưởng lão của cái bộ lạc trí thức Paris có nổi đoá một chút cũng không sao.

Điều đáng đọc và bàn trong S&B, đáng hơn là những chương trong đó S&B chỉ trích từng tác giả một, lại là chương 3, mà S&B gọi là “ chuyển cảnh ” (*intermède*) và chương chót, “ chung cục ” (*épilogue*), trong đó những thái độ khác nhau đối với khoa học được phân tích, phê bình, và giải thích tại sao có những thái độ sai lầm. Phải mở ngoặc nói ngay về về cuối này, một điểm quan trọng hiếm hoi trong S&B mà người điểm sách này thấy không thoả mãn. Giải thích tại sao lại hiện diện phổ biến một thái độ tri thức sai lầm rõ ràng là một công tác cần thiết của khoa học xã hội, không thuộc phạm vi chuyên môn của S&B. Nói vậy không có nghĩa S&B không có quyền có ý kiến, nhưng cũng để... giải thích tại sao về phần ấy kém. Theo thiên ý, trên một chủ đề loại này cần nghiên cứu công phu về những hoàn cảnh lịch sử, tâm lý, xã hội, truyền thống văn học, triết học, văn vần, mới có tính thuyết phục. Trong ba trang 200-203 của chương épilogue S&B chỉ đưa giả thuyết về những lý do xã hội đưa đến những sai lầm của phái tả “ hậu hiện đại ” Mỹ, mà không đề cập gì tới nước Pháp, trong khi đó lại nhấn mạnh đến ảnh hưởng của triết học hiện đại Pháp, thì thực không ổn chút nào. Vấn đề còn nằm đó chờ người nghiên cứu.

Trở lại những thái độ khác nhau trước khoa học, có thể ví như những nan quạt đi từ chủ nghĩa duy khoa học tuyệt đối tới chủ nghĩa tương đối tri thức (*relativisme cognitif*), cực điểm của nó là thuyết duy tiểu ngã (*solipsisme*, tự điển Anh Việt và Pháp Việt của Nxb Khoa học Xã hội đều dịch là thuyết duy ngã, lấy từ thuật ngữ Phật giáo có sẵn, sợ rằng không chính. Theo *Dictionnaire de la philosophie* do Jacqueline Russ chủ biên, gốc Latin của nó là *solus*, đơn độc, và

*ipse*, bản thân. *Solipsisme* là thuyết cho rằng chỉ có chủ thể tư duy là thực sự hiện hữu). Bỏ qua cái thái cực bây giờ không còn ai theo ấy, có thể nói hiện nay mọi người đều đồng ý đối tượng mà khoa học tìm hiểu là cái thế giới trần tục, thế giới núi đồi, cây cỏ, cột đèn chung quanh chúng ta. Như thế mặc nhiên chấp nhận (ít ra là tạm chấp nhận như một giả thiết tiên thiên) sự hiện hữu của thế giới “ cột đèn ” ấy, vì nếu thiếu điều kiện tiên quyết này thì không còn đối tượng để thảo luận. Từ đó vài câu hỏi cơ bản có thể đặt ra, và có thể xếp những lập trường khác nhau tùy theo trả lời chúng thế nào.

Trần thế này có phải là sự hiện hữu duy nhất hay không ?

Thế nào là khoa học, không khoa học và phản khoa học ?

Tại sao khoa học lại hữu hiệu ?

Khoa học có thể tìm hiểu đến cùng và rộng khắp trần thế này không ?

Khoa học có phải là hoạt động tư duy độc nhất cần thiết để tìm hiểu thế giới không ?

Sự khác biệt giữa khoa học và triết học nằm ở đâu ?

Lịch sử xã hội có ảnh hưởng tới phương pháp và lý thuyết khoa học không ?

Phương pháp và lý thuyết khoa học có ảnh hưởng trở lại trên sự hiện hữu của trần thế không ?

Có chăng cái gọi là phương pháp khoa học phổ biến ?

Các đối tượng đặc thù ảnh hưởng tới phương pháp khoa học như thế nào ?

Đây chỉ là những câu hỏi viết ra một cách không hệ thống và chắc không đầy đủ, xin để bạn đọc tự suy ngẫm và tìm cách bổ sung hay trả lời, nếu thấy hứng thú. Mục đích ở đây chỉ là nêu ra sự phức tạp của khoa học luận để chấp nhận rằng các tác giả khác nhau có những thái độ khác nhau là tự nhiên, trong khi tạm xới lên vài vấn đề. (Xin mở ngoặc để đối thoại với các bạn đọc dị ứng với loại vấn đề này : như thế thì cãi vã làm gì ? có phải là sự bẻ sợi tóc làm tư trong các tháp ngà không ? Có lẽ chúng ta không nên quên sự hữu hiệu tuyệt vời, ghê gớm, khủng khiếp của khoa học hiện đại, có khả năng đưa nhân loại lên thiên đường hay xuống địa ngục. Người có văn hóa ngày nay không thể không có thái độ trước khoa học, nhất là chúng ta xuất thân từ một nước, chủ yếu vì trình độ khoa học kỹ thuật thấp kém, đã phải trải qua một quá trình trở thành thuộc địa rồi giành độc lập đẫm máu và nước mắt. Ngày nay trong xã hội VN có khuynh hướng trọng kinh tế, nhất là kinh tế vì mô để buôn bán làm giàu ; như thế thật là què quặt vì nếu không có một trình độ khoa học kỹ thuật và công nghệ nhất định thì khó có thể có một nền kinh tế vững chắc).

Theo S&B, ít nhất có bốn ý nghĩa khác nhau trong chữ “ khoa học ” : 1) một hành xử của tri thức nhằm đạt đến sự hiểu biết trần thế một cách duy lý ; 2) một tập hợp có hệ thống các hiểu biết ; 3) cơ sở lý thuyết của kỹ thuật và công nghệ ; và 4) một môi trường và định chế trong xã hội, thường được đánh đồng với các thể chế khoa-học-kỹ-thuật (*technoscience*). Rõ ràng kỹ thuật và công nghệ nhiều khi đã đưa đến những tai họa không lường được. Rõ ràng hiện nay các thể chế KHKH đã liên hệ chặt chẽ với các tập đoàn kinh tế và quân sự để tiến hành các công trình nghiên cứu đáng phỉ nhổ. Và cũng rõ ràng khoa học, hiểu trong nghĩa hệ thống hiểu biết, đã thường xuyên phạm sai lầm, và nguồn gốc của các sai lầm khoa học nhiều khi nằm trong các di sản văn hóa

xã hội. Với chủ nghĩa duy khoa học của các thế kỷ 18, 19 thì rất đơn giản và tuyệt đối tốt, từ 1) tới 2), tới 3) và do đó tới 4) thì phải tôn vinh các nhà khoa học. Với những người như S&B, tự nhận theo lý tưởng khoa học, và nhân bản, của thế kỷ ánh sáng, thì vì cái vẻ nhân bản đã phải tương đối hoá cái vẻ khoa học rất nhiều rồi, nhưng còn một điểm (nói theo Kiêu : chữ trình còn một chút này) về những hành xử duy lý của tri thức thì không thể nhân nhượng. Vì thế những luận điệu nhập nhằng, nhân những chỉ trích đúng trên khía cạnh này để bỏ qua khía cạnh kia, là không chấp nhận được.

Chủ nghĩa tương đối trong tri thức, theo S&B, bắt nguồn chủ yếu từ những phản ứng của Kuhn (*The structure of Scientific Revolution*, 1970), và nhất là của Feyerabend (*Against method*, 1975), trước khoa học luận của Popper (*The logic of scientific discovery*, 1959). Nói ra thì quá dài dòng, đại khái Popper tìm hiểu sự tiến hoá của các lý thuyết khoa học chỉ trong bản thân khoa học mà thôi, qua một hành xử nổi tiếng là sự phản nghiệm (*falsification, réfutation*), vì thế Popper dùng đặc tính có thể hay không có thể bị phản nghiệm làm đường ranh giới cho khoa học và không khoa học. Kuhn nổi tiếng với khái niệm “ hệ ý niệm ” (tạm dịch chữ *paradigme* — từ hệ — có trong ngôn ngữ học được Kuhn dùng trong nghĩa mở rộng) như là một tập hợp các vấn đề, lý thuyết, phương pháp giải quyết... trong một hoàn cảnh lịch sử nào đó được các nhà khoa học chấp nhận như là những khuôn mẫu chung, thế giới quan chung của họ. Và như vậy nếu đi đến cùng thì các vật thể trong đời thường cũng không thể nhận diện ngoài một hệ ý niệm nhất định nào đó. Vấn đề lý thú Kuhn đặt ra là khi nào một hệ ý niệm bị bỏ và một hệ khác thay thế. Sự chuyển hệ ý niệm (*changement de paradigme*) theo Kuhn tùy thuộc nhiều yếu tố xã hội nhiều khi không hoàn toàn thuần lý. Còn theo Feyerabend thì thật ra khoa học chẳng có phương pháp gì cả ; tìm hiểu thực sự ông muốn nói gì rất khó vì Feyerabend đã tuyên bố rõ ràng ý đồ khiêu khích tri thức của mình. Những phân tích của S&B về ba tác gia trên rất đáng đọc kỹ.

Nhưng dù sao họ vẫn giữ cái nhìn khoa học về trần thế, nghĩa là mặc dù nhận định khác nhau về quá trình xây dựng các lý thuyết khoa học (mà theo tính ba phải của người viết bài này thì ông nào cũng có lý một phần), không ai phủ nhận thế giới khách quan và tiêu chuẩn phù hợp với thế giới khách quan của khoa học. Sự gay go xảy ra bắt đầu từ những năm 70, khi một trường phái xã hội học ra đời, chuyên nghiên cứu về giới khoa học và công tác nghiên cứu của họ như một hiện tượng xã hội. Sai lầm lớn và ấu trĩ là muốn giải thích nội dung của các thuyết khoa học tự nhiên như kết quả của những vận động trong xã hội, nói về khoa học tự nhiên mà lại bỏ quên yếu tố tự nhiên ! hùa theo khía cạnh đáng chỉ trích nhất của thuyết Kuhn. Điều đáng buồn cười là những người nghiên cứu nội dung khoa học như một hiện tượng tương đối với một xã hội lại không phủ nhận tất định thuyết trong công trình của họ, nghĩa là tin rằng mỗi lý thuyết khoa học đúng hay sai đều có nguyên nhân của nó, và nguyên nhân ấy ( để bảo đảm khách quan ! ) phải được tìm hiểu và so sánh một cách độc lập với mỗi lý thuyết ! Nghĩa là các lý thuyết khoa học không có tính khách quan nội tại, trừ lý thuyết tương đối trong tri thức luận ! Những người chủ trương thuyết này khi nói về các thuyết khoa học khác nhau hay dùng chữ “ niềm tin ” (*croynance*) thay cho chữ lý thuyết. Tiêu biểu cho trường

phái này là Barry Barnes và David Bloor, và theo S&B có Bruno Latour ở Pháp. Thật ra, như đã có dịp trình bày, lập trường của Latour mềm dẻo hơn.

Dù sao không thể phủ nhận một khía cạnh tương đối nào đó trong các lý thuyết khoa học, ít nhất là trong hình thức biểu diễn. Đã có những lý thuyết rất khác nhau trong hình thức biểu diễn nhưng đều hữu hiệu trong thực nghiệm. Tuyệt diệu hơn nữa là về sau người ta chứng minh được rằng chúng hoàn toàn tương đương, một thí dụ không phải duy nhất là sự tương đương giữa ma trận của Heisenberg và phương trình sóng của Shroedinger trong cơ học lượng tử. Nhằm lẫn trong phương pháp của thuyết tương đối trong tri thức luận là không phân biệt hiện tượng khách quan và sự hiểu biết của con người về chúng. Sự hiểu biết thường không hoàn hảo và được diễn tả bằng ngôn từ, ngôn từ khoa học cũng là công cụ có tính lịch sử, tương đối. Còn thế giới khách quan, với niềm tin khoa học thì chỉ có một. Đây là niềm tin, vì không ai chứng minh được, nhưng là niềm tin tối thiểu nếu không có nó thì miễn bàn về khoa học nếu không muốn tự mâu thuẫn.

### 3. Khoa học tự nhiên và khoa học xã hội

Vấn đề trở nên vô cùng phức tạp trong khoa học xã hội. Có những quy luật tự nhiên khách quan không trong xã hội con người ? hay toàn bộ xã hội là do ý chí con người tạo ra ? Có lẽ đa số chúng ta chấp nhận được có cả hai yếu tố tự nhiên và ý chí. Nhưng nhận như vậy là đã bước qua ngưỡng cửa của một mê trận triết học đã đặt ra từ muôn đời, giữa tất yếu và tự do. Trong mê trận ấy, theo thiên ý thì những công cụ phương pháp luận của khoa học chính xác không đủ để dùng làm la bàn, còn biện chứng pháp, công cụ triết học phong phú, thì đã chứng tỏ hoàn toàn bất lực trong khoa học tự nhiên. Có thể có một sáng tạo phương pháp luận mới trong khoa học xã hội không ? mao muội đặt câu hỏi rồi xin kính nhi viễn chi mà khép lại ở đây.

Chỉ xin tóm tắt hầu bạn đọc vài điểm đáng chú ý mà cuộc tranh luận chung quanh S&B gợi ra :

– Thứ nhất, ai cũng công nhận là KHXH phức tạp hơn KHTN rất nhiều, từ đó có mâu thuẫn sau : trước một vấn đề càng phức tạp thì vừa càng nên cẩn trọng để bước những bước vững chắc, vừa càng nên táo bạo để có thể có những gợi ý, sáng tạo độc đáo rồi hoàn chỉnh sau. Nếu cùng nhau sống trong mâu thuẫn đó thì sự tin tưởng lẫn nhau về thiện ý là điều rất cần thiết, vì bọm tri thức trong hoàn cảnh đó có hơi dễ, như Sokal đã chứng minh.

– Nhưng, như S&B đòi hỏi, yêu cầu KHXH phải đạt đến sự trong sáng và tính nhất quán trong logic như trong KHTN thì quả là không thực tế, nhất là yêu cầu phải có tính thực nghiệm nữa. Nhất quán theo logic hình thức làm sao có được trong xã hội ? Và ai vừa thấy Hegel để hiểu vừa thấy Bourbaki trong sáng xin giơ tay ! Còn sự thực nghiệm trong xã hội, vừa nghe nói đã đủ ghê rợn rồi.

– Cuối cùng, cuộc đối thoại giữa hai loại văn hoá (nhân văn và khoa học) quả thực cần thiết và cấp bách, nhưng một trong những điều kiện tối thiểu của đối thoại là tôn trọng ý nghĩa trong ngôn từ của người khác. Trong tinh thần đó, mặc dù đáng tiếc là đã gây ra một cuộc cãi lộn thấp giá trong học thuật, việc làm của S&B vẫn phải được đánh giá cao hơn những sự kiện bọm tri thức mà hai ông tổ cáo.

Hàn Thủy

đọc sách của Ngô Đức Thọ

## Một viên đá tảng cho môn tị húy học Việt Nam

Nguyễn Trọng Nghĩa

Giới thiệu quyển *Nghiên cứu chữ húy Việt Nam qua các thời đại* của Ngô Đức Thọ, Phan Văn Các cũng như Hà Văn Tấn đã không tiếc lời ca ngợi phương pháp và công phu mà nhờ đó tác giả đã đạt được những thành tựu khởi sắc. Thế nên, thay vì lặp lại những lời bình luận xác đáng của hai chuyên gia Hán Nôm này, tôi xin trích lại một số đoạn chính trong *Lời tựa* của họ trước khi góp thêm vài ý kiến nhỏ của một người “ngoại đạo”.

**Phan Văn Các**, Viện trưởng Viện Hán Nôm :

« (...) Lần đầu tiên ở nước ta có một cuốn chuyên khảo cung cấp một cái nhìn vừa bao quát toàn diện vừa chi tiết cụ thể về lãnh vực chuyên môn này.

« (...) Để thực hiện việc khảo sát chữ húy trên văn bản Hán Nôm, tác giả đã tự xác định cho mình một phương pháp và một quy trình thao tác sáng rõ : trước hết, soát lại sử tịch, theo dõi sát sao các chính lệnh kiêng húy do các triều đại ban bố, sau đó điều tra sưu tập các cứ liệu trên các văn bản thư tịch, bi ký Hán Nôm, lập danh sách đầy đủ các chữ húy, xác định mỗi chữ ấy là húy của ai, ở thời nào, trên cơ sở đó, phân loại và so sánh, làm rõ nội dung và đặc điểm chữ húy từng triều đại và cuối cùng tổng kết, khái quát thành bảng chữ húy các triều đại Việt Nam.

« (...) tác giả đã phải xử lý một khối lượng tư liệu đồ sộ : đọc kỹ — nhiều khi phải soi kính lúp từng chữ — hàng trăm thư tịch và hàng ngàn bi văn (chỉ riêng số thác bản văn bia có chữ húy mà tác giả khai thác được cứ liệu đã đến ngót ba trăm tấm), không kể đến các sách báo tham khảo.

« (...) Các quy tắc kiêng âm, kiêng chữ đã được miêu tả tỉ mỉ với đầy đủ lệ chứng. Tác giả đã phân biệt 11 cách viết kiêng húy trong các văn bản Hán Nôm (...). Các vấn đề thay đổi địa danh, nhân danh ở những trường hợp hữu quan trong lịch sử đã được khảo sát như những hệ quả trực tiếp của việc kiêng húy.

« Và kết quả lớn nhất là sự xác lập Bảng chữ húy các triều đại Việt Nam với tổng số 528 chữ.

« Từ lâu, mọi người đã biết vai trò của chữ húy như một thứ “ chìa khoá ” quan trọng trong việc xác định niên đại các văn bản Hán Nôm, thì chuyên khảo này của Ngô Đức Thọ có thể coi là một bộ chìa khoá tương đối hoàn chỉnh và đáng tin cậy.

« (...) Đóng góp khoa học của tác giả thật là to lớn và quý giá. Cuốn sách là viên gạch đặt nền cho khoa văn bản học

Hán Nôm đang hình thành và mở đường cho tị húy học Việt Nam tương lai. »

**Hà Văn Tấn**, Viện trưởng Viện Khảo cổ học Việt Nam :

« (...) Tôi vô cùng vui mừng khi Ngô Đức Thọ mang đến bản thảo quyển sách của anh viết về chữ húy trên các văn bản Hán Nôm.

Đến bây giờ mới thấy đây !

« Tôi đã đọc một mạch hết bản thảo quyển sách. Quyển sách quả đã có một sức hấp dẫn lớn đối với tôi. Tôi cũng có nghiên cứu chút ít về chữ húy, nhưng đọc quyển sách của Ngô Đức Thọ, tôi thấy đầu óc mở mang ra rất nhiều.

« (...) Theo Ngô Đức Thọ thì kỹ húy mới xuất hiện từ thời Trần. Từ Lý về trước chưa có lệ kiêng húy. Trong tình hình tư liệu hiện nay, luận điểm này là tin cậy được. Về tên húy đời Lê, tác giả có phát hiện quan trọng là lệ kiêng húy đã bãi bỏ từ thời Lê Thánh Tông chứ không phải đợi đến đời Lê Chiêu Tông như nhiều người lầm tưởng. Tác giả cũng đã chứng minh được rằng ở đời Mạc, ngoài việc kiêng âm, không định lệ viết kiêng húy. Tác giả cũng cho biết rằng chữ viết kiêng húy trên các văn bản thời Lê trung hưng là có tính tự nguyện, không bắt buộc. Nhưng để chứng minh được điều tưởng chừng như đơn giản đó, tác giả đã phải bỏ công sức đọc 63 bộ sách in và hàng trăm bài văn bia. Qua đó, tác giả muốn xác định văn bản có húy và văn bản không có húy hay văn bản húy không triệt để. Thật là một kỳ công !

« (...) Tác giả cũng nêu lên rằng các văn bản dưới thời Tây Sơn không viết kiêng húy.

« Ngô Đức Thọ đã dành một chương dài cho việc khảo sát tên húy thời các chúa Nguyễn và các vua Nguyễn. Đây là thời gần chúng ta hơn nhưng việc tìm hiểu về tên húy thời kỳ này cũng chẳng dễ dàng gì. Tác giả đã khảo sát khá chi tiết tên húy thời kỳ này và có nhiều phát hiện khá thú vị. Ví dụ như tác giả đã trình bày một cách có lý rằng Ngãi vương có tên là Nguyễn Phúc Thái chứ không phải là Nguyễn Phúc Trấn như nhiều người đã nghĩ. (...). Tác giả cũng đã chỉ ra sự kiêng húy phức tạp dưới triều Nguyễn, nhất là thời Thiệu Trị.

« (...) Qua quyển sách, người đọc có thể thấy Ngô Đức Thọ không những đã bỏ nhiều công sức để hệ thống hoá một khối lượng tài liệu đồ sộ về chữ húy Việt Nam trong suốt dặm dài lịch sử mà còn có nhiều đóng góp sáng tạo, làm cho tri thức về chữ húy Việt Nam tăng lên rõ rệt. Có thể nói, công trình này đã đặt nền móng cho môn tị húy học Việt Nam ».

Sau đây tôi xin nói điều.

Trước hết, cần phải trả lời một cách tương đối chính xác câu hỏi : “ húy là gì ? ”. Đường như dưới đời nhà Chu (1066-776 TCn), “ húy ” là tên đặt cho người chết, còn “ danh ” là tên người sống, nếu ta dựa vào câu sau đây trích từ *Tả truyện* : “ Chu nhân dĩ húy sự thần ; danh, chung tương húy chi ” (Người đời Chu thờ người quá cố bằng tên húy, còn tên gọi lúc sinh thời, khi chết giấu đi). Tục thờ người chết bằng tên húy và giấu tên riêng dùng lúc sinh thời (danh) sau khi chết, rõ ràng khác với tục kiêng tên về sau, có thể hình thành từ thời Xuân Thu (551-479 TCn) hay Chiến Quốc (476-255

Tcn) trở đi. Bằng chứng là câu sau đây của Mạnh Tử (372?-288?): “ *Húy danh bất húy tính ; tính sở đồng dã, danh sở độc dã* ” (Chỉ kiêng tên không kiêng họ ; họ thì nhiều người giống nhau, còn tên thì riêng của từng người). Qua hai câu trên, ta thấy vào thời Xuân Thu, Chiến quốc, húy đã có các nghĩa “ tên đặt cho người chết ” và “ giấu, tránh, kiêng, kỵ ”. Thành ngữ “ húy danh ”, từ nghĩa “ kiêng tránh tên riêng ” đã chuyển sang có thêm nghĩa “ tên riêng ” trước đây ở Việt Nam gọi là tên húy. Tục kiêng tên riêng có lẽ đã được du nhập vào Việt Nam trong thời Bắc thuộc và tồn tại cho đến hiện nay ở một số làng ở đồng bằng sông Hồng : tránh gọi tên riêng và dùng tên con đầu lòng làm tên cha mẹ của nó. Chẳng hạn một người tên là Thêm, nếu con đầu lòng đặt tên là Bảo thì từ đó người làng sẽ gọi vợ chồng ông ta là Bảo. Sau khi ông ta qua đời, thì lại dùng tên riêng tức là tên húy để khấn vái. Do đó có sự lẫn lộn thường gặp : tên húy (hay húy danh) vừa chỉ tên riêng người sống (thay bằng tên con, nếu đã có con) vừa chỉ tên riêng của người chết. Còn “ húy ” theo nghĩa “ tên đặt cho người chết ” thì được gọi là “ thụy ”.

Tục kiêng chữ húy chỉ là một hệ quả của một tập tục rộng hơn : kiêng tên riêng để bày tỏ sự kính trọng, tên riêng được xem là thiêng liêng. Từ nhận xét này, tôi nghĩ cần bàn cãi thêm về quan niệm của Ngô Đức Thọ cho rằng ở Triều Tiên, Nhật Bản hay Liêu, Kim, Mông Cổ không có lệ kiêng húy vì ngôn ngữ của họ đa âm tiết. Nếu đúng thế thì tại sao ở Trung quốc phải đợi đến đời Chu hoặc thời Xuân Thu, Chiến Quốc mới có tục kiêng tên riêng của người chết hay người sống, và cho đến đời Tần Thủy Hoàng lệ kiêng húy mới được chính thức quy định : cấm dân chúng dùng chữ *chính* (tên Tần Thủy Hoàng) thay bằng chữ *doan*, và chữ *sở* (tên cha TTH) thay bằng chữ *kinh*.

Ở Việt Nam, lệ kiêng chữ húy được chính thức quy định vào năm 1232 đời Trần Thái Tông. Theo *Đại Việt sử ký toàn thư*, “ *vì nguyên tổ* (tức ông nội Trần Thái Tông) *tên húy là Lý mới đổi triều Lý làm triều Nguyễn, vả lại cũng để dứt bỏ lòng mong nhớ của dân chúng đối với nhà Lý* ”. Rõ ràng đây chủ yếu là một biện pháp phản ánh chính sách diệt Lý triệt để của Trần Thủ Độ. Nó cũng tương tự như lệnh của vua Lê Thái Tông vào năm 1435 bắt những người có họ Trần phải đổi ra họ Trình, lấy cố kiêng chữ húy của Cung Từ quốc thái mẫu (vợ Lê Lợi).

Năm 1399, Trần Anh Tông xuống chiếu cấm dùng các chữ “ liểu ” và “ nguyệt ” tên của cha mẹ Trần Hưng Đạo và là ông bà tổ ngoại của Trần Anh Tông. *Đại Việt sử ký toàn thư* bình luận : “ *Nhà Trần kiêng húy họ ngoại bắt đầu từ đây* ”. Nhưng như ta biết, theo chính sử, Trần Thủ Độ đã bắt Trần Cảnh lấy chị dâu đã có thai với anh ruột là Trần Liễu. Như vậy Trần Anh Tông vừa là chất nội vừa là chất ngoại của Trần Liễu. Thủ đoạn chính trị độc đoán của Trần Thủ Độ đã gây ra những hậu quả bất ngờ về hôn nhân trong hoàng tộc nhà Trần : Trần Hưng Đạo đã lấy cô ruột (trưởng công chúa Thiên Thành), Trần Thánh Tông lấy em ruột là Trần Thị Hâm (con Trần Liễu), Trần Nhân Tông lấy chị thục bá là Trần Thị Phong (Con Trần Hưng Đạo)... Cho nên nói rằng dưới đời Trần có lệ kiêng húy họ ngoại chưa hẳn đã chính xác cho lắm.

Sau cùng cũng xin bày tỏ một thắc mắc sau đây. Ở trang 47, tác giả viết : “ *chữ Phong là tên húy của Thuận Từ hoàng thái hậu Diêu (?-1230), tức Khâm Từ Bảo Thánh hoàng thái hậu, con gái trưởng của Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn, hoàng hậu của vua Trần Nhân Tông* ”. Thật là kỳ lạ ! Làm sao con gái trưởng của Trần Hưng Đạo (1226-1300) và là vợ của Trần Nhân Tông (1258-1308) (bị ghi lầm trong “ lược đồ kiêng húy họ ngoại đầu đời Trần ” là Lê Thị Phong thay vì Trần Thị Phong) lại có thể cũng là Thuận Từ hoàng thái hậu (chết năm 1230 !), vợ của Trần Thừa là ông tổ của Trần Nhân Tông. Tôi tưởng là đánh lầm, nhưng trong bản tiếng Pháp (khá công phu của Emmanuel Poisson) cũng dịch đúng như nguyên văn : “ *Phong est le nom taboué de Thuận Từ hoàng thái hậu Diêu (?-1230), alias Khâm Từ Bảo Khánh hoàng thái hậu, fille aînée de Trần Quốc Tuấn (...), épouse de Trần Nhân Tông* ” (tr. 237). Thật đúng là “ sinh con rồi mới sinh cha...”

Sau những câu góp ý vụn vặt trên, tôi xin chia sẻ với nhà sử học Hà Văn Tấn tình cảm “ vô cùng phấn khởi và hào hứng ” khi đọc sách của Ngô Đức Thọ.

Nguyễn Trọng Nghĩa

Ngô Đức Thọ, *Nghiên cứu chữ húy Việt Nam qua các triều đại, Les caracrères interdits au Vietnam à travers l'Histoire*, traduit et annoté par Emmanuel Poisson, Nhà xuất bản Văn hoá, 1997. Publication du Centre de l'École Française d'Extrême-Orient au Vietnam.

### *tin buồn*

Chúng tôi được tin :

**anh Đỗ Hoàng**

đã từ trần tháng 10.97 tại California (Hoa Kỳ) sau một cơn trọng bệnh, thọ 65 tuổi.

Xin gửi tới chị France, Eric Do và gia quyến lời phân ưu muộn màng của *Diễn Đàn*.

giáo sư **Nguyễn Quang Quyền**

chủ nhiệm khoa giải phẫu Trường đại học y khoa TPHCM, đã từ trần ngày 13.11.97 trong một tai nạn giao thông.

Xin thành thực chia buồn cùng hai anh Nguyễn Quang Riệu, Nguyễn Quý Đạo và toàn thể gia đình.

### *Cùng bạn đọc*

Do sơ xuất, trong số 67 và 68, nơi trang 3, chúng tôi đã in thiếu một số 4 trong số trưng mục bưu điện của báo *Diễn Đàn* (số 69 này đã sửa lại). Xin nhắc lại đầy đủ : 30041 00001 0441614W020 76 để bạn đọc ở các nước thuộc Liên hiệp Âu Châu có thể chuyển khoản thẳng.

Xin cáo lỗi cùng bạn đọc và thành thực cảm ơn những bạn đã phát hiện ra sai sót này.



***Huy chương bạc ở Nantes***

# **Ai xuôi vạn lý**

**Kiến Văn**

F3C, cái tên tất đã trở thành quen thuộc với giới điện ảnh : *Festival des 3 Continents* (Liên hoan 3 lục địa), tổ chức hàng năm tại thành phố Nantes (Pháp). Tất nhiên Nantes hoàn toàn không phải là Cannes : mang danh quốc tế, Cannes, cũng như Venise, thực chất là nơi tranh đua của điện ảnh các nước giàu, nghĩa là Âu Mỹ (thi thoảng có Nhật). Do đó, ngoài kích thước nghệ thuật không ai chối cãi, Cannes chủ yếu là chiến trường thương mại. Đằng sau lớp phấn son và xiêm y lộng lẫy trên *sân khấu chính* là bức tam cấp của Cung điện ảnh, và bộ ngực của mấy cô đào non lúng lẳng dưới rặng dừa (rặng cọ thì đúng hơn, nhưng xin gọi đại là dừa cho gọi tình), là những cuộc đọ kiếm chỉ tử giữa các nhà sản xuất và giới kinh doanh nghệ thuật thứ 7.

Lý do tồn tại của Nantes ở chỗ khác : nó nhằm giới thiệu nền điện ảnh của những nước nghèo. Chủ yếu là 3 châu Mỹ Latinh, Phi và Á. Chủ yếu thôi, vì Nantes dành một chỗ đứng xứng đáng cho điện ảnh của các nước phía nam Liên Xô cũ (năm nay, F3C giới thiệu 9 phim Ouzbekistan), cũng như cho những tác phẩm của các nhà điện ảnh da đen Bắc Mỹ. Điện ảnh của người nghèo, song không phải là những nền điện ảnh nghèo. Chính tại Nantes mà lần đầu, công chúng Tây Âu đã khám phá ra tài năng của những Chen Kaige (Trần Khảica), Youssef Chahine (*Ai Cập*), King Hu và Wang Kar-wai (Vương Giavê, *Hồng Kông*), Lino Brocka (*Philippin*), Hou Hsiao-Hsien (Hầu Hiếuhiền), Tsai Ming-liang (Sài Minh-lương, *Đài Loan*), Im Kwon-Taek (*Nam Hàn*)... Cho nên, cũng không có gì ngạc nhiên khi Jean-Michel Frodon (*Lc Monde*, 4.12.97) coi F3C “sau Cannes, là liên hoan điện ảnh quan trọng nhất ở Pháp”.

Năm nay, F3C lần thứ 19 (từ ngày 25.11 đến ngày 2.12.97) đã hầu như dành trọn bảng vàng cho điện ảnh Á châu : ngoại trừ giải nam diễn viên về tay G. Cramer (Argentina, trong phim *Invernio Mala Vida*), và nếu không kể Israel phi Á phi Âu (với phim *Devarim*, giải đạo diễn của thành phố Nantes), tất cả các giải thưởng (của hội đồng giám khảo cũng như giải do công chúng bình bầu) đều được trao cho các phim Hồng Kông (*Made in Hongkong* của Fruit Chan, huy chương *Khí cầu vàng*, và giải của công chúng trẻ), Việt Nam (*Ai xuôi vạn lý* của Lê Hoàng, *Khí cầu bạc*), Thái Lan (*Fan Ba Karaoke* của Pen-Ek Ratanaruang, giải đặc biệt), Ấn Độ (*Swara Mendel / Điệu vũ của gió* của Rajan Khosa, giải nữ diễn viên cho K. Gidwani, và giải của công chúng cho cuốn phim).

Đây là lần đầu tiên một phim truyện Việt Nam nhận được giải lớn ở Nantes (năm ngoái, *Thương nhớ đồng quê* đã đoạt giải của công chúng ở Nantes, sau đó ở Fribourg và Vesoul, nhưng không lọt mắt xanh của ban giám khảo).

Không cần và cũng không nên so sánh *Ai xuôi vạn lý* với

các phim Việt Nam khác, song có thể nói đây là một trong mấy cuốn phim xuất sắc nhất về nội dung cũng như về hình thức. Nó không thiếu những nhược điểm của phim Việt Nam, mà nguyên nhân chính là những điều kiện kỹ thuật và vật chất hết sức khó khăn, song nó nổi bật về chất lượng nghệ thuật. Ưu điểm chính của *Ai xuôi vạn lý* là tác giả đã “nói” bằng ngôn ngữ điện ảnh, chứ không mượn diễn văn của nhân vật để chuyên chở thông điệp. Và thông điệp ở đây cũng không phải là một luận đề chính trị hay đạo lý sơ đẳng : *Ai xuôi vạn lý* là sự ca ngợi chân thật về tình người. Tình đồng đội giữa Tấn (Nguyễn Công Ninh thủ vai), một anh lính giải phóng, Thái, một bộ đội trẻ vào Sài Gòn năm 68, và Miên (do Mộc Miên diễn) một cô du kích Sài Gòn. Năm 1985, Tấn vào một nhà trẻ để tìm hài cốt của Thái để đưa di hài của đồng đội về quê. Tình đồng đội là sự thủy chung của người sống đối với người chết, cũng là tình nghĩa giữa người sống với người sống. Chính ở tình nghĩa ấy mà Tấn và anh xe ôm, người lính cộng hoà cũ, đã gặp nhau : quan hệ thị trường (người lái xe ôm và khách hàng) do một sự “tưởng bỏ” (nhằm bộ xương của Thái là món hàng béo bở : xương lính Mỹ) sớm trở thành một cuộc liên doanh hai bên cùng có lợi (hiện nay cũng đang nhan nhản), trước khi trở thành quan hệ anh em, bình đẳng vì kính trọng lẫn nhau.

Kể lại chủ đề cuốn phim bằng những danh từ trừu tượng ở trên để làm bạn đọc hiểu nhầm cuốn phim : đó là “chủ đề” mà người xem tự có thể tự rút ra chứ thực ra, câu chuyện của cuốn phim là một cuộc hành trình *vạn lý* (báo hại trong bản dịch tiếng Pháp, *Vạn lý* đã trở thành địa danh !), một cuộc tìm kiếm tưởng như vô tận. Bắt đầu là chuyến xe lửa Thống Nhất, chạy ịch từ nam ra bắc, một dịp để khán giả sống lại cái thời *ngăn sông cấm chợ* với một bức tranh xã hội sinh động, dí dỏm và tinh tế. Cuộc hành trình tiếp tục bằng đường bộ, đường sông. Một dịp hành hương bắc tiến đưa người xem từ sông nước Nam Bộ qua đèo Hải Vân, quê hương quan họ Bắc Ninh lên ghềnh thác Sông Lô, tất cả được dẫn dắt tự nhiên, hợp lý, không một chút vụng về gượng gạo của một cuốn phim quảng cáo du lịch (một xu hướng khá lộ liễu trong một số phim Việt Nam từ mấy năm nay). Được như vậy là nhờ tài năng của đạo diễn : Lê Hoàng đã xây dựng từng tình tiết, từng cảnh trong phim, từng tình huống, thái độ một cách “điện ảnh”. Cuộc sống nhếch nhác trên tàu, tại trạm thuế, cảnh nghĩa trang về đêm, cảnh buổi trưa ở nhà trẻ với sự tương phản mãnh liệt giữa đôi mắt của các em bé và cuộc đào xới tìm hài cốt, cảnh hai vợ chồng già đốt những hình nhân mỹ nữ để cho bốn con trai liệt sĩ khỏi cô đơn nơi cõi âm là những cảnh rất đạt, tất cả được biểu hiện đơn giản, tiết kiệm, nên gây được tác động tối ưu ở khán giả. Lê Hoàng đã xây dựng tài tình chi tiết một cái hộp kem, nhờ đó mà bộ xương của Thái không bao giờ phải xuất hiện trên màn ảnh mà nghiêm nhiên, từ đầu đến cuối, đã trở thành nhân vật chính của cuốn phim. Chỉ bằng cái hộp kem vô tri ấy, tác giả đã vẽ nên sự trong trắng *chết mà chưa biết mùi con gái cũng buồn* của cậu thanh niên mới lớn, và dẫn dắt đến sự gắn bó của Tấn với Thái. Và cũng nhờ hộp kem, mà người xem cảm nhận cái cá tính *trọng nghĩa khinh tài* của anh “lính ngụỵ”... Có thể kể tiếp những chi tiết khác, qua đó người ta nhận ra tài năng của Lê Hoàng.

Nhân đây cũng xin cải chính một sai lầm trong bài trước của chúng tôi : do không kiểm chứng một thông tin của ông

bạn Alain Jalladeau (đồng giám đốc *Festival de Nantes*), tôi đã viết *Ai xuôi vạn lý* (1996) là phim đầu tay của Lê Hoàng. Thật ra, đây là tác phẩm điện ảnh thứ tư của anh, sau *Vị đắng tình yêu* (1991), *Lương tâm bé bỏng* (1992), *Lưỡi dao* (1995). Anh cũng là tác giả 5 vở kịch được chú ý của sân khấu những năm qua : *Tôi chờ ông đạo diễn ; Những cuộc phiêu lưu của tâm hồn ; Câu chuyện cổ tích ; Ngụ ngôn năm 2000 ; Đi tìm những gì đã mất*. Sinh năm 1956 (cùng tuổi với Lưu Trọng Ninh, tác giả *Canh bạc, Hãy tha thứ cho em* và mới đây, *Ngã ba Đồng Lộc*), Hoàng tốt nghiệp Trường đại học xây dựng trước khi vào học Trường điện ảnh và viết kịch, làm phim, viết báo.

Ở trên đã nói : *Ai xuôi vạn lý* mang những nhược điểm thường thấy của phim Việt Nam. Khuyết điểm chói tai nhất có lẽ là phần âm nhạc. Tác giả đã dùng nhạc đề của phần *allegretto* trong bản Giao hưởng số 7 (*Symphonie pastorale*) của Beethoven và một đoạn trong *Bốn mùa* của Vivaldi. Tôi không bàn ý nhạc có phù hợp với chủ đề cuốn phim hay không, cũng không nói đến chất lượng quá kém của băng nhạc (nghe như chọc vào tai), nhưng chỉ xin lưu ý đạo diễn một điều thôi : đối với khán giả quen thuộc âm nhạc cổ điển, thì hai nhạc phẩm trên quá gần gũi với mỗi người, gọi ra cho mọi người những kỷ niệm riêng tư (đó là không kể những cảnh quảng cáo nước hoa, xì líp hay pizza... nhan nhản trên màn ảnh tivi) cho nên, xem phim mà nghe những lần điệu trên, tâm trí khán giả lập tức bị lạc hướng, nếu không nói là phì cười, hoặc khó chịu vì sự *sáo rỗng* tất nhiên không phải là chủ ý của tác giả. Tình huống này đã xảy ra khi Lưu Trọng Ninh dùng *Giao hưởng số 5* pom pom pom pòm... trong đoạn kết của *Hãy tha thứ cho em*. Nhân nói đến nhạc, cũng xin trở lại *Thương nhớ đồng quê* của Đặng Nhật Minh. Năm ngoái, một bạn đọc (ở Lyon) đã phản đối khi tôi viết nghe nhạc phim trong phòng tối mà ngượng đỏ mặt, vì anh thấy âm nhạc trong phim này rất phù hợp. Có lẽ anh và tôi ý kiến cũng không khác nhau cho lắm, nếu tôi nói lại ý kiến như thế này : *cho đến nay, âm nhạc trong phim Việt Nam (nếu không chói tai) thì chẳng mang lại gì cho cuốn phim, nó chỉ phụ họa, khi tình huống bí tráng thì nó hùng hồn nhấn thêm, khi có cảnh lâm ly, thì nó hoa lá cành mê ly thêm vài cung điệu, thế thôi, chưa bao giờ âm nhạc là một kích thích cấu thành của nghệ thuật tổng hợp là điện ảnh, trong đó hình ảnh, tiết tấu, nhịp dựng (montage), nhân vật, tình huống, âm thanh... mỗi bộ phận phải góp phần đặc biệt của nó, tạo ra một sức mạnh tổng hợp.*

Sau âm nhạc, phải nói về đoạn kết của *Ai xuôi vạn lý*. Cuốn phim mà công chúng Nantes cũng như công chúng Việt Nam (trong một vài rạp chiếu còn sống sót trên đất nước 75 triệu người của chúng ta) được xem kết thúc một cách có hậu : Tấn và ba người bạn tìm lại được chiếc bóng bóng hài cốt của đồng đội, và tiếp tục cuộc hành trình... Trả lời câu hỏi của công chúng, Lê Hoàng nói đó không phải là kết cục mà anh dự định. Anh muốn kết thúc theo đúng đòi hỏi của nghệ thuật (và theo tôi, cũng là đòi hỏi tình cảm) : chiếc bè nứa mang chiếc bóng bóng từ từ trôi theo dòng nước.

Từ ý định đến tác phẩm in trên băng nhựa, có một sức ép. Sức ép có thể đoán trước của một công chúng quá đau khổ vì chiến tranh và không thể chịu thêm một mất mát nữa ? hay đòi hỏi của một *hội đồng duyệt phim* có thể vì thiện chí (nhảy bèn đoán trước được tâm lý công chúng thường muốn Kim

Kiều tái hợp) mà áp đặt cái kết đó ? Trong trường hợp thứ nhất, chúng ta tiếc tác giả đã không cưỡng lại được tâm lý thường tình đó, để hụt hẫng phần nào một tác phẩm hay. Trong trường hợp thứ hai, tôi chỉ muốn đưa ra một đề nghị viển vông : bắt các vị thành viên của hội đồng duyệt ngồi nghe đầy đủ ý kiến của khán giả Nantes, chúng kiến sự xúc động còn hiện rõ trên khoé mắt người xem khi đèn bật sáng, để hiểu rằng, công chúng ở đâu cũng là những người trưởng thành, không cần ai nghĩ hộ.

Đề nghị viển vông, xin tạm thay bằng một chuyện thật mà người viết bài này được chứng kiến : sau buổi chiếu phim, một nữ đạo diễn người Liban cũng có phim dự thi (*Zeinab wal'I nahr / Zeinab và dòng sông*), chị Christine Dabague, đến gặp Lê Hoàng. Chị nói : “ *Tôi rất hiểu vì sao anh chấp nhận kết phim như vậy, nhưng tôi vẫn giận anh, vì lẽ ra anh phải vượt qua sức ép ấy. Để cho bộ xương trôi theo dòng nước, mới là trả lại, mãi mãi, di hài của người chiến sĩ cho sông nước, đất trời, tổ quốc Việt Nam. Tôi là người nhút nhát, ít lời, nhưng quá xúc động vì cuốn phim, nên tôi đã uống hai ly rượu đỏ cho có can đảm để đến bắt tay anh, và nói với anh điều này*”. Lê Hoàng cười, đáp lời đồng nghiệp : “ *Có lẽ tôi cũng phải uống ly rượu, như chị, khi tôi làm đoạn kết*”.

Còn lại là những khuyết nhược của điều kiện làm việc. Ngoài cảnh mặt trời lặn mà người cầm máy húng chí quay nghiêng một cách bất kể trời đất, tất cả đều do eo hẹp về tài chính và trang bị kỹ thuật. Thí dụ như những cảnh chiến đấu trong căn nhà, hay cảnh chuyển tàu từ nam ra bắc, hì hục leo đèo Hải Vân, thì Biển Đông lại trở thành Biển Tây (vẫn biết đoàn làm phim hết tiền, không đợi được thêm, song nếu vậy, sao không rửa ngược đoạn phim này ?). Cũng như trường cảnh đám đông chen chúc lên tàu, cảnh đốt hình nhân... camera chỉ được quyền quay một lần (quý phim không cho phép mua vài bộ hình nhân, hoặc thuê diễn viên phụ thêm vài buổi). Dấu sao, đúng như một nhà phê bình Pháp nhận xét : tài năng của tác giả cũng thể hiện ở chỗ là nói chung, người xem không nhận ra được những khó khăn vật chất mà anh đã phải khắc phục.

Nhận xét tinh tế này cũng là một bài học lớn : Ozu, nhà đạo diễn bậc thầy của Nhật Bản, đã làm phim trong điều kiện hết sức khó khăn của thập niên 50, các nhà điện ảnh Iran ngày nay cũng thế. Hoàn cảnh khó khăn nhiều khi chỉ là cái cớ để những nghệ sĩ xoàng làm ăn tắc trách.

Song, cái gì cũng có mức tối thiểu. Trong điện ảnh, điều đó lại càng đúng. *Ai xuôi vạn lý* được thực hiện với một ngân sách 70 000 USD (có lẽ chưa bằng giá của một ngày quay ở Âu Mỹ). Năm 1996, Việt Nam làm được 10 phim. Cũng năm 1996, ngành phát hành phim thu được hơn 50 tỉ đồng (khoảng 5 triệu USD). Nếu chia đôi, một nửa bồi dưỡng sân khấu, một nửa nuôi điện ảnh (hai nạn nhân chính của video) thì thừa sức làm 10 cuốn phim với ngân sách khoảng 200 000 – 250 000 đô, tạm đủ để làm phim đàng hoàng.

Với điều kiện là người ta không bỏ phần lớn vào những phim *hoành tráng cúng cụ*, và với điều kiện số tiền ấy không lạc lõng trên con đường vạn lý của điện ảnh Việt Nam.

Kiến Văn

## phỏng vấn **Nguyễn Thị Minh Ngọc**

*Nguyễn Thị Minh Ngọc là nhà văn, tác gia, đạo diễn và diễn viên kịch. Bạn đọc Diễn Đàn đã làm quen với ngòi bút của chị qua vở Bên ngoài sự thật (số 67) và hai truyện ngắn. Nhân dịp sang Pháp theo lời mời của trung tâm Wallonie, nhà văn đã nhận trả lời phỏng vấn của Diễn Đàn :*

**Diễn Đàn (ĐĐ) – Xin chị cho biết chị đã đến với sáng tác nghệ thuật từ lúc nào và bằng cách nào ?**

**Nguyễn Thị Minh Ngọc (NTMN) –** Gia đình tôi là một gia đình du mục. Hoàn cảnh khiến chúng tôi phải dời đi hết tỉnh này tới tỉnh khác từ vĩ tuyến 17 trở xuống, trước 1975. Tôi được chứng kiến nhiều mẫu đời lạ, những thoáng vui ngắn ngủi, những oan khiên ngậm đắng suốt đời và tôi cảm thấy nhẹ lòng khi được nói ra. Nói bằng cách nào, đó là điều tôi vẫn đang tìm.

Với tôi, điểm khởi đầu không quan trọng bằng trên dọc đường đi, mình được những chia sẻ nào đó, từ những tri âm nào đó. Ví dụ, cách đây khoảng ba mươi năm, đi ngang qua rừng lá, tình cờ tôi được một anh lính thuộc Quân lực Việt Nam Cộng hoà nhận ra là con nhỏ Ngọc Minh đã viết bài *Mẹ như chiếc gong đời sống*, phác vài nét về những ngày ở tù với tội danh Việt Minh của mẹ tôi. Anh đã nói : “ *Cô đừng chối. Tôi đã khóc khi đọc bài đó vì cuộc đời mẹ tôi giống hệt đời mẹ cô* ”.

Tôi mong anh lính ấy ngày nay vẫn còn sống và đọc những dòng này để biết rằng những lời nói như vậy đã làm điểm tựa lớn cho tôi trong cuộc hành trình “ một mình, bước tới ”.

**ĐĐ – Những khó khăn (hay những thuận lợi) chị đã gặp được khi tiếp tục viết văn sau 1975 ?**

**NTMN –** Sau 1975, những khó khăn, nếu có, cũng chính là những thuận lợi, bởi chúng đã giúp tôi tỉnh táo hơn để sống và làm việc. Tôi tự ngưng viết một thời gian, được rong chơi như một đứa nhỏ chơi trò “ nhà chòi ”, đi bán cà-phê, thuốc lá vỉa hè, ngược xuôi đường Huế-Sài Gòn áp tải vải cho o tôi... Những chốn đó tôi được quen nhiều bạn tốt nhưng hầu như họ biến mất sạch, sau này. Tôi được dự khoá học đặc biệt dành cho văn nghệ sĩ Sài Gòn (đợt 2). Ở đó tôi học được giữa cuộc đời và sân khấu không khác nhau bao nhiêu (Có lẽ nhờ vậy, khi quyết định đi học lại tôi thi vào các trường đại học đều rớt, chỉ đậu vào mỗi một trường Nghệ Thuật Sân Khấu).

Trong một buổi nói chuyện, ông Tô Hoài có cho văn nghệ sĩ cũ biết ông phải mất ba năm ròng mới viết lại được sau khi có ý thức về cách mạng. Lúc nghe vậy, tôi cứ nghĩ làm gì mà lâu dữ vậy. Chẳng dè đến lượt tôi, khoảng 1981 tôi mới gỏi đăng được một truyện ngắn, với sự động-viên-nhiệt-tình-không-từ-chối-được của chị Kim Hạnh là Tổng biên tập của tờ *Tuổi Trẻ* lúc bấy giờ.

Dĩ nhiên, không kể đến khá nhiều vở kịch ngắn tôi đã viết và dựng trong thời gian học đạo diễn và khi chưa kiếm được việc làm.

Tôi đã được sống và làm việc với nhiều đơn vị trường học, nhà máy, trại lính, trại tù, Thanh niên xung phong, công nông trường, v.v... ở miền Nam.

Đã có lúc tôi chuẩn bị xong mọi thủ tục để học tiếp đạo diễn ở Ba Lan nhưng giờ chót được thay bằng người khác (và người này cho tới giờ này vẫn chưa có dấu hiệu sẽ về nước làm việc).

Đã có lúc tôi được đề nghị viết đơn xin tự nghỉ dạy vì tự thấy “ không hợp ” với công tác đào tạo nữa và thích *chỗ làm mới* (?) hơn.

Đã có lúc *chỗ làm mới* đó của tôi là nghề bán vé số dạo...

Tôi nhắc lại những điều này để cảm ơn những khó-khăn-đầy-thuận-lợi như thế và để cảm ơn cả những nhân vật ngay bây giờ vẫn chưa thấy mặt mỗi trong trò chơi tạo “ thuận lợi một cách khó khăn ” cho tôi, cho chúng tôi !

**ĐĐ – Làm một nhà văn nữ trong xã hội Việt Nam, có những khó khăn hay dễ dàng hơn, so với một nhà văn nam ?**

**NTMN –** Mỗi nhà văn nữ trong xã hội Việt Nam là mỗi trường hợp khác nhau mà tôi không thể đại diện tất cả để trả lời câu hỏi này.

Trường hợp tôi càng khó giống ai vì ngoài việc viết lách tôi còn là một đạo diễn, một diễn viên, một người dạy học.

Tôi chỉ cố gắng sống cho trọn chữ NGƯỜI khi sáng tạo nghệ thuật đã là một chuyện quá đối khó khăn. Tôi chẳng muốn nhớ thêm chữ NỮ. Và tôi cố gắng để không bị thọ ơn lẫn kể ơn không cần thiết của những người luôn muốn rêu rao, nhắc nhở cho khắp nơi biết rằng chúng tôi là những phụ nữ biết làm sân khấu, biết viết văn.

**ĐĐ – Giữa ba công việc : viết kịch bản, đào tạo diễn viên và đạo diễn, chị thấy thích hợp và không thích hợp với công việc nào nhất ?**

**NTMN –** Toàn bộ những công việc đó, với tôi, như một cách phóng mình ra để tìm những tri âm bất chợt, có thể khác không gian và cả thời gian với mình.

Dĩ nhiên, có được những khoảnh khắc hội ngộ bởi “ cùng diện ” của ai đó khi mình đang còn sống vẫn thích hơn.

Tôi thường nói với những học viên của mình, rằng khi lao vào những nghề này, rất dễ lọt vào trạng thái “ bịp bợm ”. Bởi chúng tôi như một loại cây ít được cơ hội hút thêm nguồn nhựa mà cứ bị buộc phải vét cạn nguồn nhựa dự trữ để phân phối toả lan ra...

**ĐĐ – Với một xã hội xã hội chủ nghĩa theo định hướng kinh tế thị trường, với những nhà lãnh đạo nghĩ rằng nhà nước chỉ có vai trò lãnh đạo chính trị thật chặt chẽ, người làm công tác văn hoá phải làm cách nào để tồn tại về mặt kinh tế cũng như về mặt sáng tác ?**

**NTMN –** Đây là một thách thức lớn cho chúng tôi : phải có tiền để tái sản xuất, phải đạt nghệ thuật và nói được điều mình cần bày tỏ vì nếu không thì làm để làm gì, và cuối cùng, tác phẩm phải được ra đời một cách công khai, hợp pháp trong một môi trường có nhiều luật “ siêu luật ”, phải thoả lòng những Hội đồng nghệ thuật lẫn “ Siêu hội đồng ” để được ký giấy phép...

Đã có người ví von nghề nghiệp này giống người làm xiếc đi trên dây. Nếu thế thì người làm công tác văn hoá lúc này như người phải tung tăng trên ba sợi dây đan chéo nhau cùng lúc và không hề có lưới an toàn. Người làm xiếc cần một cái đầu lạnh, còn người nghệ sĩ thì lại không được để người trái tim và phải luôn nhớ “ người đã bị gãy cổ thì khó còn có khả năng nói được ”.

Thách thức này để đẩy chúng tôi tới tình trạng rối loạn thần kinh. Tuy nhiên được điên cũng còn thú vị, chỉ sợ bị ngu đi (hèn cũng là một kiểu ngu). Mà ngu thì chẳng còn một chút gì thú vị.

Có người nói tôi gặp nhiều khó khăn vì không phải đảng viên. Tôi không tin điều này. Có khối người đảng viên làm văn hoá gặp khó khăn và cũng có khối người làm văn hoá không phải đảng viên vẫn xênh xang trong khoảng trời riêng của họ. Vấn đề tùy thuộc tâm cảnh và khí chất mỗi người.

Tôi nghĩ trò chơi nào cũng có luật của nó. Chấp nhận chơi thì không nên tốn thì giờ để rên la, chỉ trích. Bởi ngay cả với những cuộc chơi không có luật, anh cũng có một quyền tự do tối thiểu là từ chối tham gia (chết cũng là một cách từ chối).

Với tôi, giờ sống và học không còn nhiều, cố gắng xếp thì giờ hợp lý hơn để sống và làm việc, tập từ chối bớt những công việc mà nếu mình không làm vẫn có khối người làm (Riêng nghề diễn viên, đó là nơi để tôi tự chữa triệu chứng stress có được từ những nghề khác).

**ĐD – Sau cùng, cái gì đã làm cho chị tiếp tục bám với nghề ?**

**NTMN** – Như đã nói, điểm tựa lớn cho tôi là những tri âm phù du bất chợt (có khi là những người đã chết, những độc giả, khán giả không cho biết cả tên). Gần đây, khi cùng bạn bè gắng gỏi nhen nhúm (một cách tuyệt vọng) một chút cải lương cho Sài Gòn, ngoài việc viết, dựng, đóng vai... chúng tôi còn phải đi gặp những cán bộ quản lý văn hoá thuyết phục họ bỏ một lệnh cấm không văn bản (trong đó có những người chưa hề coi qua) một tác phẩm sân khấu đã được một địa phương cho làm băng video phát hành toàn quốc), hay cùng đi bán từng cái vé ở những nơi có thể bán được, tôi thường liên tưởng đến đã tràng và Tú Xương với những câu thơ :

*Van nợ lấm khi tràn nước mắt  
Chạy ăn từng bữa toát mồ hôi...*

và cả Bùi Giáng với :

*Cứ ngỡ Đầy đường thương Xó chợ,  
Nào ngờ Xó chợ lại chơi nhau...*

Gần đây hưởng ứng phong trào viết về Sài Gòn 300 năm, chuẩn bị hai vở (kịch) *Nguyễn An Ninh, người lãng mạn đầu thế kỷ và vở (cải lương) Vầng trăng ai xẻ, gặp được thoáng chút người xưa, đôi khi tôi cảm giác lạnh lùng và biết sợ, nhưng đồng thời, ngay sau đó là một nguồn động viên lớn với cảm giác được cùng đi.*

Và thường thì, không chỉ xuân về mối gọi tôi nhớ đến những câu chúc tết của Tú Xương : *Chúc cho tất cả trên đời, vua, quan, sĩ thú, người trong nước, sao được cho ra cái giống NGƯỜI.*

(Paris, 26.10.1997)

# sổ tay hội hoạ

Văn Ngọc

## Cadavre exquis,

*triển lãm tranh*

do Maison des Arts Europe-Asie  
và Weather Report Foundation tổ chức  
từ 6/12/97 đến 3/1/98 tại MAEA.

Có người hỏi tôi đây là trò chơi giải trí hay là nghệ thuật ? Thú thật, tôi cũng chẳng biết trả lời ra sao. Có thể là cả hai.

Trò chơi đôi khi cũng là nghệ thuật, và ngược lại, nghệ thuật vẫn có chức năng giải trí đối với cả người làm nghệ thuật lẫn người thưởng thức. Không có gì là mâu thuẫn cả. Cái chính vẫn là ở nơi người nhìn nó với con mắt nào, quan niệm nào, mà thôi. Người ta thường nói nghệ thuật *chủ quan*, là thế. Cái đẹp hay cái xấu là tự nơi người nhìn, kể từ người sáng tạo trở đi cho đến người thưởng thức, cả hai đều có vai trò chủ động. Cũng may mà còn như vậy, bởi nếu không thì nghệ thuật đã là một sự áp đặt buồn tẻ giữa những con người thiếu ý thức tự do !

Trò chơi nghệ thuật mang tên *Cadavre exquis* (*Xác chết tuyệt hảo*) thực ra không có gì là mới mẻ. Có điều từ trước tới nay ít ai có dịp nói đến, hoặc nhắc đến, cho nên đối với một số người nó là một sự lạ. Trên thực tế, đó là một sáng kiến do nhóm văn nghệ sĩ siêu thực, mà người cầm đầu là André Breton, đưa ra vào những năm 25-27, với mục đích rất nghiêm túc là minh hoạ cho lý thuyết về ngôn ngữ tự động của họ (*écriture automatique*). Tuy những ý tưởng về ngôn ngữ máy móc sau đó đã sớm bị dẹp bỏ, song, đối với họ, sự tình cờ, lính hải hước và nhất là sự tự do trong sáng tạo nghệ thuật vẫn là những nhân tố tích cực.

Điều quan trọng nhất mà người ta ghi nhận ở nhóm siêu thực là cái phản ứng mạnh mẽ, sự nổi dậy của họ đối với trật tự xã hội và những nền nếp cũ trong văn chương nghệ thuật đương thời.

Bây giờ có lẽ không còn mấy ai chơi cái trò chơi lấp những từ rời rạc, được chọn lựa một cách tình cờ, để làm thành những câu văn vô nghĩa (mặc dầu có cấu trúc hẳn hoi), hoặc có hơi hướng siêu thực, đại loại như : *Le cadavre exquis boira le vin nouveau.*

Nhưng chơi trò chơi này bằng ngôn ngữ hình hoạ có hơi khác hơn (và cũng khó hơn, bởi ít ra cũng phải biết vẽ mới chơi được !). Dầu sao, đối với con mắt người xem, nó cũng hấp dẫn hơn. Điều quan trọng ở đây không phải là trò chơi đã lỗi thời hay chưa, mà là những người tham dự có thể hiện được

đề tài con người trong xã hội họ đang sống bằng một ngôn ngữ hiện đại hay không ?

Trò chơi đặt ra cho người vẽ là làm sao, trên một tờ giấy trắng gấp làm bốn, từ trên xuống (những nếp gấp nằm ngang, song song), bốn họa sĩ khác nhau, mỗi người lần lượt vẽ lên phần tư tờ giấy, một cái gì đó liên quan đến chủ đề (ở đây là con người — không chỉ là thân xác, mà là con người xã hội — điều này cũng nằm trong quan niệm của nhóm siêu thực), và không được nhìn cái mà người khác đã vẽ. Người vẽ trước chỉ để lòi xuống bên dưới đôi ba nét ở mép ngoài cùng để người đi sau vẽ tiếp vào đó, vẽ xong che đi cái mình đã vẽ.

Người ta gọi đó là những sáng tác “tập thể”, tuy rằng chúng không tập thể chút nào, vì cả mấy họa sĩ vẽ nên bức tranh đều không được bàn bạc với nhau trước, và không ai nhìn thấy người khác vẽ thế nào trước mình. Chính điều này làm cho ngay cả tính chất cá nhân của mỗi phần cũng bị biến mất đi như bằng một sự phù phép, và đây cũng là một khía cạnh thú vị đáng chú ý của trò chơi (Khái niệm tranh “tập thể” được Max Ernst nêu lên lần đầu tiên vào năm 1920 khi ông sử dụng những tấm hình do người khác chụp để cắt dán trên tranh của ông).

Có lẽ cũng không ai đi tìm một ý nghĩa sâu xa nào, nếu có, tiềm ẩn trong những bức tranh “tập thể”, đầu Ngô mình Sở này. Ngược lại, người ta ghi nhận những khía cạnh ngộ nghĩnh, bất ngờ và giá trị thẩm mỹ đôi khi cũng bất ngờ của chúng.

Vì sao lại có được những khía cạnh ngộ nghĩnh, bất ngờ đó ? Điều này cũng dễ hiểu : mỗi họa sĩ thể hiện chủ đề thông qua bản năng tự nhiên, hoặc thông qua ý thức của mình về đề tài, đồng thời cũng thông qua quan niệm nghệ thuật và phong cách vẽ riêng biệt của mình.

Mỗi hình vẽ tách riêng ra của cá nhân mỗi họa sĩ đều có ý nghĩa cụ thể, lô gích, và được tùy ý vẽ theo đủ mọi phong cách : biểu hiện, tượng trưng, lập thể, siêu thực, v.v... Nhưng khi những mảnh hiện thực rời rạc đó nằm bên nhau, giữa chúng lại không có một mối quan hệ “hữu cơ” nào, toàn bộ tổng thể lại không theo một bố cục, một trình tự lô gích nào, thì kết quả tất nhiên chỉ có thể là rất siêu thực, bất ngờ, và đôi khi ngộ nghĩnh.

Còn giá trị thẩm mỹ của những tác phẩm này, nếu có, cũng là nhờ ở tính năng động (*dynamisme*) không cố ý của chúng, do không có bố cục chung quá gò bó, hoặc quá lô gích, và nhất là do giàu nhịp điệu. Ở đây, khái niệm “hoàn chỉnh” cũng không có nữa. Bức tranh tập thể vẽ đến người cuối cùng là chấm hết, một cách tự nhiên. Thậm chí người ta có thể vẽ ngược từ dưới lên trên cũng được, nếu muốn.

Tuy nhiên khi chúng ta nói những tác phẩm này không có bố cục chung, thì thực ra chúng vẫn hơi có một chút xíu bố cục : mỗi bức tranh, trên nguyên tắc, đều được vẽ theo một trình tự từ trên xuống dưới (hoặc từ dưới lên trên) và nằm gọn trong một khung chữ nhật, với tỷ lệ về bề cao và bề ngang nhất định. Chủ đề là con người, hay thân xác con người, thì đương

nhiên người đi đầu, theo lô gích sẽ vẽ những gì liên quan đến phần trên của cơ thể con người, v.v...

Vì chủ đề khá hiện thực, nên các họa sĩ cũng chỉ có thể diễn đạt bằng ngôn ngữ tượng hình.

Giả thử nếu đặt trò chơi cho những họa sĩ không tượng hình thì kết quả không biết sẽ ra sao, hay có khi nó sẽ trở thành một trò chơi khác, có những mặt thú vị khác cũng nên ?

Cuộc triển lãm *Cadavre exquis* đầu sao cũng đã hấp dẫn được đông đảo người đến xem và gây được phản ứng tích cực ở nhiều người.

Ngoài phần *Cadavre exquis* ra, người ta còn được chiêm ngưỡng sáng tác mới của Trương Tân và Trần Trọng Vũ gồm tranh, tượng, không gian bày biện (*installations*). Hai họa sĩ này dường như vẫn chưa nói hết những điều mình muốn nói từ một số năm nay, nên vẫn kiên trì trong cách đặt vấn đề cũng như trong ngôn ngữ diễn đạt, mỗi người trong một lãnh vực khác nhau.

Triển lãm tranh của hai họa sĩ

**Nguyễn Thân và Nguyễn Quân**

tại Galerie Kiron

10, rue de la Vacquerie, 75011 Paris

từ 17/12/97 đến 7/2/98

Hơn hai chục bức tranh sơn dầu và bột màu của họa sĩ Nguyễn Thân và mười bức vẽ bằng mực tàu trên giấy dó của họa sĩ Nguyễn Quân đã được đưa từ Việt Nam qua và hiện đang được trưng bày tại Galerie Kiron, thuộc quận 11.

Vào những tháng tới, tranh của nhiều họa sĩ Việt Nam khác cũng sẽ được đưa sang trưng bày tại đây. Tuyển tập tranh của các họa sĩ này, do nhà Kiron xuất bản, đã được in xong và bày bán tại đây.

Nguyễn Thân là một họa sĩ thuộc lứa tuổi trung niên. Tranh của anh là tranh tượng hình, có xu hướng đơn giản hoá và đi đến trừu tượng trong cách bố trí các hình thể và mảng màu. Đối tượng tranh thường là những hình người, mặt người, trong một môi trường mờ nhạt không rõ nét. Một số tranh có bố cục chặt chẽ, nhưng phần lớn thiếu tính năng động, thiếu nhịp điệu. Kỹ thuật sơn dầu, chất liệu và kỹ thuật hình họa, nói chung, không có gì là đặc sắc, đôi khi khá thô sơ.

Họa sĩ Nguyễn Quân là một họa sĩ đã thành danh từ lâu. Anh cũng thuộc lứa tuổi 50. Người ta biết anh nhiều qua tranh sơn dầu với phong cách biểu hiện – siêu thực rất độc đáo. Rất tiếc lần này anh đã không đưa được loại tranh này sang, mà lại chỉ đưa sang những hình họa mới vẽ gần đây. Đó là những bức hình họa vẽ bằng mực tàu trên giấy dó, theo phong cách nửa truyền thống, nửa trừu tượng, khác hẳn với phong cách vẽ quen thuộc mà người ta vẫn thường gặp trên tranh sơn dầu trước đây của anh. Trong tuyển tập tranh giới thiệu các họa sĩ Việt Nam sẽ triển lãm ở đây thời gian tới, tình cờ tôi được thấy những tác phẩm sơn dầu mới đây của anh. Phải chăng Nguyễn Quân đang mầy mò đi tìm một hướng vẽ mới ?

Văn Ngọc

# tàng trệt thiên đường

truyện ngắn  
Bùi Hoàng Vị

**T**ÀNG TRỆT. TRONG PHÒNG. CHẴNG CÓ ĐỒ ĐẶC GIỎI ngoài một tủ kê sát tường, một bàn kê sát tủ, và hai ghế kê sát bàn.

Hai hữu thể có cánh, rã rượi, ố bần, như chưa một lần bay lượn : Một, có cặp móng lớn lao và hung hãn, đang đứng kiễng chân trên đầu bàn, ghé tai vào cái đài bán dẫn made in Hell giấu trên nóc tủ, vẻ lắng nghe, thỉnh thoảng quay lại bộ mặt xanh xao, mắt quầng thâm, thờ dài... Một kia, đang ngồi ở ghế cạnh bàn, đầu cúi, viết không ngưng nghỉ... Những dòng chữ chảy lênh láng, ngập một tắc trên sàn, tràn cả ra cống rãnh ngoài cửa. Bầu khí thì oi, thoang thoang mùi chuột, và gián, và rác...

– Em van anh. Hữu thể đang đứng nhắc lại, giọng ủ dột. Anh viết gì mãi thế ?

Hữu thể kia vẫn mãi mê không đáp.

– Không. Giọng càng ủ dột. Không thể thế được. Em không tin.

– Gì cơ ? Giọng hỏi lơ đãng.

– Em không tin.

– Nhưng tin gì cơ ?

– Không thể vui thế được. Ở dưới ấy đã được giả thiết là buồn thảm.

Hữu thể kia bất giác ngừng đầu, vẫn lơ đãng. Chiếc đài đang lần lượt nhả ra âm thanh của chín kênh địa ngục.



**A**nh bất giác ngừng đầu, lúc nàng đưa tay vặn nút, dò tìm kênh một, VOHell. Một bản giao hưởng tấu bằng các khí khổng. Anh ngừng bút, nhưng không có ý nghe, chỉ lơ đãng đưa mắt nhìn sang phải, ở đó, một mảng vôi xám nữa vừa rơi xuống từ cái vách ố bần, la liệt những chữ Dieu, Love, Rai... viết nguệch ngoạc bằng phấn và than, chung quanh những nét vẽ, còn nguệch ngoạc hơn, phác thảo chân dung của Thượng Đế, vẻ mặt vừa đáng

kính vừa đáng ngờ, với một vòng hào quang màu hoen rỉ. Phải, hào quang. Điều ấy vẫn được thừa nhận như là cố hữu và hợp lý, phải không ?

Bản giao hưởng dứt. Chương trình được tiếp tục bằng một giọng xuống ngôn chuyên nghiệp... *Sau đây là bản tin cuối ngày. Vừa qua chúng tôi đã tiếp nhận thêm 12 hữu thể có cánh. Một trong số cho biết, họ đã... từ những bóng tối thiên đường nào trung cổ, những xứ sở nào buồn bã vô song. Thấy đều bơ phờ, liệt nhược. Một số đã chết. Hiện chưa tìm được biện pháp nào khả dĩ giúp số còn lại vui lên được một chút. Chúng tôi thành kính nghiêng mình trước... Chúng tôi trân trọng mọi nỗi đau thiên đường... Anh ngập.*

Tiếng rột rạt phát ra từ cái nút vặn đài. Nàng rà sang kênh hai. Một bài triết luận đang đọc dở... *Cuối cùng, rõ ràng sứ mệnh cay nghiệt mà trung thành nhất của ý thức vẫn là phản bội, và, rất tiếc, ấy lại chính là phương tiện duy nhất cứu rỗi cho chân lý... Anh vẫn không buồn nghe. Sự chú ý của đôi tai anh đột ngột được dành cho những âm thanh đang vọng xuống từ những tầng trên của toà cao ốc, những tiếng cãi cọ, chỉ chiết chua ngoa, những tiếng quát tháo, rồi là tiếng khóc khô khan... Mắt anh thì để ra cửa sổ. Ngoài ấy, một con gió đang cuốn bụi bay tung. Màu trời u uất. Có một con trốt xám vẫn lơ lửng ở đâu đó, anh biết.*

Kênh ba. Tin về phát hiện khoa học mới nhất... *Vừa qua, các nhà... đã thí nghiệm thành công... Tia nhìn anh bất động, bám lấy cái cửa sổ, trong lúc cố hình dung ra điều gì nghiêm túc, chẳng hạn một phòng thí nghiệm, những ống thủy tinh, những cái blouse trắng... Anh cố gắng đến đâu mỗi, cuối cùng lắc đầu. A, một lần nữa anh kịp nhận ra, chẳng có hình ảnh nào gọi được là nghiêm túc lại có thể lưu trú trong trường ý thức anh. Nhưng mà không, xét cho cùng, có hề chi. Những điều ấy, dầu nghiêm túc đến đâu mặc, có liên quan gì đến anh, đang ngồi đây, giữa một nỗi hỗn mang oi ả, thoang thoang mùi chuột và gián và rác !*

Cái nút đài tiếp tục kêu lên. Nó lại được hăm hở vặn đi. Kênh bốn. *Tiếng Thét Vượt Thời Gian.* Anh mệt mỏi đặt bút xuống. Ấy là từ ngữ anh thật sự không muốn nghe. Thời gian.

Kênh năm. Bản tin lúc không giờ. Lại thời gian ! Cái gì vậy ? Có phải mở khái niệm gắn liền với từng múi giờ, mà bày hữu thể có đuôi nào đó cam lòng chia nhau gặm nhấm ? Thế, anh chẳng thể chia sẻ với họ. Ở đây, nơi thường trú anh, dù sáng hay tối, ngày nắng hay ngày mưa, mùa ít nóng hay mùa rất nóng, thì ngọn đèn duy nhất giữa trần phòng kia cũng cứ thấp suốt, chẳng khác một con mắt vàng treo dọc, không bao giờ nhắm lại, và, dưới ánh sáng tự kỷ ám thị kinh niên vàng vọt của nó, anh không thể xác định được là mấy giờ. Thời gian của anh là mệnh mang vô bờ bến, hay co xoắn đậm đặc, theo cách nào đó, anh không thể diễn tả bằng ngôn ngữ phạm tục bất toàn, nó phải được thể nghiệm và diễn giải theo những phạm trù siêu việt hẳn, vượt khỏi tầm với của ý thức lẫn tưởng tượng anh. A, thời gian ! Đã lâu rồi, anh không còn biết đến nữa.

Bản tin bỗng nín kéo thần trí anh trở về với cái đài : *Nghe nói, ở tầng trệt của Thiên Đường, từ một nỗi đau già, một hữu thể có cánh đã để chảy lênh láng những giòng thơ, làm ngập lụt mọi cống rãnh...* Nàng quay lại, giọng trách móc.

– Người ta đang nói về anh. Mắt nàng như quầng thâm hơn.

Anh lắng nghe, vẻ buồn bã.

– Không. Họ lầm. Nỗi đau của anh là có thật.

Và anh cúi mặt, vẻ rất buồn bã, nhìn những giòng chữ chảy khôn cầm. Họ có thể hiểu gì về việc anh đang làm ! Nhưng thôi, thầy kệ, anh chẳng cần. Khi anh sáng tạo, một mình anh là đối trọng của thế giới, anh tự triển khai thành một thế giới của riêng anh...

Kênh sáu. Tiếng động kéo kẹt của một chiếc giường. Tiếng thở hổn hển lẫn tiếng rít khe kẽ, khuyến khích...

– Nghe nói, ở dưới ấy bọn quý cái đẹp lắm, đúng thế không, anh ? Giọng ử dọt của nàng vang lên, như rên.

– Có đâu. Anh vẫn cúi mặt. Đã được chứng minh là ở dưới ấy những hữu thể có đuôi, giống cái, phải ngồi trước gương hàng giờ và tô đi tô lại đường viền những lỗ thủng trên mặt bằng những mỹ phẩm thượng hạng. Họ hẳn phải xấu xí.

Nhưng nàng vẫn chẳng có vẻ gì là người ngoại. Những ngón tay run rẩy lại day nghiêng cái nút vặn.

Kênh bảy. Tiếng cốc tách chạm nhau. Tiếng cười. Tiếng chúc tụng. Một buổi liên hoan. *Nào, nào, xin cạn ly, nhân kỷ niệm lần thứ 1991 ngày qua đời của...* Anh không thể không một lần nữa nhìn qua cửa sổ. Đàng xa, ở cuối tầm mắt, cách một quãng đồng vắng không cây, có một cái gò lớn, vẫn được mệnh danh Năm Mồ Của Thượng Đế. Phần anh, chưa bao giờ gọi nó bằng cái tên đó. Thật xúc phạm đối với con tim khi phải nhìn thấy nó hôm nay, cỏ xanh loang lổ. Anh vẫn nghĩ, lẽ ra nó phải được lát bằng những phiến cẩm thạch, mát lạnh và lặng lẽ, an nghỉ dưới bóng râm của những rừng trường xuân.

Kênh tám. Tiếng cười sặc sụa...



**N**àng cứ rà đi rà lại cái nút vặn, vẻ thất vọng. Cuối cùng, bật khóc.

– Không. Nàng gục đầu vào cái tủ, vai rung lên. Em không tin.

– Thôi nào ! Giọng nhằn nại, anh nói, trong lúc quờ lấy cây bút, cách vô thức.

Anh lại cúi xuống, cảm cúi viết. Chữ nghĩa lại chảy lênh láng, ngập ngựa, ào ạt khắp, phần lớn xuống cống rãnh

sặc mùi chuột và gián và... chỉ một ít bay tung theo gió, lấp lánh giữa đám bụi. Vẫn lơ lửng một con trốt xám ở đầu đó, bên ngoài... Bầu khí thật oi.

Anh ước ao nàng sẽ vặn cái đài về kênh chín. Nhưng chẳng hề hy vọng điều đó. Nàng chẳng bao giờ lại chọn nghe kênh chín, cũng như chẳng bao giờ lại chịu tất cả đi. Chẳng thà vận suốt, và cứ như thế, để cho tiếng rột rạt hăm hở kéo dài tưởng chừng vô tận. Dù sao vẫn hơn. Nàng bảo. Em ghét kênh chín. Phải, anh biết, ở đây chỉ được nhà ra một Dấu Lặng Vĩnh Cửu. Còn anh, thì thêm khát nghe nó xiết bao.

Từ một tầng bên trên của toà cao ốc lại vọng xuống một giọng lanh lảnh, át cả tiếng rột rạt ngoạn cố của cái nút vặn đài : *Góm, lại sặc. Rõ khôn khổ. Người ta vẫn nuốt cả tấn địa ngục vào họng đến là tươm tất, còn ông, có mỗi cái hạt tằm cũng cố mà sặc. Thật, tôi đến độn thổ...*

Anh chẳng muốn nghe chút nào, cứ lảng lạng viết xối xả. Song, thật đáng buồn, đôi vành tai của anh đâu thể đóng lại ! Đây, và anh cũng lại nghe nàng rảo trở về kênh bảy...

Tiếng ngáy như sấm. Buổi liên hoan đã vắng rồi sao ? Anh lẩm bầm... Bất thần vang lên, trong khoảnh khắc, một đoạn Adagio của bản... N°14, của... Kênh sáu, phải không em ? Anh định hỏi, nhưng cái nút đã vặn đi. Phải rồi, kênh sáu. Người ta đã ngưng chuyện ấy, chỉ còn tiếng đàn ruộm máu, ánh trắng ruộm máu. Anh lại bất giác nhìn ra cửa sổ, nhìn những đám mây trên cánh đồng thiên thu, chẳng phải mùa xuân, chẳng phải mùa hạ, cũng chẳng phải..., những đám mây ấp ủ mộng đời nào bất tuyệt. Chúng đến từ đâu ? Anh bỗng cảm giác xa lạ, xa lạ, xa lạ...

Kênh năm lại vờ lấy thần trí anh với cái giọng thường trực : *Chẳng bao giờ đã và cũng sẽ chẳng bao giờ có ai từng nghe nói về một vụ tự tử như thế, — tự tử bằng thơ. Thơ dâng lên từng milimét, chắc chắn sẽ ngập đến cằm, đến miêng, đến mũi, và thế là hết, chỉ còn hai con mắt, thao láo, dần dần bất động, ngưng thần. Đồng thời, mức thơ không dâng lên nữa. Phải mất lâu lắm, thơ mới rút đi hết, qua ngã cống rãnh, và trên nền nhà chỉ còn lại sống suột một mình thi nhân, với đôi cánh nát tan...*

– Họ lại nói anh. Giọng nàng nghe khô khốc.

– Không. Anh lơ đãng nhìn xuống bàn, gẩy gót cây bút, nhưng không viết. Họ không hiểu gì hết. Chúng ta không biết đến sự chết. Khái niệm đó đã được qui ước là vô nghĩa ở Thiên Đường.

Anh vẫn gẩy gót cây bút. Sao họ lại đối trá thế ? Chẳng ai đã từng biết được điều gì về chốn đây. Tự tử bằng thơ ! Có buồn cười không. Anh nào có làm thơ ! Anh chỉ để chữ nghĩa tuôn chảy mãi thế này, ngập sàn một tấc, và chỉ thế không hơn. Còn anh, thì tồn tại đã được chỉ định là chẳng bao giờ kết thúc.

– Nhưng em van anh. Anh viết thế để làm gì chứ ?

– Anh van em. Giọng anh cũng khô khốc. Anh không

biết. Có thể nào khả hữu một câu trả lời khác hơn, mà vẫn trung thực đến thế ? Cũng như có thể nào tìm thấy một điều gì khác hơn là cây bút xấu xí này, để cho anh trang trải hết cái chiều kích ghê gớm của thiên thu ? Quả thật, anh không biết.

Anh thoáng thấy nàng mím môi. Cố nhiên, ấy chẳng phải lần đầu tiên được đặt cho anh một câu hỏi đại loại. Nhưng thôi, hãy quên đi những điều nhỏ nhặt, khi một mình anh cũng đủ khả năng là đối trọng của thế giới, một mình anh cũng có thể tự triển khai thành...

Đường như nàng cũng thế, cũng biết quên. Thoắt cái, nàng đã thấy sang kênh khác, vẻ lãnh đạm.

Kênh bốn. Chương trình đọc thơ. Đã về đâu rồi, Tiếng Thét Vượt Thời Gian ? Và bây giờ, thì thơ ! Một giọng đọc có cái gì đó khẩn thiết, buộc anh phải lắng tai.

...Anh ra ngô, ngồi xuống một phiến đá, và bắt đầu khóc. Anh khóc trước tiên cho bản thân anh, rồi sau đó, cho mọi thứ, mọi sự trên đời : Khóc cho trời đất quá bao la, cho những đám mây quá xanh, cho mặt trời quá rực rỡ, cho đồng lúa quá vàng, cho giòng sông quá nhiều nước, cho những kẻ đi vụt qua ; - cho người đàn bà kia đôi vai quá mảnh, đôi vú quá lớn ; cho người đàn ông kia dáng đi quá nhọc nhằn, lại còn sở hữu thêm cái... quá khổ... A, mọi sự tồn tại đều đẹp đẽ và tội nghiệp đến mức không chịu nổi. Song, điều càng lúc càng trở nên khủng khiếp nhất, là anh vẫn không thể nào hiểu được cái lẽ tồn tại của chúng. Thế là, anh lại khóc và khóc, và phát hiện ra đôi mắt là cả một nguồn mạch đầm đìa.

Ôi khốn khổ. Tạo vật có đuôi vô danh nào đã có thể cửu mang một nỗi đau dường ấy, nỗi đau đồng dạng với nỗi đau anh ? Đoạn thơ khiến anh thật sự ganh tị, dù chỉ có bấy câu. Chao, chẳng bù cho bao tuyệt phẩm anh đã từng biết, trường giang đại hải, hoàn thiện một cách vô tích sự ; hay hóm, thông minh và vĩ đại một cách vô tích sự, chẳng đáng để anh nhớ mãi may...

Dù sao, rất tiếc, thì ca vẫn không phải điều nàng quan tâm. Tiếng rột rạt lại cương quyết nói lên điều đó... Cái đài đang trở về kênh ba...

Vẫn những mẩu tin nhanh về những phát hiện mới nhất... đã xác nhận tồn tại của lỗ đen... Vấn đề bản chất của lỗ đen,— điều kỳ diệu đến nghịch lý của thực tại vật lý... Lại những điều đồng thời vừa nghiêm túc vừa chẳng liên quan gì đến anh, đang ngồi đây, giữa nỗi hỗn mang oi ả, thoang thoang mùi chuột và gián và rác, dưới cái áp suất song trùng, vừa xám xịt, của một con trời vẫn lơ lửng ở đâu đó ngoài kia, vừa võ vàng, của ngọn đèn duy nhất trong phòng, chẳng khác một con mắt kinh niên tự kỷ ám thị treo dọc, không bao giờ nhắm lại...

...Nghiên cứu cho thấy, ở điều kiện..., dung dịch từ mắt sẽ không chảy xuống má, nhưng sẽ... Những từ vụng lại tiếp tục nổ dòn một cách nghiêm túc phi thường, trong khi anh chẳng biết làm gì khác hơn là ngáp, và kín đáo nhận ra, chẳng bao giờ kịp che miệng.

Cái ngáp của anh kéo dài cùng với tiếng rột rạt của cái nút vặn dài, và không thể ngưng lại, ngay cả khi trên kênh hai đã vang lên bài triết luận dị hợm quen thuộc... Đã đành năng lượng phải được tiêu hao dưới mọi hình thức, thế này hay thế khác, song bị kịch nhất vẫn là nỗ lực vận dụng nó cho việc ghi nhớ những điều chẳng..., hay trả giá nó cho niềm tin vào những thứ chẳng..., vâng, và ngay cả khi anh, như theo một phản xạ tự nhiên, vụt ngoảnh ra cửa sổ, đưa mắt nhìn về phía nấm mồ của Thượng Đế, với vẻ buồn rầu...

Lúc này đây, anh càng khát khao chuyển cái đài về kênh chín, khát khao đắm mình vào nó, — cái Dấu Lặng Vĩnh Cửu, chưa một lần được nghe nọ, xiết bao. Song, anh vẫn ngồi yên thế, vâng về cây bút, lặng lẽ ngáp, và cuối cùng, lại lặng lẽ cúi xuống, tiếp tục viết và viết, lênh láng, xối xả, ào ạt khắp...

Thôi, cứ xem như giải pháp duy nhất cho anh là thế, và anh sẽ mãi còn trung thành với nó, thầy kệ mọi sự, thầy kệ cả cái đài đã được nàng vặn hồi hã, rột rạt trở về kênh một, nơi cũng vừa kết thúc một bản tin hay một bài triết luận hay một bài thơ nào đó anh chẳng rõ : ... Sẽ chỉ còn lại một mình anh thôi, và thế cũng đủ để hoàn tất sứ mệnh làm chứng cho nỗi vô nghĩa bí ẩn và vĩnh cửu của tồn tại Thiên Đường. Và cố nhiên, ngay cả cái lối kết thúc này nữa, anh tự nhủ, cũng phải được thầy kệ nốt.

**Bùi Hoàng Vị**

02/1991

(Tàng Trệt Thiên Đường,  
tập truyện ngắn, Nxb Trẻ, 1995)

## DIỄN ĐÀN forum

Directeur de publication : Nguyễn Quang Đỗ \* Imprimé  
par nos soins \* Dépôt Légal : 178/9  
Commission Paritaire : AS 7 324 \* Prix : 25 F.

Địa chỉ bưu điện :  
BP 50, 92340 Bourg-La-Reine (Pháp)  
Fax : từ Pháp : 01 45 88 54 58 quốc tế : 33 1 45 88 54 58

Địa chỉ điện tử (E-Mail) :  
diendan\_forum@compuserve.com

Đại diện ở các nước :  
Đức : Tran, Am Stadtpark 6, 92237 Sulzbach-Rosenberg  
Ba Lan : Anna Le Duc, 03-914 Warszawa, ul. Saska 44/19

Thể lệ mua báo : xin coi trang 3  
Bài viết tay hay đánh máy trên một mặt giấy, hay trên đĩa  
Mac (font ThinArt) hay PC (font VNI, PDT...) ; hoặc qua  
Email (bỏ dấu theo quy ước Vietnet)